

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 33, Chúa Nhật 28.01.2007

CÁC SỐ BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH

MỤC LỤC

Công Đồng Vaticanô II, một ý nghĩ cá nhân của Đức Gioan XXIII Bản dịch của GHHV

Cha Pierre : Chứng nhân của tình yêu thương không biên giới Gs. Nguyễn Đăng Trúc

Trên đường lữ hành Lm. Nguyễn Ngọc Long

TRÁI TIM KHÔNG NGỦ YÊN Lm. Đỗ Văn Lực, op.

TUYỆT VỜI Vân Thanh

TÔI ĐẾN THĂM EM LM. Martino Nguyễn Bá Thông

LỆNH TRUYỀN "HÃY ĐI" VÀ SỨ MẠNG "RA ĐI" Lm. Vũ Xuân Hạnh

LÀ NGƯỜI ĐIÊN TRONG CHÚA Phêrô Vũ văn Quý CVK64

Tác phẩm ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO... (tiếp theo) Lm. Micae-Phaolô TRẦN MINH HUY

Dấu Hiệu Khi Thiếu Sinh Tố Đức Bác sĩ Nguyễn Ý

Lời Giới Thiệu Tổng Quát Về Công Đồng (tiếp theo)

II. Công Đồng Vaticanô II

A. Vaticanô II, một ý nghĩ cá nhân của Đức Gioan XXIII:

Nguồn tin Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII loan báo triệu tập Công Đồng đã làm cho toàn thể giới ngạc nhiên; hầu như không một ai chờ đón và nghĩ tới sự kiện đó. Lúc đó là ngày 25 tháng Giêng năm 1959. Đức Giáo Hoàng và một vài Hồng Y đến tham dự một nghi lễ tại Vương Cung Thánh Đường Thánh Phaolô ngoại thành. Sau buổi lễ, trong một phòng khách của tu viện cạnh thánh đường, khi ngỏ lời với các Hồng Y, Đức Thánh Cha nói Ngài đã có ý định triệu tập một Công Đồng Chung, một Thượng Hội Đồng giáo phận Roma và muốn cải tổ giáo luật.

Lúc đó, người ta bắt đầu nói đến một "Công Đồng Hiệp Nhất" mọi Kitô hữu; thực vậy chính Đức Thánh Cha muốn Công Đồng trở thành một lời mời đến hiệp nhất. Cũng ngày 25 tháng Giêng năm 1959, Đức Gioan XXIII bế mạc tuần lễ hiệp nhất, và bốn ngày sau Ngài

đã tuyên bố về Công Đồng như sau: "Chúng ta hãy hiệp nhất với nhau và chúng ta hãy chấm dứt mọi bất hòa". Tinh thần hiệp nhất đã trở nên niềm hy vọng và là động lực hướng dẫn cho Công Đồng, cũng như sau này sẽ là một trong những thành quả hiển nhiên nhất của Công Đồng.

Ý nghĩ triệu tập Công Đồng là một linh ứng đặc biệt của Đức Gioan XXIII. Ngài không thổ lộ với ai, cũng như chưa có ai đề nghị cho ngài ý tưởng đó. Hơn thế, lúc ấy người ta nghĩ rằng các Công Đồng sẽ không còn cần thiết nữa. Sau Công Đồng Vaticanô I với định tín ơn bất khả ngộ của Đức Giáo Hoàng, nhiều người đã ngầm chấp nhận "luận đề" của Bismark cho rằng từ nay Công Đồng trở nên vô ích. Và trong suốt thế kỷ sau Công Đồng Vaticanô I, uy quyền Giáo Hoàng vươn dần tới chỗ độc tôn đến nỗi ai cũng công nhận rằng ngay cả quyền giáo huấn thông thường của Giáo Hoàng vẫn là "mức thước của đức tin" cho tín hữu thực hành. Bởi thế, do ơn quan phòng, Đức Gioan XXIII, "vị Giáo Hoàng chuyển tiếp", như người ta vẫn gọi thế, đã đưa Giáo Hội thoát xa "duy giáo hoàng thuyết", để đến gần với "nguồn Phúc Âm" hơn.

B. Tổng luận về Công Đồng Vaticanô II:

Vaticanô I phải chấm dứt vào ngày 20 tháng 10 năm 1870, khi giáo phận Roma bị sát nhập vào vương quốc Ý. Công Đồng đành đình hoãn vô thời hạn. Chương trình các vấn đề bàn cãi còn dang dở. Tối thượng quyền và ơn bất khả ngộ của Đức Giáo Hoàng là những vấn đề không nằm trong chương trình ban đầu, lại được Công Đồng định tín trước; còn nhiều tiết mục quan trọng khác về Giáo Hội, nhất là về vấn đề truyền giáo, về nhiệm vụ các Giám Mục v.v... chưa được bàn cãi tới. Vì thế, Công Đồng Vaticanô I là một Công Đồng đã ngưng trệ nhưng chưa hoàn tất.

Đức Piô IX, Đức Lêô XIII và cả Đức Piô X hình như đã không nghĩ tới việc tiếp tục và hoàn tất Công Đồng. Sau trận đại chiến, Đức Piô XI đã quan tâm đến vấn đề: trong Thông Điệp đầu tiên *Ubi arcano* (23-12-1922), ngài có đề cập tới vấn đề tiếp tục tiến hành công việc còn dang dở của Công Đồng (AAS 14 (1922) 692). Ngài đã đề cử một ủy ban để tìm hiểu các văn kiện của Công Đồng Vaticanô I và tìm cách thức tiến hành.

Rồi đến Đức Piô XII, ngay khi vừa nhận chức Giáo Hoàng, ngài đã được Hồng Y Ruffini đề nghị tiếp tục Công Đồng. Đã có một nhóm chuyên viên làm việc trong nhiều năm với mục đích chuẩn bị Công Đồng, cho tới khi Đức Piô XII băng hà.

Đức Gioan XXIII đã tiếp tục. Tuy nhiên, điều mới mẻ nơi ngài là ý định triệu tập Công Đồng không phải phát sinh từ việc học hỏi các tài liệu, nhưng từ những nhu cầu cấp bách thực tế của Giáo Hội. Và đó cũng là hướng đi đặc biệt của Vaticanô II.

Thông thường, Công Đồng là một giải đáp của Giáo Hội trước một khủng hoảng rõ ràng, chẳng hạn một lạc giáo hay một cuộc ly khai v.v... Thế nhưng vào năm 1959, người ta có cảm tưởng rằng Giáo Hội không phải bận tâm về một khó khăn nào: không có lạc giáo, không có bách hại. Hơn thế, uy quyền Giáo Hội lớn mạnh hơn lúc nào hết. Tuy nhiên, phải nhìn thẳng vào bề mặt của Giáo Hội, người ta mới nhận thấy rằng hơn bao giờ hết. Giáo Hội đang đương đầu với những vấn nạn cực kỳ khó khăn. Từ Vaticanô I, thế giới đã đổi thay còn nhanh hơn 19 thế kỷ qua. Cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật đã có hấp lực hướng về viễn ảnh tương lai, mà đối với họ, hình như đang ở trong tầm tay. Con người đặt trọn niềm hy vọng của mình nơi thế giới vật chất này, vì đối với họ, những hứa hẹn của các tôn giáo đều tan vỡ. Nhưng đồng thời và hơn bao giờ hết, con người lại cảm thấy luôn bị đe dọa do chính những khám phá của họ: hiểm nguy tiêu diệt của bom nguyên tử, bầu khí thiếu lành mạnh và nhiễm độc của môi trường văn minh, chiến tranh liên lỉ...

Đang khi đó, các Kitô hữu, thành phần thiểu số của thế giới, lại chia rẽ hơn bao giờ hết. Giáo Hội Công Giáo đã mất đi những cơ hội truyền giáo hứa hẹn nhất, và đau đớn vì những rạn nứt nội bộ không ngừng xảy ra nơi các xứ Kitô giáo lâu đời.

Vì sự hiệp nhất Kitô hữu đã trở nên hết sức cần thiết. Nhưng sự hiệp nhất không thể đương nhiên thành tựu, mà trái lại chính người Kitô hữu phải bắt đầu và khởi sự đi dần tới hiệp nhất. Bởi vậy, cần phải thay đổi nhiều và "tự cải hóa"...

Những vấn đề ấy là những lý do đủ để khai mở một Công Đồng.

1. Giai đoạn tiền chuẩn bị (từ 17-5-1959 đến 5-6-1960)

Công Đồng bao giờ cũng là công việc rất quan trọng, cho nên ngay cả công cuộc chuẩn bị, người ta cũng phải sửa soạn trước. Do đó có giai đoạn được gọi là "tiền chuẩn bị".

Trong giai đoạn này, người ta có thể theo hai phương pháp làm việc: hoặc tiếp tục công trình của Vaticanô I, hay khởi sự từ những vấn đề mới. Trong phương pháp thứ hai, người ta

còn có thể bàn luận những đề mục do Tòa Thánh Roma đề nghị hay hỏi ý kiến các Giám Mục về những đề mục. Phương pháp thứ hai được áp dụng cho giai đoạn này của Công Đồng Vaticanô II.

Để thực hiện việc này Đức Gioan XXIII đã đề cử một Ủy Ban do Hồng Y Tardini làm chủ tịch. Và đây là lần đầu tiên trong lịch sử, các Nghị Phụ Công Đồng tương lai được tham khảo ý kiến (ở Công Đồng Vaticanô I, chỉ có 35 Giám Mục được hỏi ý kiến). Các Đại Học cũng được thăm dò. Hơn thế, một sự kiện chưa từng có là không có vấn đề giới hạn các đề mục. Con số trả lời lên tới 2,109, làm thành 8 quyển. Tổng kết gồm 8,972 đề nghị.

Để khai triển những đề nghị trên, Đức Giáo Hoàng ra tự sắc *Superno Dei nutu* ngày 5-6-1960, ngày Lễ Hiện Xuống, trong đó, ngài thành lập 12 Ủy Ban và 3 Văn Phòng. Các Ủy Ban này tương đương với những Thánh Bộ của Giáo Triều Roma, cũng có một bộ trưởng tương ứng. Ủy Ban Trung Ương do chính Đức Giáo Hoàng làm Chủ Tịch, và Tổng Thư Ký lúc đó là Đức Cha Felici, sau này trở thành Tổng Thư Ký của Công Đồng. Thành phần các Ủy Ban được tuyển chọn trong toàn thế giới, mặc dầu phần đông thuộc Âu Châu, vì lý do tài chánh và kỹ thuật.

Còn về tên gọi của Công Đồng, người ta bàn cãi không biết đó có phải là một Công Đồng khác, hay là kế tiếp Vaticanô I. Cuối cùng, vào ngày 7 tháng 12 năm 1959, Đức Giáo Hoàng chính thức đặt tên là Vaticanô II.

2. Quá trình giai đoạn chuẩn bị (từ 14-11-1960 đến 11-10-1962)

Ngày 14-11-1960, Đức Giáo Hoàng đọc diễn văn khai mạc giai đoạn chuẩn bị trước 33 Hồng Y và hàng trăm Giám Mục: mục đích của Công Đồng là "đem lại chân giá trị cho tư tưởng con người, cũng như cho đời sống nhân loại và Kitô giáo", trong một tinh thần biết tìm về nguồn và biết vâng theo Chúa Thánh Thần (AAS 59 (1960) 1004-1014).

Ngay trước khi khai mạc, các Ủy Ban đã phải làm việc ngày đêm. Họ lo soạn thảo các lược đồ hội nghị. Để hoàn thành một lược đồ, các thành phần của Ủy Ban phải họp lại với nhau, dưới quyền chủ tọa của một Hồng Y; bên họ luôn có những nhà chuyên môn tài giỏi. Trong 8 quyển chứa đựng các đề nghị, họ phải chọn lựa ra những chất liệu căn bản, dựa theo tầm quan trọng và theo con số những người đề nghị v.v...

Sau đó, họ bàn cãi để đi đến chấp nhận cách tổng quát những đề tài và những tiêu chuẩn làm việc. Thế rồi, để tiến hành công việc, các chất liệu lại được phân chia thành những tiểu đề do các tiểu ban hoặc các nhóm chuyên viên đảm trách.

Các nhóm và tiểu ban này một lần nữa sẽ đúc kết các tiểu đề và phân thành chương, rồi cuối cùng soạn thành một bản sơ thảo. Bản sơ thảo này sẽ được chính tiểu ban soạn thảo bàn cãi một lần nữa, tu bổ lại, hoặc có khi loại bỏ. Sau đó, tiểu ban sẽ soạn lại một sơ thảo mới. Khi tiểu ban đã đồng ý, bản sơ thảo sẽ được cho in và gửi đến mọi thành phần của Ủy Ban và các cố vấn; những vị này sẽ gửi nhận xét đến tiểu ban. Một số các cố vấn; những vị này sẽ gửi nhận xét đến tiểu ban. Một số các nhà chuyên môn sẽ tìm hiểu các nhận xét đó, sắp xếp và chuyển về cho các thành phần tiểu ban. Tiểu ban sẽ xem xét các nhận xét, chấp thuận hay loại bỏ. Cuối cùng lược đồ sẽ được Ủy Ban nhóm họp lại bàn cãi tự do và bỏ phiếu quyết định.

Một lược đồ đã được Ủy Ban chấp thuận còn phải đệ trình lên Ủy Ban Trung Ương. Ủy Ban này do chính Đức Giáo Hoàng chủ tọa, được coi như một tiểu Công Đồng: gồm nhiều Hồng Y, Thượng Phụ và Giám Mục... của 57 quốc gia. Lại có một tiểu ban đặc biệt chuyên xem xét các lược đồ thuộc các Ủy Ban khác nhau để tránh sự lặp lại chất liệu.

Khi một lược đồ được đệ trình, Ủy Ban Trung Ương sẽ cẩn thận duyệt xét, để xem có đáp ứng đủ với những tiêu chuẩn đã ấn định hay không. Sau đó Ủy Ban sẽ bỏ phiếu: đồng ý, không đồng ý, hay đồng ý với vài sửa đổi. Nếu hơn một phần ba không đồng ý, lược đồ bị loại bỏ; và Ủy Ban có trách nhiệm phải soạn thảo một lược đồ khác. Nếu được chấp thuận, lược đồ sẽ được đệ trình lên Đức Giáo Hoàng, và chính Ngài sẽ quyết định cho đem trình bày với các Nghị Phụ ở Công Đồng.

Thành quả của những công việc lâu dài này là 70 dự án được chấp thuận, làm thành 2,060 trang giấy in. Tuy nhiên, các chất liệu vẫn còn quá bao la, nên đòi hỏi phải lược tóm hơn nữa.

3. Kỳ họp đầu tiên của Công Đồng (từ 11-10 đến 8-12-1962)

Trong Tông Hiến *Humanae Salutis* (ngày 25-12-1961), Đức Giáo Hoàng quyết định triệu tập Công Đồng vào năm 1962; và ngày giờ chính xác để khai mạc được ấn định trong Tự Sắc Concilium (ngày 2-2-1962).

Có tất cả 2,904 Nghị Phụ được mời gọi tham dự, và con số các Nghị Phụ có mặt lên rất cao (trong các lần họp, nhiều nhất là 2,449 vị và ít nhất là 2,086 vị tham dự). Vài ngày trước khi khai mạc, Đức Thánh Cha đã hành hương đến Loretto và Assisi (vào ngày 4-10-1962) để cầu xin Ông Trên.

Trong bài diễn văn khai mạc, Đức Gioan XXIII đã đưa ra những tôn chỉ hướng dẫn Công Đồng: cởi mở với thế giới; thông cảm chứ không lên án tuyệt thông; xót thương hơn là khắt khe; nhận chân rằng thế giới cũng rất nhạy cảm, không chấp nhận sai lầm: loan truyền Phúc Âm với niềm hy vọng hơn là với tâm trạng của "những tiên tri loan báo sự dữ".

Khoảng thời gian từ ngày 13 đến 20-10, các Nghị Phụ tuyển chọn những thành phần các ủy Ban Công Đồng. Mỗi Ủy Ban gồm 16 thành phần tuyển chọn và 9 thành phần do Đức Giáo Hoàng chỉ định. Vị chủ tịch chính là Hồng Y chủ tịch của Ủy Ban trong giai đoạn chuẩn bị, do Đức Giáo Hoàng đề cử. Có tất cả 10 Ủy Ban, cộng với Hội Đồng chủ tịch điều hành, Ủy Ban đặc vụ và Văn Phòng thống nhất. Tất cả các thành phần là 273 Nghị Phụ: 54 vị thuộc Âu Châu, 66 vị thuộc Mỹ Châu, 38 vị thuộc Á Châu, 12 vị thuộc Phi Châu và 3 vị thuộc Đại Dương Châu.

Ngày 20 tháng 10, trong phiên họp khoáng đại lần thứ ba, Công Đồng đã gọi "một sứ điệp cho thế giới". Sau đó, các Nghị Phụ bắt đầu công việc theo các lược đồ đề nghị. Bảy lược đồ đã được phân phát cho các Nghị Phụ, và các Ngài bắt đầu lược đồ về Phụng Vụ. Những cuộc bàn luận không phải lúc nào cũng dễ dàng, vì có nhiều giờ phút thật căng thẳng, giằng co. Cuối cùng vào ngày 14 tháng 11 lược đồ đầu tiên này được bỏ phiếu và được chấp thuận với 2,162 phiếu thuận, và 46 phiếu chống. Công Đồng đã đạt được một bước thăng lợi.

Ngay sau đó, cuộc bàn cãi được tiếp tục với lược đồ về các nguồn mạc khải. Đây là vấn đề gai góc hơn vì tầm quan trọng của nó trong lãnh vực thần học. Có một nguồn hay hai nguồn? Đó là vấn đề, và thực tế hai trường phái thần học đều phải đương đầu trước khó khăn của quan niệm về "mạc khải", về "chân lý", về "linh ứng", về "thánh truyền" và về những tương quan của chúng. Các ý kiến bên vực hay chống đối đã được phát biểu trong bầu không khí thật sôi động và căng thẳng. Nhưng rồi lược đồ bị đa số bác bỏ và Đức Giáo Hoàng đã phải gọi trả về cho Ủy Ban liên hệ.

Ngày 23 tháng 11, các Nghị Phụ đề cập tới lược đồ về phương tiện truyền thông xã hội, nhưng cũng bị gọi trả về cho ủy Ban soạn thảo để sửa lại. Lược đồ về hiệp nhất các Kitô hữu cũng bị bác bỏ, lý do là vì lược đồ này chỉ được Ủy Ban phụ trách các Giáo Hội Đông Phương soạn thảo, đang khi đáng lý nó thuộc thẩm quyền của Ủy Ban về hiệp nhất. Và chính Ủy Ban này cũng đang soạn thảo một lược đồ. Lại nữa, một Ủy Ban thần học khác lại cũng đề cập đến vấn đề hiệp nhất này trong một lược đồ về Giáo Hội. Cuối cùng, các Nghị Phụ bỏ phiếu tổng hợp cả ba lại thành một lược đồ duy nhất về vấn đề này.

Vào cuối tháng 11, các Nghị Phụ lại nhận được một lược đồ về Giáo Hội (123 trang), gồm cả một chương về Đức Trinh Nữ Maria. Một số Nghị Phụ muốn bàn luận ngay về chương này; nhưng vì các lý do hiệp nhất và giáo hội học, lược đồ về Giáo Hội được khởi sự bàn cãi ngay từ chương đầu vào ngày 1 tháng 12 năm 1962. Cuộc bàn cãi mang lại nhiều lợi ích và chuẩn bị cho công việc giữa hai kỳ họp.

Ở cuối kỳ họp, các Nghị Phụ nhận thấy rằng chất liệu còn quá bao la, số lược đồ lại tăng lên tới 73, và nếu so sánh với tất cả những Công Đồng trước, số trang tài liệu của các lược đồ đã nhiều hơn gấp ba lần. Vì thế, Đức Giáo Hoàng quyết định rút lại còn 20 lược đồ. Các Nghị Phụ có chín tháng để lo đúc kết các lược đồ này và soạn thảo công việc cho kỳ họp tới.

Nhưng trong thời gian đó, Đức Gioan XXIII, Người tôi tớ trung thành của Thiên Chúa, đã được cất về Trời. Đức Hồng Y Montini lên ngôi Giáo Hoàng kế vị, lấy danh hiệu Phaolô VI.

4. Kỳ họp thứ hai (từ 29-9 đến 4-12-1963)

Có những dư luận đối nghịch nhau về vị Tân Giáo Hoàng. Nhiều người cho rằng Ngài "bảo thủ", một số khác tiên đoán Ngài thuộc phái "cấp tiến". Người ta có cảm tưởng những hướng đi đầu tiên của triều đại Giáo Hoàng của ngài nằm trong con đường "bảo thủ". Nhưng về sau, mọi người mới nhận ra tinh thần của ngài vượt trên mọi thành kiến và còn tiến xa hơn cả Đức Gioan XXIII: Ngài cải tổ lại các qui tắc của Công Đồng để đem đến nhiều hiệu năng hơn; Ngài mạnh dạn tuyên bố chinh đốn lại giáo triều Roma vào ngày 21-9-1963, đó là điều Đức Gioan XXIII không dám nghĩ tới.

Trong bài diễn văn khai mạc, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã cụ thể hóa chương trình làm việc của Công Đồng; ngài tuyên bố: "Thánh Công Đồng phải đào sâu giáo lý về chức Giám Mục, về những nhiệm vụ và những liên lạc của chức vụ đó với Phêrô". Giáo lý cần trở nên thiết thực và thích ứng hơn. Ngài nói đến "những anh em bất hòa (chứ không phải "ly khai")

là những người được kêu mời để trở nên đồng tâm nhất trí với Giáo Hội"; và một điều được xem là táo bạo, mới lạ chưa từng có từ bao nhiêu thế kỷ qua đó là chính Đức Giáo Hoàng lên tiếng cầu xin sự tha thứ của Thiên Chúa và của những anh em bất hòa này vì những lỗi lầm của Giáo Hội Roma trong việc chia rẽ Kitô giáo.

Phiên họp bắt đầu với những bàn cãi về lược đồ Giáo Hội. Lược đồ được chấp thuận như là nền tảng cho các cuộc tranh luận sau này, với 2,301 phiếu thuận và 43 phiếu chống. Trong suốt thời gian tranh luận, phiên họp đã có những lúc thật căng thẳng, những cuộc bênh vực cũng như những cuộc chống đối đều rất dữ dội, đến nỗi lúc đó người ta gọi là "cơn sốt tháng 10". Sau cùng, vào cuối tháng 10, các Nghị Phụ bỏ phiếu quyết định về "vấn đề Đức Maria": lược đồ về Đức Trinh Nữ được sát nhập vào lược đồ về Giáo Hội với 1,114 phiếu thuận và 1,074 phiếu chống.

Ngày 5 tháng 11, lược đồ về "các Giám Mục và sự điều khiển giáo phận" được đưa ra bàn luận. Khái niệm và sự thực thi "cộng đoàn tính của các Giám Mục" đã gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi. Rồi từ ngày 18 đến 21 tháng 11, các Nghị Phụ đi đến một vấn đề tế nhị, quan trọng và sôi nổi nhất: vấn đề hiệp nhất. Chương về những người Do Thái do Đức Hồng Y Bea viết đã bị các Nghị Phụ Ả Rập chống đối mãnh liệt. Chương về tự do tôn giáo, được Đức Cha De Smedt trình bày khéo léo, cũng là đối tượng của cuộc bàn cãi sôi nổi nhất.

Trong thời gian đó, Sắc Lệnh về các phương tiện truyền thông xã hội và những đề nghị tu chỉnh của Hiến Chế về Phụng Vụ được bỏ phiếu. Ngày 4 tháng 12, sau Thánh Lễ, các Nghị Phụ đã bỏ phiếu và cả hai đều được chấp thuận. Sau đó Đức Thánh Cha chính thức công bố các văn kiện được chấp thuận. Trước đó theo luật qui định thì công thức ban hành sẽ là: "Ta ra sắc lệnh, thiết lập và phê chuẩn... với sự chấp thuận của Thánh Công Đồng" (kh 46). Như thế có nghĩa là chính Đức Giáo Hoàng công bố và Công Đồng chỉ có việc chấp nhận, và như vậy "cộng đoàn tính" của các Giám Mục vẫn còn là một vấn nạn. Bởi đó, Đức Phaolô VI đã sử dụng một công thức khác: "Tất cả và từng điều được ban bố trong Hiến Chế... này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khải kính... Chúng Tôi phê chuẩn...". Đó là một bước tiến biểu lộ tính cách cộng đoàn của các Giám Mục.

Cho tới cuối kỳ họp lần thứ hai này, chương trình dự định vẫn chưa được hoàn thành. Bốn lược đồ về Giáo Hội, về Giám Mục, về Giáo Dân và về Hiệp Nhất kéo dài từ kỳ họp đầu tiên và cho đến kỳ họp này vẫn còn nhiều phần chưa được giải quyết.

5. Giai đoạn giữa kỳ họp thứ hai và kỳ họp thứ ba

Vào cuối kỳ họp thứ hai người ta có cảm tưởng Công Đồng như thất bại. Và cuộc hành hương của Đức Giáo Hoàng đến Palestina ngày 4 và 5 tháng 1 năm 1964, đối với nhiều người, đó là một chuyến đi nhằm thoát thác công trình dang dở.

Tuy nhiên, thực sự thì lúc đó tình trạng phải được coi là đáng lạc quan hơn.

Dĩ nhiên, còn rất nhiều công việc phải làm, và các Nghị Phụ bắt đầu thực hiện chương trình mà người ta gọi là "Dopfner", và đó cũng chính là ý kiến trước kia của Đức Hồng Y Montini. Theo chương trình đó, tất cả các lược đồ của Công Đồng sẽ được bố cục lại dựa theo một trục chính là Giáo Hội.

Trong thực tế, các Nghị Phụ vẫn giữ nguyên các lược đồ quan trọng như lược đồ về Giáo Hội, Giám Mục, Giáo Dân, Mạc Khải, Hiệp Nhất và "Lược đồ XIII" rất nổi tiếng. Những lược đồ khác đều được rút gọn thành những đề mục ngắn. Các ủy Ban, nhất là Ủy Ban Thần Học, đã làm việc cách tuyệt hảo, đã cộng tác với nỗ lực của Đức Giáo Hoàng để đem lại can đảm và hy vọng cho Công Đồng (diễn văn của Đức Giáo Hoàng cho hàng Giám Mục Ý ngày 14-3-1964, và Thông điệp Ecclesiam suam).

6. Kỳ họp thứ ba (từ 14-9 đến 21-11-1964)

Kỳ họp được khai mạc bằng một Thánh Lễ đồng tế, là kết quả đầu tiên của việc canh tân phụng vụ. Trong bài diễn văn khai mạc, Đức Thánh Cha một lần nữa xác quyết giáo lý về tính cách cộng đoàn của Giám Mục. Qui luật của Công Đồng lại được sửa đổi cho thích hợp trong việc thẩm định quyền của các Nghị Phụ điều hành. Các Nghị Phụ phải báo trước 5 ngày những ý kiến muốn phát biểu trong các phiên họp, với mục đích tránh những ý kiến lập lại; các Hồng Y cũng mất đặc ân phát biểu không cần báo trước v.v... Nhờ đó các công việc tiến hành nhanh hơn. Trong kỳ họp đầu tiên, có 33 điểm được bỏ phiếu, ở kỳ họp thứ hai có 94 và trong kỳ họp thứ ba này có 150 điểm được chung quyết.

Phiên họp bắt đầu với những tranh luận về chương VII của lược đồ Giáo Hội nói đến sự cánh chung. Đề mục này đã được chính Đức Gioan XXIII đề nghị, với mục đích minh chứng bộ mặt siêu việt hơn của Giáo Hội. Nhưng rồi cuộc tranh luận đã đưa tới thất vọng: chỉ có 17

diễn giả phát biểu và một số Nghị Phụ lại không thấu triệt được vấn đề.

Từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 9, Công Đồng đề cập trở lại đề mục về Đức Trinh Nữ, chương sau cùng của lược đồ về Giáo Hội. Bản văn lại phải tu chỉnh vì phần đầu của đề mục bị chống đối quá mạnh; cũng chỉ có 33 Nghị Phụ phát biểu về vấn đề này, vì sự khe khắt của luật phát biểu.

Nhiệm vụ mục vụ của Giám Mục được bàn cãi từ ngày 13 đến 23 tháng 9. Nhờ đã sửa đổi ở các lần tranh luận trước, bản văn này được các Nghị Phụ bàn cãi và chấp thuận dễ dàng hơn.

Từ ngày 23 đến 28 tháng 9, các Nghị Phụ bàn cãi lần thứ hai về Tự Do Tôn Giáo. Trước kia, đề mục này là chương thứ ba của lược đồ Hiệp Nhất, bây giờ đã trở thành một Tuyên Ngôn riêng biệt. Có thể nói đây là một vấn đề gây nhiều ngộ nhận, nghi ngờ và dè dặt nhất. Thông thường trên nguyên tắc các nhà thần học vẫn chủ trương rằng sự lầm lẫn tôn giáo của những người ngoài công giáo đều bị kết án; nhưng theo hoàn cảnh thực tế người ta cảm thấy cần có sự khoan hồng, nhượng bộ và chấp nhận. Các ý kiến bên vực và bác bỏ của các Nghị Phụ rất sôi nổi và xung khắc nhau. Dư luận bên ngoài cũng chia làm hai phe và hồi hộp theo dõi. Đồng thời, các Nghị Phụ cũng tranh luận nẩy lửa "về những người Do Thái". Cuối cùng các Nghị Phụ quyết định bỏ phần tố cáo "tội giết Thiên Chúa" của toàn dân Do Thái, cũng như bãi bỏ tất cả những đoạn nào mang ý nghĩa kết án tương tự đối với các tôn giáo ngoài Kitô giáo.

Ngày 30 tháng 9, Công Đồng bàn lại lược đồ về Mạc Khải; cuộc tranh luận kéo dài tới ngày 6 tháng 10. Khi lược đồ này bị bác bỏ ở kỳ họp đầu tiên và không được nhắc tới ở kỳ họp thứ hai, người ta cứ nghĩ rằng vấn đề có lẽ thông qua. Nhưng Đức Phaolô VI cương quyết cho soạn thảo lại lược đồ vì nó có tầm mức quan trọng về thần học cũng như về hiệp nhất. Đức Hồng Y Ottaviani và Bea hợp tác với nhau trong việc soạn thảo. Và trong kỳ họp thứ ba này, cuộc tranh luận đã đem lại nhiều đề nghị mới, giúp cho lược đồ hoàn mỹ hơn. Tuy thế, lược đồ này vẫn chưa được bỏ phiếu.

Ngày 7 tháng 10, Công Đồng đề cập tới lược đồ về Tông Đồ Giáo Dân. Phải nói rằng Giáo Hội Tây Phương đã quên lãng giáo dân, những thành phần của dân Thiên Chúa. Ngay cả những văn kiện chính thức cũng chấp thuận phân chia Giáo Hội thành hai cấp, như trong "Tự điển biện giáo Đức Tin Công Giáo": Truyền lệnh là quyền của hàng giáo sĩ và vâng lời là bổn phận của giáo dân (DAFC, bộ II, cột 1769). Vaticanô II là Công Đồng đầu tiên đề cập tới vấn đề này, và các Nghị Phụ đã hăng say bàn luận: có đến 65 lần phát biểu ý kiến, và còn nhiều đề nghị viết khác. Tuy nhiên, vì bản văn chưa mỹ mãn, các Nghị Phụ quyết định sẽ hoàn tất trong kỳ họp sau.

Lược đồ về Linh Mục đã được rút ngắn thành một vài tiểu đề, và được bàn cãi từ ngày 13 đến 15 tháng 10; nhưng lại phải gởi trả về cho Ủy Ban liên hệ vì có tới 930 phiếu chống với 1,199 phiếu thuận. Sau đó các Nghị Phụ khảo cứu lược đồ về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương, từ ngày 15 đến 20 tháng 10. Lược đồ được chấp thuận.

Ngày 20 tháng 10, Công Đồng bắt đầu cuộc bàn cãi về lược đồ XIII sẽ trở thành Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay. Đây là vấn đề quan trọng nhất trong kỳ họp thứ ba này và được thể giới hồi hộp theo dõi. Các nghị Phụ đã thành thật nhìn nhận sự chia cách của Giáo Hội với thế giới, và cảm thấy cần phải góp phần giải quyết những vấn nạn của xã hội; nhưng các Ngài không biết phải làm thế nào. Lược đồ được khen ngợi nhiều nhưng cũng bị chỉ trích mạnh mẽ. Tính cách pháp chế tuyệt đối trong nhiều giới luật của Giáo Hội bị đã kích và chê bai. Các Nghị Phụ yêu cầu đời sống các giáo sĩ nên mang sắc thái đơn giản hơn theo tinh thần Phúc Âm. Các Ngài đề cập tới những vấn đề sôi nổi như quyền lợi của nhân vị con người, sự điều hòa sinh sản, sự chênh lệch trầm trọng về văn hóa và kinh tế trong thế giới v.v... Bản văn của lược đồ bị bác bỏ; và Công Đồng thành lập một hội đồng với mục đích soạn thảo lại lược đồ, để đem ra bàn cãi trong kỳ họp tới và cũng là kỳ họp sau cùng của Công Đồng.

Trong lúc lược đồ XIII còn dang dở, vào ngày 6-11-1964 chính Đức Giáo Hoàng đã đến Đại Hội Đường và bằng những lời khen ngợi, Ngài giới thiệu lược đồ về Truyền Giáo. Nhưng sau nhiều cuộc tranh luận, các Nghị Phụ đã thẳng tay bác bỏ lược đồ khái quát gồm 14 mệnh đề đó, bởi quá cô đọng và giản lược đối với tầm mức lớn lao của công việc truyền giáo. Sự kiện này đã cho chúng ta hai bài học đáng nhớ: sự tự do của Thánh Công Đồng đối với Đức Giáo Hoàng, và mối quan tâm đối với công việc truyền giáo.

Trong những ngày sau hết của kỳ họp, các Nghị Phụ đã bắt tay làm việc gấp rút về những lược đồ ngắn. Từ ngày 10 đến 11 tháng 11, lược đồ về Dòng Tu được bàn luận và được

chấp thuận với 1,155 phiếu thuận và 882 phiếu chống; nhưng lại có tới 1,000 đề nghị tu chính, và như vậy đòi hỏi phải duyệt xét lại lược đồ. Ngày 12, 14, 16 và 17 tháng 11, các Nghị Phụ bàn về lược đồ Chung Viện, và đầu có những phê bình khắt khe, lược đồ vẫn được chấp thuận với 2,117 phiếu thuận và 41 phiếu chống. Ngày 17, 18 và 19 tháng 11, lược đồ về Giáo Dục Kitô Giáo được đưa ra và được chấp thuận dễ dàng. Trong phiên họp cuối cùng, các Nghị Phụ bàn tới bản văn ngắn nhất nói về các Bí Tích, hay đúng hơn về qui luật hôn phối. Nhưng vì không đủ thời giờ, các Nghị Phụ gửi trả bản văn lại cho Đức Giáo Hoàng. Bởi vậy, không có sắc lệnh của Công Đồng về vấn đề này.

Trong buổi lễ kết thúc kỳ họp, ngày 21 tháng 11, Thánh Công Đồng đã công bố ba văn kiện: Hiến Chế về Giáo Hội, Sắc Lệnh về Hiệp Nhất và Sắc Lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương. Dịp này, Đức Giáo Hoàng chính thức tuyên bố Đức Maria là Mẹ Giáo Hội, và loan báo kỳ họp tới sẽ là kỳ họp kết thúc.

Nhìn lại thành tích của kỳ họp thứ ba này, người ta phải nhìn nhận có một bầu khí bi quan vây phủ, vì những nguyên do đáng chú ý. Trước hết, bản chú thích sơ khởi được thêm vào Hiến Chế Giáo Hội dường như làm giảm giá trị của bản văn Công Đồng. Thứ đến, 19 đề nghị tu chính của Đức Giáo Hoàng xen kẽ vào Sắc Lệnh về Hiệp Nhất tạo cho niềm hy vọng hiệp nhất bớt hứng khởi. Đàng khác, người ta cũng cảm thấy hơi bất bình vì sự trì hoãn việc chung quyết lược đồ về Tự Do Tôn Giáo. Sau cùng, việc Đức Giáo Hoàng tuyên bố nhận Đức Maria làm Mẹ Giáo Hội không được tham khảo ý kiến của Thánh Công Đồng và có nguy hiểm gây đụng chạm anh em Tin Lành.

Tuy nhiên, về phương diện tích cực, kỳ họp này cũng đã đem lại những thành quả mỹ mãn: các văn kiện giá trị được công bố, những lược đồ còn lại được cải tiến khả quan sẵn sàng chuẩn bị cho kỳ họp tới; vì thế, bầu không khí bi quan cảm thấy lúc đầu tan biến dần dần với thời gian.

7. Kỳ họp thứ tư (từ 14-9 đến 8-12-1965)

Trong bài diễn văn khai mạc kỳ họp, Đức Phaolô VI loan báo quyết định thành lập Thượng Hội Đồng Giám Mục. Quyết định này đã gây ngạc nhiên cho mọi người. Ngày hôm sau, trong phiên họp khoáng đại lần thứ 128, Tự Sắc "Apostolica Sollicitudo" được long trọng đọc trước Thánh Công Đồng, dưới sự hiện diện của Đức Giáo Hoàng. Đây là một bước tiến đáng kể trên con đường canh tân Giáo Hội.

Sau đó, cuộc tranh luận bắt đầu với lược đồ về Tự Do Tôn Giáo. Lần này tình thế có vẻ lạc quan hơn. Tuy nhiên, lược đồ cũng phải qua nhiều khó khăn vì các Nghị Phụ chống đối vẫn đưa ra những lý luận cũ. Kết cuộc, vào ngày 21 tháng 9 các Nghị Phụ thử bỏ phiếu lược đồ, và kết quả cho thấy 1,997 phiếu thuận, 224 phiếu chống, 1 phiếu bất hợp lệ.

Sau đó, các Nghị Phụ đề cập tiếp lược đồ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay. Trước kia, các Nghị Phụ đã chấp thuận cách tổng quát vấn đề này, nhưng các Ngài đòi hỏi phải thay đổi nhiều, và kết quả lần này cho thấy lược đồ đã đổi mới, nhất là về kết cấu và mạch văn (nguyên văn của lược đồ bằng Pháp ngữ và do Đức Cha Haubtmann viết). Lược đồ bây giờ được gọi tên là "Hiến Chế Mục Vụ", và đây là một tựa đề mới trong lịch sử các Công Đồng, mặc dầu có nhiều Nghị Phụ chỉ muốn gọi là "Sắc Lệnh". Và thực sự Hiến Chế đã bị một số Nghị Phụ tố cáo có tính cách lạc quan ngây thơ với thái độ im lặng trước những hậu quả của tội lỗi. Một số khác cho rằng Hiến Chế có tính cách quá Tây Phương, quá lý thuyết trong vấn đề vô thần, và quan niệm về "thế giới" không minh bạch. Một bản kiến nghị gồm 334 Nghị Phụ ký tên thỉnh nguyện thêm vào Hiến Chế một khoản lên án rõ ràng chủ thuyết cộng sản. Ngày 7 tháng 10, Công Đồng chấm dứt các tranh luận về vấn đề này, nhưng cho mãi cuối kỳ họp, lược đồ mới được hoàn tất và chung quyết.

Ngày 7 tháng 10, Công Đồng bàn đến Sắc Lệnh về Truyền Giáo. Lược đồ được soạn thảo lại và chỉ còn 5 chương. Quan điểm thần học về sứ mệnh truyền giáo là công trình của cha Y. Congar và J. Ratzinger, đặt nền tảng trên Giáo Hội học của Hiến Chế về Giáo Hội. Bản văn về cải tổ Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin (số 27; bản văn chung quyết là số 29) đã được ủy ban phụ trách thay đổi, và trở thành đối tượng cho những cuộc bàn cãi sôi nổi ở nghị trường. Ngày 12 tháng 10, các Nghị Phụ bỏ phiếu thuận trên nguyên tắc bản văn ấy với 2,070 phiếu thuận và 15 phiếu chống.

Ngày 13 tháng 10, vấn đề Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục được đưa ra bàn luận, với bản tường trình của Đức Cha Marty.

Trong suốt thời gian này, các Nghị Phụ lần lượt bỏ phiếu chung quyết các bản văn đã bàn cãi và chấp thuận.

Ngày 6 tháng 10, Sắc Lệnh về Giám Mục được bỏ phiếu chấp thuận với 2,167 phiếu

thuận và 14 phiếu chống. Ngày 11 tháng 10, Sắc Lệnh về đời sống Dòng Tu được chấp thuận do 2,161 phiếu, có 13 phiếu chống. Ngày 13 tháng 10 các Nghị Phụ chấp thuận Sắc Lệnh về Đào Tạo Linh Mục với 2,196 phiếu thuận, 15 phiếu chống và 1 phiếu bất hợp lệ. Ngày hôm sau tuyên ngôn về Giáo dục Kitô giáo được bỏ phiếu thuận với 1,912 phiếu và 183 phiếu chống (Tuyên Ngôn này đã gặp sự chống đối gắt gao của nhiều Nghị Phụ Châu Mỹ La Tinh và Indonesia). Cùng ngày, Đức Hồng Y Bea đọc bản tường trình lược đồ về Các Tôn Giáo ngoài Kitô giáo, và cuộc bỏ phiếu ngay sau đó với kết quả 1,763 phiếu thuận, 250 phiếu chống, 10 phiếu bất hợp lệ.

Ngày 28 tháng 10, khóa VII được khai mạc. Dịp này, Đức Giáo Hoàng đã cử hành Thánh Lễ đồng tế cùng với 24 Nghị Phụ (trong số này có Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình) và nhân danh "Thiên Chúa Ba Ngôi rất thánh và cả vị là Cha, Con và Thánh Thần", Ngài chính thức công bố 5 văn kiện đã được chấp thuận.

Đức Cha De Smedt một lần nữa giới thiệu Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo; cuộc bỏ phiếu diễn ra trong vòng 2 ngày và cuối cùng bản văn được chấp thuận nhưng với 1,640 đề nghị tu chỉnh. Ngày 29 tháng 10, các Nghị Phụ bỏ phiếu, và 27 phiếu chống. Từ ngày 9 đến 10 tháng 11, các Nghị Phụ lại bỏ phiếu cho Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân. Công Đồng có bàn cãi một "quan điểm" về các ân xá, và có nhiều ý kiến gay gắt chống lại quan điểm chính thức của Giáo Hội. Nhưng xem ra giới thẩm quyền đã ngăn cản cuộc tranh luận. Cuối cùng Sắc Lệnh Tông Đồ Giáo Dân được chấp thuận với đa số phiếu tuyệt đối: 2,201 phiếu thuận với 2 phiếu chống.

Từ ngày 10 đến 12 tháng 11, Sắc Lệnh về Truyền Giáo được bỏ phiếu chấp thuận với đa số tuyệt đối, ngoại trừ vấn đề cải tổ Thánh bộ truyền bá Đức Tin (số 29) có tới 712 đề nghị tu chỉnh. Kế đó, các Nghị Phụ lại bỏ phiếu chấp thuận Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống các Linh Mục (bỏ phiếu 15 lần). Như vậy, đến lúc này, Công Đồng đã thu lượm được kết quả của công việc lâu dài. Ngày 15 tháng 11, các Nghị Phụ lại được nghe đọc 2 bản tường trình về Hiến Chế Giáo Hội trong thế giới ngày nay, do Đức Cha Garrone và Đức Cha Mc. Grath viết; sau đó các Nghị Phụ bỏ phiếu chấp nhận. Trong khóa VIII ngày 18 tháng 11, Đức Giáo Hoàng công bố 2 văn kiện mới: Hiến chế về Mạc Khải và Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân.

Vào thời gian cuối Công Đồng, công việc được giới hạn trong vấn đề xem xét lại các đề nghị tu chỉnh của 4 văn kiện còn lại. Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Nhóm Coetus internationalis patrum (các Nghị Phụ bảo thủ) đã cho đó là một trong những "thành phần gây bế tắc cho công trình chung", và ngày 18 tháng 11 đã cho in một truyền đơn nhằm chống lại tuyên ngôn đó, đồng thời họ cũng đệ đơn lên Đức Giáo Hoàng để phản đối. Kế đến, hai bản văn về Truyền Giáo và về Linh Mục được đưa ra xem xét; cả hai được chấp thuận dễ dàng hơn (trừ số 29 của Sắc Lệnh Truyền Giáo vẫn còn khúc mắc).

Bản văn sau cùng được bỏ phiếu quyết định Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay. Ủy Ban liên hệ đã phải làm việc tối đa để sửa đổi Hiến Chế vì có đến 2,247 đề nghị tu chỉnh.

Tuy thế, sau những cố gắng tu chỉnh, tất cả những văn kiện kể trên đều đã sẵn sàng để được bỏ phiếu quyết định, và để được công bố, trong khóa IX, vào ngày 7 tháng 12.

Những ngày sau hết của Công Đồng được đánh dấu bằng những sự kiện mang ý nghĩa hiệp nhất đáng nhớ. Ngày 4 tháng 12, Đức Cha Felici, Tổng thư ký Công Đồng, đọc một sứ điệp ca ngợi và tin tưởng của tất cả các quan sát viên gửi đến các Nghị Phụ, trong đó họ đặc biệt thán phục tinh thần hiệp nhất của các Ngài. Trong khi ấy, tại Vương Cung Thánh Đường Thánh Phaolô, cùng với các quan sát viên ngoài Công Giáo, Đức Giáo Hoàng đã dự một lễ nghi cầu cho hiệp nhất. Tinh thần hiệp nhất đạt tới mức độ tuyệt vời khi Đức Phaolô VI ở Roma và Đức Thượng Phụ Athenagoras ở Istanbul, vào ngày 7 tháng 12, đã cùng một lúc xóa bỏ án tuyệt thông lẫn nhau, một nguyên do phát sinh sự ly khai vào năm 1054. Chính sự kiện này cũng đã là thành quả tốt đẹp và giá trị nhất của Công Đồng!

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

Cha Pierre : Chứng nhân của tình yêu thương không biên giới

Cha Pierre, một người công chính của thế giới vừa từ giả chúng ta để đi vào Thiên Đàng.

Khi báo chí vừa loan tin Abbé Pierre ra đi vào sáng sớm thứ hai ngày 22 tháng giêng năm 2007, tổng thống Chirac của Pháp đã phát biểu ngay sau đó là 'toàn nước Pháp xúc động từ đáy lòng của mình. Nước Pháp mất đi một khuôn mặt cao cả, một tiếng nói của lương tâm, một hiện thân của lòng nhân ái'.

Kỳ thực không phải chỉ nước Pháp, nhưng toàn thế giới đang nghiêng mình trước con người đã thực hành cụ thể ý nghĩa cao quý của nhân tính nơi sức mạnh của bác ái. Chứng nhân dân thân cho lòng yêu thương vô chấp, đặc biệt đối với những người bị khinh khi, những người nghèo, những người bị bắt bớ, ngược đãi..... của Abbé Pierre còn rạo ngời hơn nữa giữa lòng của một thực tại lịch sử thế kỷ 20 muốn lấy hận thù và quyền lực làm hứng khởi để cổ súy đấu tranh giai cấp, tôn vinh mù quáng chủng tộc, quốc gia của mình và giết hại kẻ khác.

Abbé Pierre tên thật là Henri Brouès, sinh ngày 5 tháng 8 năm 1912 tại Lyon, Pháp, trong một gia đình trung lưu và đông con (tám người con). Năm lên 19 tuổi, Henri Brouès trao hết phần gia tài của mình có được cho các hội từ thiện, và xin gia nhập Dòng Phanxicô . Nhưng vào năm 1938, khi chịu chức linh mục, Ngài đổi qua làm linh mục triều, và năm sau làm phó xứ tại Grenoble. Thế chiến xảy ra, Ngài được lệnh gọi động viên vào quân đội với cấp bậc hạ sĩ quan. Nhưng năm sau, vì bị sưng phổi, Ngài trở lại cuộc sống dân sự . Năm 1942, tại Isère, ngài gia nhập kháng chiến chống Quốc Xã với bí danh Abbé Pierre, và tạo ra một đường giây giúp cứu những người Do Thái trốn thoát qua Thụy Sĩ. Tháng 5 năm 1944, quân đội Đức Quốc Xã bắt giam, nhưng Ngài sớm trốn được ra khỏi Pháp, đến Tây Ban Nha; tháng 6 năm ấy Ngài đến Alger. Sau chiến tranh, linh mục Pierre dẫn thân chính trị làm dân biểu của vùng Meurthe-et-Moselle (1945-1951) trong khuôn khổ của Đảng MPR (Dân chủ Thiên Chúa giáo), nhưng Ngài rút lui liền sau đó. Năm 1949, một mẫu móc quan trọng trong đời Ngài: linh mục Pierre biến căn nhà nhỏ bé của mình tại Neuilly-Plaisance thành nơi trú ngụ cho giới trẻ quốc tế lấy tên là 'EMMAUS'. Từ đấy, cuộc đời của linh mục Pierre hiến trọn cho cuộc chiến yêu thương, đồng hành với những kẻ sống bên lề xã hội. Những cộng đoàn Emmaus nhân tăng qui tụ những người gặp khó khăn sẵn sàng cải biến những đồ người ta cho để giúp lại kẻ khác đang gặp khó khăn như mình. Sau gần 60 năm, ngày nay tại Pháp có 161 cộng đoàn Emmaus; và trên 41 quốc gia (tại Mỹ châu, Á Châu, Phi Châu và Âu châu) có đến 421 cộng đoàn Emmaus như thế.

Năm 1954, trước hiện tượng đau lòng của những người lầy lắt vô gia cư, có người chết vì lạnh, linh mục Pierre đã lên tiếng và huy động dân chúng và chính phủ. Toàn dân Pháp đáp trả lời kêu gọi cứu tế; nhà nước phải cấp khẩn cấp 12.000 căn nhà được cho những người xấu số. Năm 1984, những 'người nghèo của thời đại mới' tràn lan, linh mục Pierre tổ chức phân phối bánh, xúp và tiếp nhận những người vô gia cư có nơi tạm trú ; và đến năm 1988, 'Fondation Abbé Pierre' được thành lập để huy động nhà ở cho những người đang gặp khó khăn...

Khi người ta hỏi, nếu mai đây Ngài mất đi, người ta nên ghi lại điều gì về cuộc đời Ngài. Ngài trả lời liền không ngần ngại: "Xin đề trên mộ tôi câu này: nơi đây yên nghỉ con người đã **cố gắng yêu thương**".

Cũng như Mẹ Têrêxa Calcutta, linh mục Pierre không những chỉ là hình ảnh của con người dân thân phục vụ người nghèo, nhưng hơn thế nữa, họ là những ngọn hải đăng của hy vọng hướng dẫn bước đi của thế giới ngày nay, một thế giới hoang mang mất hướng đi khi các giá trị làm người trong văn hóa xã hội đang đảo lộn.

Nguyễn Đăng Trúc

Định Hướng số 49

VỀ MỤC LỤC

Trên đường lữ hành

Cách đây gần hai năm đức Cha Bùi Tuần mừng kỷ niệm 50 năm chức Linh mục , 1955.

02.07. 2005. và 30 năm chức Giám mục 1975.30.04.2005.

Năm nay, ngày 21.01.2007, ngài có một kỷ niệm vui mừng nữa: mừng sinh nhật thứ tám mươi.

Xin tạ ơn Thiên Chúa đã ban cho đức cha, vị ân sư của tôi và của nhiều người, không riêng gì trong giáo phận miền đồng bằng sông Cửu Long, Long Xuyên, mà còn có nhiều cựu học trò đang sinh sống trên khắp nẻo đường quê hương đất nước Việt Nam, cũng như ở nhiều vùng đất nước trên khắp thế giới nữa, được ân đức tuổi trời cao cả.

Xin hân hoan chúc mừng đức cha có được ân đức tuổi trời cao cả này, cùng những ân đức trí khôn tinh thần minh mẫn cũng như sức khỏe thân thể dẻo dai, mà đức cha đã và đang được Trời cao ban tặng. Một trong những ân đức tinh thần đặc biệt mà đức cha Bùi Tuần có được là khả năng suy tư chính xác minh bạch theo cung cách bỏ ngõ thắc mắc, cùng năng khiếu viết diễn tả ra bằng lời nói cũng như chữ viết ngắn gọn, dễ hiểu và súc tích theo lối văn chương triết học.

Theo thói quen phong tục dân gian bên tây phương, ngày mừng sinh nhật, họ thường bày dọn một tấm bánh sinh nhật. Trên đó cắm dựng những cây nến cháy sáng, nhiều ít tùy theo số tuổi trời của người có ngày mừng sinh nhật. Và chính người có sinh nhật thổi tắt những cây nến đó.

Những cây nến cháy sáng tượng trưng cho mỗi năm cuộc sống trên trần gian, như ánh nến cháy lung linh chiếu tỏa ánh sáng sự sống của Đấng Tạo Hóa trong công trình tạo dựng của Ngài.

Trẻ em, Bạn Trẻ vui mừng hân hoan thổi tắt những cây nến trên tấm bánh mừng sinh nhật đời mình. Nhưng, tôi nghĩ, đức cha Bùi Tuần có lẽ không thích làm chuyện đó. Lần nhớ lại và đọc lại những suy tư của ngài nơi hằng trăm, có lẽ hằng nghìn bài viết từ mấy chục năm qua, tôi thấy ngài đã thắp sáng không biết bao nhiêu ngọn nến. Những ngọn nến đó đã được châm đốt từ ngọn lửa cây nến tình yêu của Thiên Chúa.

1. Những cây nến đời sống đức tin

1.1. Cây nến Rửa tội.

Đức Cha Tuần mở mắt chào đời ngày 21.01.1927, như ngài cho biết, và có lẽ theo tập quán đạo đức ngày xưa, chắc cha mẹ ngài đã bông bế ngài, sau đó khoảng một tuần lễ, đến Thánh đường xin cho con mình được nhận lãnh làn nước Bí tích Rửa tội.

Qua làn nước Rửa tội, đức tin vào Thiên Chúa được khắc ghi trong tâm hồn em bé chịu phép rửa tội từ ngày đó. Và không chỉ nhận lãnh làn nước rửa tội, em bé còn nhận được ánh sáng Chúa Kitô qua cây nến Rửa tội.

Cây nến Rửa tội được đốt thắp từ ngọn lửa cây nến Chúa Giêsu phục sinh. Ánh sáng này là ánh sáng đức tin cho đời sống làm người của em bé trên trần gian, như lời Chúa Giêsu đã nhắn nhủ: Các con là ánh sáng trần gian. Ánh sáng ngọn nến này là trung tâm và nguồn cho những ngọn nến khác trong suốt dọc cuộc đời của em bé.

Cha mẹ và người cha đỡ đầu của đức cha Bùi Tuần đã tiếp nhận và gìn giữ Cây nến rửa tội cho đời ngài từ 80 năm qua, từ lúc ngài còn thơ bé đến ngày khôn lớn trưởng thành đi vào đời. Ánh sáng cây nến đó soi chiếu cho ngài tìm nhận ra hướng đi làm người, làm con Thiên Chúa trên đường lữ hành trần gian: tránh sự dữ xấu, làm sự tốt lành thánh thiện.

1. 2. Cây nến Bí tích Thêm sức

Có lẽ cũng như bao bạn trẻ khác thời đó, đức cha Bùi Tuần cũng đã đón nhận ân đức Bí tích Thêm sức vào lứa tuổi 7 hay 8 tuổi. Có nhiều nơi, mỗi bạn Trẻ, khi lên nhận phép Bí tích này, cầm trong tay cây nến cháy sáng: Cây nến Bí tích Thêm Sức tượng trưng cho Đức Chúa Thánh Thần.

Ân đức Chúa Thánh Thần qua phép Bí tích này gây niềm hào hứng phấn khởi cho tâm hồn bạn trẻ lớn lên tiến bước đi vào đời.

Không biết có quá đạo đức hay quá cảm tính hay không, khi suy nghĩ nói: ân đức Chúa Thánh Thần như ánh lửa, như làn gió, như dòng nước tươi mát đem đến cho tâm trí con

người sức sống vươn lên, niềm vui tươi can đảm. Ân đức của Ngài gợi hứng cho suy tư, cho việc học hành, nghiên cứu viết lách. Và ân đức này tạo nên cho mỗi người một cách sống, một lối suy tư, cũng như cách đón nhận sự việc riêng biệt.

Không biết ngày xưa khi lãnh nhận phép Bí tích Thêm Sức, đức cha Bùi Tuần có cầm cây nến Thêm Sức cháy sáng trong tay hay không. Nhưng chắc chắn ân đức Chúa Thánh Thần hằng củng cố tâm hồn đức tin ngài trong suốt dọc đời sống. Ân đức đó đã giúp ngài xây dựng không chỉ đời sống đạo đức tâm linh, mà còn giúp ngài phát triển một lối sống văn hóa tình người nơi đời sống con người Bùi Tuần.

Không chỉ đón nhận và sống ân đức Chúa Thánh Thần qua bí tích Thêm Sức. Nhưng trong cương vị Giám mục từ năm 1975 cho đến ngày đi nghỉ hưu 2003, đức cha Bùi Tuần đã ban phép Bí tích Thêm Sức cho không biết bao nhiêu Bạn Trẻ trong giáo phận Long Xuyên.

1. 3. Cây nến chức Linh mục

Theo ơn gọi của Trời cao, như Chúa Giêsu kêu mời: Hãy theo Thầy! Người thanh niên Bùi Tuần đã đi tìm đời sống tu trì làm tông đồ trong vườn nho của Chúa nơi Giáo hội của Ngài. Sau thời gian học hành tu luyện, người thanh niên Bùi Tuần được lãnh nhận chức Linh mục.

Một lần nữa ứng sinh linh mục Bùi Tuần cầm Cây Nến cháy sáng ngọn lửa ngày xưa chịu Phép Rửa tội và phép Thêm Sức, ngày 02.07.1955 tiến lên nhận lãnh chức thánh Linh mục.

Là thợ trong vườn nho Chúa và đồng thời cũng là nhân chứng cho ánh sáng của Chúa giữa trần gian qua đời sống Linh mục. Và ngoài ra cha Bùi Tuần còn có nhiệm vụ mang ánh sáng đó đến cho người khác như khi ban Phép Bí tích Rửa tội, dẫn giải giáo lý Lời Chúa cho con người, như ban Bí Tích Giải Tội, Bí tích Xức dầu Thánh, nhất là trong vai trò là thầy dạy, là linh hướng cùng đồng hành với con người bằng lời nói và bằng hàng trăm bài viết suy tư cô đọng từ mấy chục năm nay.

1. 4. Cây nến chức Giám mục

Chắc chắn ngày chịu chức Giám mục cách đây 32 năm cây nến đức tin của đức cha Bùi Tuần được đốt thắp sáng lên. Cây nến đức tin của đức cha được đốt thắp sáng lên không phải để trang trí cho ngày lễ mang màu sắc đạo đức huyền diệu linh thiêng. Nhưng ánh sáng chiếu tỏa từ cây nến đó nhắc nhở đến sứ vụ là Giám Mục của đức cha: Cuộc đời dẫn than hy sinh để ánh sáng Phúc âm của Chúa chiếu tỏa giữa trần gian.

Có lẽ cũng vì thế, đức cha đã chọn vẽ hình cây nến trên huy hiệu đời Giám mục của mình. Đức cha đã muốn đời sống mình như ngọn lửa đốt cháy chất sáp cây nến chiếu tỏa ánh sáng ra chung quanh. Ánh sáng chiếu tỏa từ cây nến đời Giám mục của đức cha là ánh lửa đức tin vào Thiên Chúa, Đấng là tình yêu. Và vì thế đức cha đã lấy lời Chúa Mandatum Novum- Giới luật mới, như ngọn lửa chiếu sáng cho việc mục vụ tông đồ của mình, và như ánh sáng chiếu tỏa làm chứng cho ngọn lửa chiếu tỏa tình yêu từ nơi Thiên Chúa.

"Cây Nến lớn tuổi trầm ngâm nói thêm: „Điều này thật khó cắt nghĩa bằng chữ nghĩa lời nói. Phải sống trải qua mới có kinh nghiệm hiểu được thôi. Chỉ người nào tự hy sinh, sẽ mang đến thay đổi cho môi trường xung quanh mình. Và trong khi ai mang đến thay đổi cho môi trường xung quanh, họ sẽ nhận ra bản chất của mình hơn. Em không được nguyên rửa bóng tối và sự lạnh lẽo, khi em không sẵn sàng để được đốt thắp sáng lên chiếu tỏa cho xung quanh."

Giây phút yên lặng nặng nề trôi qua... Thành linh ánh sáng từ Cây Nến nhỏ bùng lên: „Này Chị, Phải chăng người ta là mình, khi người ta trao tặng người khác điều mình có?"

"Đúng như vậy đó em!" Cây Nến lớn tuổi nói vọng vào „ Vâng khi hy sinh, như trường hợp chúng ta là Cây Nến, người ta không còn nguyên vẹn hình hài thanh thon, đẹp kiều diễm nữa. Chúng ta sẽ không còn nguyên trạng hình dạng như trước nữa. Nhưng khi được đốt thắp cháy sáng lên, chúng ta sẽ trở nên mạnh mẽ hơn bóng tối ban đêm, và những tàn bóng che phủ âm u trên trần gian nữa."

Cây Nến nhỏ thanh thon mảnh mai kiều diễm sau cuộc đàm thoại với Cây Nến lớn tuổi, đã từ bỏ ý muốn khẳng khẳng của mình, và chịu để cho được đốt thắp sáng lên. Ngọn lửa từ

Cây nến càng cháy bùng, càng mang lan tỏa ánh sáng đầm ấm thị vị làm thay đổi bầu khí trong căn phòng. Ánh sáng đó như có sức mạnh xua đuổi bóng tối đêm đen cùng sự lạnh lẽo. Chết sập và ngọn bắc nến càng dần bị thiêu đốt thu nhỏ lại, nhưng ánh sáng chiếu tỏa tới tận đôi mắt cùng trái tim mọi người. Cây Nến được đốt thắp sáng cho con người.” (Willi Hoffsümmer(hg.), 64 Weihnachtsgeschichten – Eine heilige Zeit, Nr 13.)

2. Những cây nến suy tư

2. 1. Cây nến thầy trò

Trước năm 1967 tôi chưa biết gì về ngài. Nhưng những năm sau đó được là học trò của ngài, tôi ngạc nhiên nhiều về ngài. Vâng, tôi không biết đó có phải một điều mới lạ hay không, nhưng nơi ngài và qua ngài học trò học được cung cách sống tập tự suy nghĩ phát triển óc sáng tạo của mình. Vì cha giáo Bùi Tuần không chỉ truyền thụ lại cho học trò mình mớ kiến thức học để thi đậu lên lớp, học xong để mai kia lên học trường cao hơn ở đại chủng viện chuẩn bị làm “cụ”, như đã ăn nếp sâu trong cung cách dạy dỗ giáo dục xưa nay. Ngài cũng chẳng dạy theo cung cách “nuốt rập khuôn bắt chước lối” sống đạo đức truyền thống theo khuôn mẫu sẵn có. Nhưng ngài hướng dẫn học trò cách sống làm người, cách suy tư nhìn vào đời sống là con Thiên Chúa cùng là con người trong dòng lịch sử không gian và thời gian.

Cha giáo Bùi Tuần đã viết suy tư về cung cách sống lòng biết ơn: “*Nếu tôi tưởng mình không chịu ơn ai, thì tôi lắm lớn. Vì đời tôi nằm trong những liên đới chập chùng. Tôi chẳng cho đi được bao nhiêu, nhưng đã nhận được quá nhiều. Thử một ngày ngưng nhận được các giây liên lạc nâng đỡ, cộng tác yêu thương, giúp đỡ cung cấp, tôi sẽ tức trở thành bơ vơ, nghèo nàn khổn đốn.*

Nếu tôi tưởng tôi không mắc nợ ai, thì tôi lắm lớn. Con người tôi, từ vật chất đến tinh thần, đã, đang và sẽ được xây dựng bằng biết bao công ơn của biết bao nhiêu bóng người đã ghé lại.

Nếu tôi tưởng tôi đã trả ơn đối với người làm ơn cho tôi, thì tôi lắm lớn. Tiền bạc, đồ vật có thể trả, nhưng ân nghĩa và tình thương làm sao trả đúng được. Những mồ hôi nước mắt và những tận tâm của bao nhiêu người đã làm cho đời tôi đẹp là những gì thiêng liêng cao quý. Chưa chắc tôi đã hiểu rõ được giá trị của những ơn đó, chứ đừng nói gì đến việc trả đền cho đúng.

Lạy Chúa, xin cho con một tâm hồn biết ơn. Xin xuống phúc lành cho tất cả những ai đã làm ơn cho con” (Bùi Tuần, Biết ơn, trong tập: Nói với chính mình).

Về đời sống trong dòng lịch sử không gian và thời gian: “*Tôi đang sống trong một thời đại dồn dập nhiều biến cố. Có những biến cố chỉ đụng chạm tới tôi. Có những biến cố làm xôn xao cả nước. Có những biến cố liên hệ đến toàn thể Giao Hội và thế giới.*

Sự xuất hiện của những phong trào gây sôi động cũng là những biến cố.

Mỗi biến cố là một dấu chỉ. Mỗi dấu chỉ đều có một ý nghĩa. Nhiều khi Chúa muốn nói với tôi qua biến cố. Nhưng tôi phải khiêm tốn và bình lặng mới nghe thấy được.

Mỗi biến cố đều mang một ẩn số. Ẩn số đó gói một sứ điệp Chúa muốn gởi cho tôi. Nhưng tôi phải chăm chú và vô tư lắm mới khám phá được sứ điệp đó.

Mỗi biến cố là một bài toán. Bài toán đó gài vào đời tôi. Nhưng tôi phải phục thiện lắm mới tìm ra được giải đáp.” (Bùi Tuần, Dấu chỉ thời đại, trong Nói với chính mình).

Đạo đức tình người cùng biết nhìn đón nhận thực tế đời sống hơn nữa, tưởng khó diễn tả hơn được!

2.2. Cây nến nhìn xa trông rộng

Ngày xưa Chúa Giêsu Kitô sai các Thánh Tông lên đường đi rao truyền sứ điệp tình yêu Thiên Chúa với lời nhắn nhủ: “Anh em sẽ nhận được sức mạnh Chúa Thánh Thần...Anh em sẽ là chứng nhân của Thầy đến tận cùng trái đất.” (Cv 1,8).

Tôi không biết, tôi phải hiểu Lời nhắn nhủ sai đi của Chúa thế nào cho đúng. Nhưng tôi vui mừng được học biết suy tư hướng dẫn của đức cha Bùi Tuần về cách diễn dịch Lời Chúa

đó cho thời đại truyền giáo ngày hôm nay:

"Thách đố lớn nhất của các dòng tu thế kỷ XXI là khả năng mở ra, khả năng phân định và khả năng lựa chọn.

Hãy mở rộng cái nhìn để biết mình, biết đời, biết thánh ý Chúa. Nhất là mở rộng cái tâm với tình bao dung của người con Thiên Chúa là Cha chung của mọi người. Cùng với việc mở ra là việc phân định tình hình mình đang sống. Thực tế thường có nhiều phức tạp. Tất nhiên phải phân định dưới ánh sáng Phúc Âm nhưng không loại trừ phương cách triết học, khoa học và xã hội học.

Sau phân định là chọn lựa phương án giải quyết khả thi, làm được và được làm. Tiếng nói thích hợp nhất của Tin mừng trong thế kỷ XXI là yêu thương. Yêu thương như Chúa đã yêu thương chúng ta. Yêu thương nhất là trong phát triển và trong các liên đới." (Gm. Bùi Tuần, Sự cộng tác của các Dòng Tu tại Việt Nam hôm nay, trong Làm chứng cho Đức Kitô tới tận cùng trái đất, Long Xuyên 2000)

Nhiệt thành với việc truyền giáo cùng gắn gũi với thực tế thời đại hơn nữa, tưởng khó có thể hơn được nữa!

2. 3. Cây nền sống đức tin giữa dòng đời

Không biết có phải là một cung cách truyền giáo mới lạ hay không, đang khi đời sống ở xã hội như đang đi theo một hướng khác gần như chuộng số lượng hơn phẩm chất. Nhưng tôi thấy nó gây ấn tượng gợi suy nghĩ hướng về tương lai mạnh và nhiều.

Sau khi theo dõi buổi lễ hát kinh cầu nguyện vừa cho tín hữu Tin Lành lẫn Công giáo ở Hà Nội có tổng thống Hoa kỳ cùng phu nhân tham dự, đức cha Bùi Tuần đã viết lên những suy tư hướng mở ra về tương lai sống đức tin giữa lòng đời:

1/ Cố gắng nâng cao trình độ trí thức

Theo dõi tình hình thế giới, Đất Nước và Hội Thánh khắp nơi, tôi thấy việc đối thoại và hợp tác đang là những vấn đề lớn đặt ra cho mọi phía. Để việc đối thoại và hợp tác của Hội Thánh ta được trân trọng, chúng ta cần phải có những hiểu biết sâu rộng về nhiều lãnh vực....

Tôi đã nhiều lần được có mặt trong các hội nghị quốc tế về đạo và đời. Tại mọi hội nghị, dù để bàn về một vấn đề nhỏ, trình độ trí thức được coi là yếu tố hết sức quan trọng.

Đời sống thường ngày với bao vấn đề luôn đặt ra cho con người, không thể sẽ tự nó giải quyết cho ta một cách nhàn nhã, cũ kỹ, nhưng đòi ta phải có một trình độ trí thức mới, để đi trên con đường mới của lịch sử.

Hiện nay, trí thức Công giáo Việt Nam kể như khá hơn trước. Nhưng tôi thấy là chưa đủ đáp ứng cho thời điểm mới.

2/ Cố gắng nâng cao trình độ bén nhạy

Thời nay, con người đối thoại và hợp tác cần có khả năng bén nhạy sâu sắc.

Bén nhạy, để biết cách gây thiện cảm, tránh gây ác cảm vô ích.

Bén nhạy, để biết có những phong cách tế nhị, lịch thiệp, nhã nhặn trong mọi ứng xử, cả trong những trường hợp xảy ra những bất ngờ rất trái ý ta.

Theo dõi những hình ảnh của Apec được truyền đi qua tivi, tôi thấy sự bén nhạy là điều không thể thiếu nơi người tổ chức lẫn người tham dự.

Có những hình thức mình cho là trang trọng, nhưng đối với phần đông lại là nặng nề, gây khó chịu.

Có những việc mình cho là phải thể mới đầy đủ, nhưng nhiều người khác lại nghĩ là nên vẫn gọn mới hay.

Có những lời người ta khen ngợi mà mình lại bám vào để tự đắc, nhưng thực ra đó chỉ là những lời khen xã giao, mà chỉ những tinh thần nhạy bén trình độ cao mới thấy được.

Trong thời điểm mới này, chắc sẽ có nhiều ý kiến được thành hình trong Hội Thánh Việt Nam ta. Hãy bén nhạy, để biết lắng nghe và phân định.

3/ Cố gắng nâng cao trình độ trung thành với Lời Chúa

Hơn bao giờ hết, Hội Thánh phải trung thành với Chúa, mặc dầu tình hình thay đổi.

Trung thành với Lời Chúa nhất là trong những việc sau đây:

a) Hãy chiến đấu để "đi qua cửa hẹp" (Lc 13,24).

b) Sống trọn vẹn "Tám mối phúc" (Mt 5,3-12).

c) Tăng cường sống "giới răn yêu thương" (Ga 14,34).

d) Sống hợp tác với ơn Chúa một cách tuyệt đối. Vì Chúa phán "Không có Cha, chúng con không làm gì được" (Ga 15,5).

Tôi nghĩ là xã hội Việt Nam cần đổi mới một cách sâu sắc từ guồng máy xã hội cho tới cách suy nghĩ của từng người." (Gm. Bùi Tuần, Sống đạo trong thời điểm mới, 2006)

Nhìn diễn biến trong sinh hoạt xã hội với con mắt đức tin và tâm hồn suy nghĩ mong muốn cầu tiến cho đời và cho đạo, mà không xa rời dân tộc cùng đức tin vào Chúa như vậy, là kết quả của một tâm hồn có lối sống gần với Chúa và gần với những biến chuyển trong đời sống xã hội con người.

2.4. Cây nền sống đức tin giữa lòng thiên nhiên

Không biết có phải là một điều lạ thường ngoại lệ hay không. Vì xưa nay sự thường khi giảng dạy, nhất là nơi các bậc chức sắc vị vọng học hành cao giỏi. Họ thường hay chú trọng xoay quanh đến giáo huấn luân lý, theo lối văn chữ nghĩa khô khan khó hiểu hơn là nói về điều đang xảy ra trong đời sống với lối viết văn chương tươi trẻ dễ hiểu. Điều này không thấy nơi đức cha Bùi Tuần.

Như trong bài giảng nhân ngày Tết Nguyên Đán xuân Bính Tý, đức cha Bùi Tuần đã viết diễn tả: *"Xuân đang đẹp trong thiên nhiên. Xuân đang đẹp trên đất nước. Nhưng Xuân đẹp nhất là xuân trong lòng người. Xuân đẹp trong lòng người mang những đức tính tốt, không ngừng vươn tới mức độ đẹp hơn, và luôn luôn vươn tới những vẻ đẹp mới."* (Gm. Bùi Tuần, Mùa Xuân trong lòng người, trong Nói với giáo dân).

Lối nhìn, lối diễn tả văn chương đầy màu sắc hình ảnh tươi trẻ hợp với khung cảnh thiên nhiên, cùng dẫn con người tìm về nguồn sức sống sâu thẳm đầy đủ ý nghĩa, là cung cách diễn dịch rao giảng thiên nhiên cho đời sống con người và đời sống con người hòa nhập vào phát triển trong thiên nhiên, mà vẫn đặt nền tảng trên đức tin vào Thiên Chúa, Đấng là chủ thiên nhiên cùng của con người.

2.5. Cây nền mùa dâng hoa

Không dám và cũng không thể quả quyết đây là một lối sống đạo đức mới lạ hấp dẫn. Nhưng cách suy diễn về lối sống đạo của đức cha Bùi Tuần không chỉ mới khác lạ, mà hướng vào chiều sâu thâm trầm hơn. Như về cung cách dâng hoa kính Đức Mẹ Maria. Đức cha dựa trên nền tảng kinh Ngợi khen của Đức mẹ, kết thành bó hoa ba sắc:

1. Hoa cảm tạ.

Mẹ cảm tạ Chúa trước hết về bản thân riêng của Mẹ. Mẹ nhìn bản thân Mẹ chỉ là một nữ tỳ. Mẹ coi nữ tỳ này khác với mọi nữ tỳ khác ở chỗ kém cỏi hơn họ, hèn mọn hơn họ. Thế mà Chúa là Thiên Chúa, là Đấng Cứu độ ngự đỉnh chốn cao xa, lại đã thương nhìn xuống nữ tỳ đó: "Phận nữ tỳ hèn mọn, được Chúa thương nhìn đến" (Lc 1,48).

2. Hoa nhận thức.

Chương trình mẫu nhiệm của Thiên Chúa trong việc cứu độ nhân loại sẽ rất khác với chương trình của nhân loại. Thánh ý Chúa rất khác sự đánh giá và xếp đặt của con người.

Về đường lối của Chúa, Đức Mẹ nhận thức ba hạng người sẽ bị ném xuống, và ba hạng người sẽ được nâng lên.

Ba hạng người nếu lạm dụng sẽ bị Chúa ném xuống là: Kẻ kiêu căng, kẻ quyền thế, kẻ giàu sang.

Ba hạng người nếu biết sống tốt sẽ được Chúa nâng lên là: Kẻ khiêm nhường, kẻ hèn mọn,

kẻ nghèo đói.

3. Hoa nhớ lại.

Đức Mẹ nói: "Vì Chúa nhớ lại lòng thương xót, dành cho tổ phụ Ápraham, và cho con cháu đến muôn đời" (Lc 1,55).

Nói là Chúa nhớ lại lòng thương xót của Người, là để chính chúng ta đừng quên lòng thương xót của Chúa. Vì "Đời nọ tới đời kia, Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người" (Lc 1,50)." (Gm. Bùi Tuần, Đức Mẹ dâng hoa)

Suy diễn ý nghĩa thần học sâu sắc cùng lối diễn tả văn chương hấp dẫn hơn, tưởng khó có thể hơn được!

2.6. Cây nến hướng về ngày mai

Không biết có đúng hay không, khi nhận xét: đức cha Bùi Tuần có tâm hồn cầu tiến đổi mới. Nhưng khi đọc những suy tư của ngài, dù là bài giảng đạo đức, tâm tư hình ảnh đổi mới phát triển luôn hiện rõ nét. Trong bài suy tư đạo đức về Vai trò của đặc sủng, đức cha đã phác họa ra những điểm đổi mới phát triển bản thân cũng như Giáo Hội.:

1. Sự thích hợp sống động.

Hội thánh luôn cần đổi mới và phát triển. Mục đích đó sẽ chỉ đạt được qua nhiều trách vụ khác nhau. Các trách vụ khác nhau sẽ được trao cho nhiều người. Mỗi người đảm đương một trách vụ.....

2. Sự mưu tìm ích chung rõ rệt.

Thánh Phaolô dạy: " Thần linh tỏ mình ra nơi mỗi người mỗi cách là vì ích chung"(1 Cor12,7)

Ích chung có thể hiểu là sự đổi mới và phát triển Hội thánh, để danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời"...

3. Sự thao thức đức ái chân thật.

Đặc sủng nào cũng phải hoạt động trên bác ái. Đây là nền tảng cần thiết...

Đặc sủng là ân sủng đặc biệt, Chúa ban riêng cho những người Chúa chọn, để họ trở thành thích hợp và thuận lợi cho trách vụ được trao, hầu góp phần một cách hữu hiệu vào ích chung. Ích chung đó là đổi mới và phát triển Hội Thánh trên nền tảng bác ái" (Gm. Bùi Tuần, Vai trò của đặc sủng, trong Ra khơi thả lưới tình thương)

2.7. Cây nến thao thức

Dịp đầu năm mới 2007, đức cha Bùi Tuần đã viết dòng tâm sự suy tư: " Bây giờ, Đạo đang bước vào một giai đoạn mới của lịch sử: Giai đoạn hội nhập và cạnh tranh. Tôi vui, nhưng cũng lo. Với kinh nghiệm của một người, vừa già về tuổi đời, vừa già về tuổi mục vụ, tôi xin phép chia sẻ một nỗi lo như một cảnh báo. Đó là hãy coi chừng về một chứng bệnh nguy hiểm cho Đạo. Chứng bệnh này thường xuất hiện trong thời cạnh tranh giữa các giá trị." (Gm. Bùi Tuần, Bệnh nguy hiểm, 07.01.2007).

Dù đã bước vào tuổi đời bát tuần đi nghỉ hưu đã từ mấy năm, qua nhưng đức cha Bùi Tuần vẫn hằng luôn quan tâm thao thức với sự phát triển nếp sống đạo đời.

Những thao thức chia sẻ kinh nghiệm cùng suy tư của đức cha Bùi Tuần không là kiểu cách chỉ ngón tay luân lý kết án. Nhưng là một lối nhìn sự tiến triển trong đời sống theo cung cách đạo giáo, và muốn thử vạch ra một con đường duy trì nếp sống đức tin lành mạnh mà không chối bỏ hay xa tránh đời sống thực tế giữa dòng đời.

2.8. Cây nến tự giáo dục bản thân

Vào những ngày sắp mừng sinh nhật thứ tám mươi của mình, đức cha Bùi Tuần đã viết lại những suy tư của mình thành chữ nghĩa đăng trên báo chí. Đọc những lời đó, thoát tiên tôi có cảm nghĩ là lời dạy bảo huấn đức. Phải, đó lời của một bậc thầy dạy cảnh giác học trò mình.

Đọc kỹ lại, tôi có cảm nghĩ khác. Dù đã trải qua 80 năm tuổi đời, 52 năm đời Linh mục, 32 năm đời Giám mục, nhưng khi suy nghĩ nhìn lại quãng đường lữ hành đã trải qua, đức cha Bùi Tuần cũng vẫn thấy bản thân tinh thần mình còn yếu kém, dễ bị vấp ngã và còn cần phải

tu luyện, học hỏi bồi bổ thêm hơn nữa, trước những thay đổi biến chuyển không ngừng trong cuộc sống xã hội thời đại:

"Đừng chủ quan, đừng dễ dãi với bất cứ thần dữ nào trong bảy quỷ đầu mỗi tội. Bởi vì bất cứ sự coi thường nào đối với một tên thần dữ cũng sẽ đưa ta vào bẫy. Bị sập bẫy của một quỷ dữ sẽ mở đường cho một chuỗi sập bẫy tiếp theo. Thí dụ khi ai đã sập vào bẫy của quỷ kiêu ngạo, thì các quỷ khác sẽ dễ dàng xâm chiếm tâm hồn kẻ đó. Dần dần toàn thể cuộc đời người đó sẽ bị lôi vào đủ thứ tệ hại. Điều tệ hại nhất là rất khó thức tỉnh, sám hối và trở về đang lành."

Ngoài việc tỉnh thức bằng cầu nguyện, chúng ta cũng cần để ý mở rộng tầm nhìn bằng việc học hành. Học hành sẽ giúp chúng ta rất nhiều trong tư tưởng và cách sống.

Thêm vào sự tỉnh thức bằng cầu nguyện và học hành, tôi nghĩ cũng cần biết dè dặt, thận trọng, cần nhắc, vì tình hình chẳng bao giờ đơn giản.

Kinh nghiệm cho tôi thấy: Mọi sự đổ không bao giờ xảy ra đột ngột. Nó đã có những nút nê, nghiêng lún to nhỏ trước rồi. Có chỗ dễ thấy được. Có chỗ khó thấy được.

Sự đổ về đạo đức cũng vậy. Cá nhân hay cộng đoàn sự đổ về đạo đức là kết quả của một tiến trình lâu dài. Không tỉnh thức, không cầu nguyện, không học hành, không thận trọng, ta sẽ tụt hậu và yếu dần. Ta sẽ không đối phó nổi các phong trào tư tưởng và lối sống hưởng thụ, thực dụng, đặc thẳng và ghen ghét." (Gm. Bùi Tuần, Y tứ kéo tề hơn trước, 18.01.2007)

Trên đường lữ hành, đức cha đã sống trải qua 80 năm trong khu vườn sáng tạo của Thiên Chúa.

Trên đường lữ hành, đức cha đã sống là chứng nhân cho ánh sáng ngọn lửa Chúa Giêsu phục sinh, khởi đầu từ bản thân đời sống đức cha, và trong suốt dọc đời Linh mục rồi Giám mục trong vườn nho Hội Thánh Chúa Giêsu ở trần gian.

Trên đường lữ hành, đức cha với khả năng tâm trí và thân thể được Trời cao ban tặng đã thắp lên những Cây Nến với ngọn lửa "Mandatum novum" cho Thiên Chúa giữa dòng đời sống con người.

Trên đường lữ hành, đức cha đã trải qua; vâng nói theo cung cách suy nghĩ loài người: đã đạt được nhiều đích điểm cao cả. Nhưng đức cha vẫn luôn tâm niệm:

"Cuộc đời là một chuyến đi. Tôi là một lữ khách.

Khi chưa tới đích điểm, thì chỗ nào cũng là nơi tạm trú.

Trên đường về nhà Cha, người con của Chúa sống trong những liên đới trập trùng. Liên đới với nhiều người khác nhau. Liên đới với nhiều tình hình khác nhau. Nhất là liên đới với Thiên Chúa, Đấng yêu thương, Đấng đã gọi tôi, Đấng đã sai tôi. (Gm. Bùi Tuần, Tâm tình người lữ khách, trong Ra khỏi thả lưới tình thương)

Chúc mừng sinh nhật thứ tám mươi ân sư đức cha G.B. Bùi Tuần!

Düsseldorf, mùa Đông 02. 2007

Lm. Nguyễn Ngọc Long

Cựu học trò cũ chủng viện Long xuyên ngày xưa.

VỀ MỤC LỤC

TRÁI TIM KHÔNG NGỦ YÊN

Phúc Âm Nhật Ký ngày 21.01.2007

(Lc 1:1-4; 4:14-21)

Ông Lý Quang Diệu, Bộ trưởng cố vấn Singapore, viếng thăm Việt nam từ ngày 16 đến 20 tháng 01 năm 2007. Ông nói : "Việt Nam đang tiến với tốc độ tốt và đang đuổi kịp thời gian bị mất." Việt nam mất gì trong "thời gian bị mất"? Thời gian đã mất có lấy lại được không ? Lấy lại bằng cách nào ? Phải chăng chỉ kinh tế và chính trị mới có thể giúp lấy lại thời gian đã mất ?

Vấn đề không đơn giản như thế !

Khi mời ông Lý Quang Diệu thăm Việt Nam, người ta chỉ mong nghe những diều kể hay phép mầu kinh tế cho Việt nam. Có ai ngờ trong khi xây dựng một Singapore phú cường, người dân của ông vẫn không mất tự do và quyền làm người ? "Trái tim Singapore," tức con người, chứ không phải kỹ thuật, đóng vai trò quyết định Singapore có một vị thế không nhỏ trên thế giới.^[1]

Nếu xã hội chỉ là một nhà máy khổng lồ, vấn đề có thể đơn giản. Nhưng vì xã hội là tổ hợp những con người, nên không thể coi thường sức mạnh tinh thần. Nhưng nếu chỉ nghĩ đến phần thiêng liêng mà thôi, giải pháp cũng không toàn diện. **Chúa Giêsu đến trần gian không chỉ nhằm cứu các linh hồn, nhưng cứu toàn thể con người. Đó là sứ mệnh rất cao cả, nhưng cũng rất thực tế. Sứ mệnh đó vẫn được tiếp nối trong Giáo hội hôm**

nay.

Vậy Giáo hội có thể giúp Việt nam “đuổi kịp thời gian bị mất” không ? Chúa Giêsu đã vạch ra một phương hướng giúp chúng ta có thể “đuổi kịp thời gian bị mất.” Những năm tháng qua đã để lại một xã hội và giáo hội “rách nát” ! Những năm tháng đó đã tạo nên những “người Việt nam xấu xí.” Thời gian đó không đáng gọi là năm tháng hồng ân. Bởi thế, cần có một sứ giả đến “công bố năm hồng ân của Chúa.” (Lc 4:19) Sứ giả đó chính là Đức Giêsu, đến từ Thiên Chúa.

Để có thể can đảm “công bố năm hồng ân của Chúa,” Người đã được Thần Khí hướng dẫn. Người là vị Thiên Sai thực sự, vì đã được “Chúa xức dầu tấn phong.”(Lc 4:18) Đó là tất cả sức mạnh và tước vị Người có khi xuất hiện giữa muôn dân. Không có sức mạnh Thần Khí, Người không thể “loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn.”(Lc 4:18)

Những “kẻ nghèo hèn,” đối tượng số một của Tin Mừng, tràn ngập xã hội Việt nam. Việt Nam vẫn bị xếp vào hàng những nước nghèo nhất thế giới, cả về kinh tế lẫn nhân quyền, dù năm ngoái đã đạt mức tăng trưởng kinh tế 8%, chỉ đứng sau Trung Quốc trong khu vực Đông Á. Nghèo hèn cả về vật chất lẫn tinh thần, con người sẽ không còn điều kiện làm người nữa.

Đó là lý do tại sao Đức Giêsu rao giảng Tin Mừng để phục hồi phẩm giá con người. Hạt giống Tin Mừng đã gieo. Mùa màng trổ sinh tươi tốt khắp nơi trên thế giới. Còn Việt nam thì sao ? Những ai đang gieo hạt giống Tin Mừng tại Việt nam ?

Nhìn lại số lượng và phẩm chất nhân sự của Giáo Hội Việt nam hôm nay, chúng ta có thể hiểu phần nào lý do tại sao hạt giống Tin Mừng chưa trổ sinh mùa màng tươi tốt trên mảnh đất chữ S thân yêu. Nhân sự là một vấn đề vô cùng quan trọng. Chính vì thế, khi quan sát xã hội Việt nam, ông Lý Quang Diệu nhận xét : “... ngoài vốn đầu tư, cơ sở hạ tầng ... cần có một cơ sở quan trọng hàng đầu : **đào tạo nguồn nhân lực.**”^[2] Chẳng lẽ Việt nam không có những trung tâm huấn luyện, học đường, đại học để làm công việc quan trọng đó ? Kinh nghiệm từ Singapore, ông cho thấy cần phải nhấn mạnh đến phẩm chất của nguồn nhân lực đó. Không phải chỉ cung cấp một mớ kiến thức chuyên môn đáp ứng cho những cơ chế vô hồn, nhưng cần có “những con người tự trọng, mẫn cảm và có ý thức.”^[3]

Giáo Hội Việt nam cũng đang thiếu những con người như thế ! Mặc dù có nhiều chủng viện và học viện, GHVN vẫn thiếu một cách trầm trọng những người lãnh đạo thực sự. GHVN không thiếu nhân tài, nhưng thiếu tầm nhìn và kiến thức quản trị. Thiếu những nhà lãnh đạo biết đón nhận, lắng nghe những tiếng nói khác với mình. Nếu loại trừ hay không tạo điều kiện cho những tiếng nói khác góp phần vào xây dựng công cuộc chung, e rằng giới lãnh đạo cách nào đó không tin Giáo hội là thân thể Đức Kitô với nhiều bộ phận và chức năng khác nhau do Thiên Chúa an bài trong Thần Khí (x. 1 Cr 12:12-30). Có những người anh em không được đón nhận và chia sẻ sứ vụ. Như thế, phải chăng họ chỉ bị khinh thường và bất tín nhiệm ? Không đâu ! Cả sứ mệnh và Đấng trao sứ mệnh cho họ cũng bị khinh thường nữa. **Đúng như Chúa nói : “Ai đón tiếp người Thầy sai đến là đón tiếp Thầy, và ai đón tiếp Thầy là đón tiếp Đấng đã sai Thầy.”(Ga 13,20) Khi nói thế, không phải Chúa chỉ nhằm đến đối tượng dân ngoại, nhưng cả những người đang nắm quyền trong Giáo hội nữa.**

Một cuộc cải tổ sâu rộng nền giáo dục chủng viện vô cùng khẩn thiết ở Việt nam. Qua bao đời, nền giáo dục đó hầu như chỉ chú trọng cung cấp kiến thức thần học hay triết học cho người thụ huấn. Khi còn ngồi trong chủng viện, con người chỉ lo phát triển tài năng và tập những nhân đức cá nhân để vinh thăng trên đường “hoạn lộ,” (“quan triều”) chứ ít khi chú ý tới tinh thần trách nhiệm, hợp tác, cộng đồng. Kết quả khi ra đời, họ không có khả năng làm việc tập thể và sống cộng đoàn. Nhiều người chỉ tìm danh vọng cá nhân hay quyền lợi phe nhóm. Tham quyền cố vị tới chết cũng chưa chịu về hưu hay đổi xứ ! Cá nhân to hơn Nước Chúa. Làm sao kiếm được tinh thần từ bỏ và khiêm tốn nơi những con người như thế ?

Thế mới hay GHVN thiếu những thợ gặt lành nghề. Vẫn không đủ những người có khả năng rao giảng Tin Mừng cho người nghèo hèn và bị áp bức. Thời nào cũng thế, GHVN đầy dẫy những con người đồng lõa với bọn giàu sang và thế lực trong các cơ chế đàn áp. Những người bị áp bức hầu như nằm ngoài sự quan tâm của Giáo hội. Chỉ có những người nghèo

mới là đối tượng của Tin Mừng hay sao ? Người nghèo chỉ là một trong những thành phần bị cơ chế bất công đàn áp. Những hoạt động bác ái và y tế xã hội chỉ xoa dịu phần nào nỗi đau khổ của những người nghèo hèn. Còn những người bị giam cầm trong các trại tù cải tạo, những người bị áp bức đến mất tự do ngoài xã hội và những người dân đang bị hạn chế tự do liên lạc, hội họp, di chuyển ... đến nỗi trở thành mù điếc những thông tin cần thiết và đói khát nhân quyền thì sao ? Họ chiếm chỗ nào trong mối quan tâm của GHVN ? Những đối tượng Tin Mừng, như ngôn sứ Isaia loan báo, đều là những nạn nhân của đủ thứ đàn áp bất công. Nếu không quan tâm và tranh đấu cho quyền làm người, GHVN sẽ đem Tin Mừng qua nẻo đường nào cho dân tộc ?

Dù có cả bề dày lịch sử gần 500 năm, GHVN vẫn thiếu những ngôn sứ quả cảm như Đức Giêsu. Có một lỗ trống khổng lồ trong đức tin của GHVN hôm nay. Chưa ai có thể lấp nổi ! Mặc dù có khối lượng nhân sự khổng lồ, GHVN có lẽ còn thiếu xác tín vào sức mạnh Tin Mừng. Có lẽ đức tin chúng ta chưa bằng hạt cải, nên chưa thể bứng cây đa cổ thụ hay trái núi bất công ra khỏi lòng dân tộc. Trái núi càng cao càng cản bước tiến Tin Mừng.

Nếu có đức tin bằng hạt cải, GHVN đã dừng cảm như anh em Công Giáo Nam Hàn. Trước cảnh đàn áp bất công ngoài xã hội, Giáo hội Nam Hàn đã tranh đấu đòi quyền lợi cho công nhân. Nhờ đó, Tin Mừng đã tìm được con đường đi đến với dân tộc. Các giám mục và linh mục đã không ngồi yên hay thỏa mãn với những công trình xây nhà thờ, phòng phát thuốc, hay công việc mục vụ trong khuôn viên nhà thờ và giáo xứ. Cùng giáo dân, họ đã xắn tay áo xuống đường tranh đấu và vô tù vì tương lai xã hội và Giáo hội. Đó là con đường Thần Khí dẫn Giáo hội Nam Hàn theo Đức Kitô.

Dân tộc chúng ta không thua kém bất cứ ai trong vùng Á châu. Chính ông Lý Quang Diệu phải công nhận : "Tài năng của người Việt Nam trong việc sử dụng và cải tiến các khí tài của Liên Xô trong thời kỳ chiến tranh và tài năng của người Việt hiện sống ở Mỹ và Pháp nhắc nhở chúng ta về những phẩm chất tuyệt vời của dân tộc này."^[4] Phẩm chất tuyệt vời cũng chẳng là gì, nếu chỉ để phục vụ quyền lợi riêng tư hay phe nhóm. Tất cả đều vô ích nếu không có tinh thần chia sẻ và cộng tác với nhau. Có lẽ ông muốn nói về trí thông minh và khả năng kỹ thuật của người Việt nam, chứ chưa nói đến những phẩm chất đích thực và cần thiết cho việc phát triển của dân tộc, như tinh thần trách nhiệm, khiêm tốn, tự trọng, đoàn kết, cởi mở v.v. Nếu thiếu khiêm tốn và cởi mở, chúng ta không thể vượt qua những thử thách thời đại và loan báo Tin Mừng hữu hiệu. Nếu chỉ lo cho cá nhân và phe nhóm, không bao giờ có thể can đảm dẫn thân theo Đức Kitô. Ai cũng nói đến hy sinh, từ bỏ. Nhưng thực tế mấy ai dám vượt qua cái tôi ?

Nếu có đức tin bằng hạt cải, chúng ta sẽ can đảm lãnh nhận sứ mệnh giải thoát như Đức Kitô. Sứ mệnh đó quyết định tương lai toàn thể Giáo hội. Trước khi bước vào cuộc đời công khai, Đức Kitô đã được "quyền năng Thần Khí thúc đẩy." (Lc 4:14) Còn chúng ta đang được Thần Khí nào hướng dẫn ? Nếu được Thần Khí Thiên Chúa hướng dẫn, chắc chắn chúng ta đã biết quên mình thực sự để dẫn thân hoàn toàn cho sứ mệnh "trả lại tự do cho người bị áp bức" (Lc 4:18) như Đức Kitô. "trả lại tự do" là sứ mệnh "thâu tóm rõ nhất sự nghiệp của Chúa Giêsu."^[5] Nếu Chúa không chết cho sứ mệnh cao cả đó, chắc chắn chúng ta không dám bàn đến vấn đề gai góc này. Chẳng lẽ Giáo hội có sứ mệnh nào khác với Chúa ? Nuôi sống hay chữa bệnh cho người nghèo không phải dễ. Nhưng so với sứ mệnh "trả lại tự do cho người bị áp bức," việc bác ái đó tương đối nhẹ nhàng hơn. Phải chăng GHVN chọn phần dễ nhất trong sứ mệnh để ru ngủ chính mình ? **Sứ mệnh "trả lại tự do" gay gắt nhất, vì đòi hy sinh chính mạng sống mình, chứ không phải của cải hay thời giờ mà thôi. "Trả lại tự do" có nghĩa là trả lại quyền làm người cho con người.**

Con người chỉ thực sự làm người khi có tự do. Mất tự do là mất bản chất con người. "Thời gian bị mất" có nghĩa là thời gian con người mất quyền làm người. Quyền làm người bị mất ở đâu, nếu không phải trong các nhà tù và những nơi con người biến thành những bộ máy sản xuất ? Chỉ vì quyền con người, Chúa Giêsu đã được sai đến thi hành sứ mệnh duy nhất là "trả tự do cho những người bị áp bức" (Lc 4:18) Muốn theo Chúa Kitô, Giáo Hội phải tiếp tục sứ mệnh đó. GHVN đang nắm trong tay một cơ hội bằng vàng để thực thi sứ mệnh cao cả cho hạt giống Tin Mừng trổ sinh.

Khi nói đến sứ mệnh "trả lại tự do" và quyền làm người cho dân tộc, tôi không có ý hô hào tranh đấu bạo động. **Những khẩu hiệu "chống cộng" hay "đánh Mỹ cứu nước" là**

những phương tiện lỗi thời. Những khẩu hiệu đó chỉ có giá trị trong "thời gian bị mất." Ngày nay, không còn người trẻ nào hiểu ý nghĩa các khẩu hiệu đó nữa. Một trang sử đã lật qua. Không thể dùng những phương tiện lỗi thời. Nhưng mục đích không bao giờ thay đổi. **Nhân quyền và tự do vẫn là những giá trị ngàn đời. Tuổi trẻ hôm nay cảm phục những ai đang làm mọi cách cho dân tộc tìm lại những giá trị cao cả đó hầu đuổi kịp trào lưu thế giới. Vận hội đã tới !**

Vậy làm cách nào để "trả lại tự do" cho dân tộc ? Dĩ nhiên, chính trị, kinh tế, quân sự không phải là phương tiện tranh đấu của Giáo hội. **Phương tiện duy nhất của Giáo hội chính là Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Tin Mừng là "sự thật giải thoát." (Ga 8:32) Sự thật vẫn còn bị che dấu và bưng bít ở Việt nam. Đó là lý do tại sao dân tộc chưa có tự do. Làm sao người dân có thể làm người tự do khi nền "văn hóa nói dối" đang hoành hành từ Bắc chí Nam, từ trong đạo ra ngoài đời ?**

Con đẻ của "văn hóa nói dối" là cơ chế bất công đang nghiền nát con người. Vầng bóng công lý, con người chỉ còn cúi đầu vâng theo chế độ "xin cho." Con người trở thành chúa tể thống trị con người. Cuộc đời chỉ còn là kiếp trâu ngựa lầm than. Con người mất quyền làm người. Quyền làm người biến thành một thứ ân huệ. Chính vì thế cho con người được làm người, Chúa đã chết không bằng một con người. Người đã chết một cách bất công để công lý ngự trị trên trái đất.

Nơi gương Đức Kitô, giáo dân xứ Phường Tây, Huế hiện nay đang đứng lên tranh đấu đòi lại ngôi trường của giáo xứ. Đoàn kết với dân Chúa, ngày 9-1-2007 vừa qua, Đức TGM Tôphanô Nguyễn Như Thế mạnh mẽ tuyên bố: "Toàn thể Giáo phận Huế sẽ đứng đằng sau linh mục quản xứ và giáo dân Phường Tây!"^[6]

Tinh thần Nguyễn Kim Điền vẫn sống mạnh trong lòng giáo dân Huế ! Rất may dân tộc Việt nam còn có những con người dũng cảm tranh đấu cho công lý như vậy ! Nhìn từ Nam ra Bắc, có lẽ chúng ta phải khâm phục truyền thống kiên cường và anh hùng của Giáo Phận Huế !

Lạy Chúa, cám ơn Chúa đã cho chúng con tiếp nối sứ mệnh cao cả của Con Chúa nơi trần gian. Con biết trái tim Chúa không ngủ yên cho tới khi nào dân tộc chúng con được "trả lại tự do." Xin Chúa cho GHVN can đảm rao giảng Tin Mừng cho những người nghèo hèn và đứng lên đòi "trả lại tự do cho những người bị áp bức" trong xã hội và giáo hội hôm nay. Amen

đỗ lược dzuize@gmail.com

^[1] x. vnexpress.net, 16/01/2007, trích lại từ báo *Tuổi Trẻ*. ^[2] Ibid. ^[3] Ibid. ^[4] ibid.

^[5] Lời Chúa Cho Mọi Người 2005:290. ^[6] Tiếng Nói Giáo Dân.net ngày 10.01. 2007

VỀ MỤC LỤC

TUYỆT VỜI

TUYỆT VỜI

**Thuở thơ ấu còn nằm trên gối mẹ,
giai điệu vàng con mấp máy trên môi,
"Thánh Maria, Đức Mẹ Chúa Trời,
cầu cho chúng con là kẻ có tội."**

Con vẫn biết đường đời muôn vạn lối,
Ánh Sao Mai soi thấu cả tâm hồn,
con chẳng lo mang kiếp sống long đong,
dù nhân thế đang chìm dần đáy huyết.

Từ Thiên Quốc, đỉnh cao sang điểm tuyệt,
Mẹ có nghe vang dội khắp trần gian
nguồn hồng ân như thác đổ miên man,
toàn cõi thế ngàn hương xưa nở rộ .

Ơn vô niễm tựa hoa thơm rụng rở,
như mở đầu cho vạn khúc tình ca,
Mẹ Đồng Trinh, Mẹ Diễm Phúc hiền hòa,
hồn tín hữu đượm nhuần hương nhân đức.

Trước Nhan Chúa, Mẹ tôn thờ phủ phục,
Mẹ xin vâng cho Thánh Tử làm người,
mặc xác phàm yếu đuổi tựa bề tôi,
cứu nhân loại khỏi sa vòng tội lệ.

Mẹ Thiên Chúa, Mẹ cao sang tuyệt thế,
Mẹ hoài thai Đấng Cứu Độ muôn dân,
nổi trời xa với trái đất lại gần,
cho thế giới trở thành một thánh địa.

Muôn đau khổ đang bao vây tứ phía
nổi hận thù còn khép kín quan san,
biết tìm đâu cho thoát cảnh hoang tàn,
hồn tấm gột thỏa thuê nguồn vĩnh phúc !

Thánh Mẫu Chúa như vầng trăng bạch ngọc,
Từ Thiên Cung, ôi Nữ Vương Hòa Bình,
cả triều thần chiêm ngắm Mẹ Đồng Trinh

đang mời gọi đất trời chung nhịp bước . . .

vân thanh

01.01.2007

VỀ MỤC LỤC

TÔI ĐẾN THĂM EM

Giữa Sài Gòn ồn ào náo nhiệt; giữa những bộ quần áo đủ màu, đủ kiểu; giữa những chiếc xe bóng loáng lao vun vút; giữa những tài tử giai nhân đang dìu nhau trong đêm Giáng Sinh, tôi và một số bạn bè đến thăm em. Vâng, chúng tôi đến thăm em tại nghĩa trang Bình Hưng Hoà. Không, em không phải là người chết, nhưng em là kẻ sống. Kẻ sống trong thế giới của những người chết.

Em dẫn chúng tôi vào bằng con đường tối tăm, để tránh công an. Nghĩa trang này, theo lời em, là nơi tụ họp nhiều tệ nạn, từ xì ke, du đăng đến ma túy, gái điểm nhất tại Sài Gòn. Có lẽ vì địa thế của nó và những tệ nạn xã hội khác nên nạn cướp giật những người đi đường cứ xảy ra nhan nhản. Không ai muốn đi ngang nơi này, nhất là vào ban đêm. Em cảm ơn chúng tôi đã dám can đảm, bỏ qua những lời đồn đại xấu của nơi này mà đến thăm gia đình em và các em mồ côi khác vào đêm Giáng Sinh hôm nay. Nghe em nói thế, tự dưng tôi bỗng rùng mình lo sợ. Tôi không sợ em, nhưng biết đâu còn bao nhiêu người khác sẽ đánh chúng tôi để cướp đi những món quà giáng sinh mà chúng tôi mang đến tặng các em.

Vòng quanh qua các ngôi mộ được khoảng 15 phút thì chúng tôi đến một nơi như giàn trận mà chúng tôi đã được coi trong phim tàu. Nào là cờ, nào là lá chắn, cây che. Tiến gần một chút chúng tôi mới nhận ra rằng đó chính là nơi mà gia đình em và các em mồ côi khác ở. Nó là những tấm giấy bằng cartoon, hay bằng những tấm áo mưa được mắc vào hai ngôi mộ, và giữa lòng hai ngôi mộ đó chính là nơi các em ở - Nơi kẻ sống ở giữa người chết.

Chúng tôi chia nhau ra, một số ngồi chơi với các em, số khác đi thăm những "ngôi nhà" bằng giấy giữa những ngôi mộ bên cạnh. Còn tôi thì ngồi tiếp xúc với một cụ già mà mọi người gọi là "Trưởng Làng" trong ngôi nhà bằng giấy của cụ. Cụ hết lời cảm ơn anh em chúng tôi đã đến thăm làng của cụ. Cụ nói rằng nghĩa trang này có nhiều tệ nạn và nhiều người xấu lắm, nhưng không phải ai sống trong nghĩa trang này đều xấu cả. Làng của cụ là làng lương thiện, từ cụ già đến các em nhỏ đều sống bằng nghề đánh giày hay bán vé số. Cụ càng kể tôi càng cảm nhận được những "bông sen" giữa chốn "bùn nhơ," tôi càng cảm thấy Chúa đã ban cho tôi quá nhiều so với những mảnh đời bất hạnh này.

Nhìn quanh "nhà" của cụ, tôi thấy có ba cục đá nằm gần nhau, chắc là để dùng vào việc nấu nướng, có một cái nồi, hai ba cái chén, và một cục gạch khá sạch sẽ nằm riêng một góc, tôi liền buột miệng hỏi ngớ ngẩn: "*Cục gạch kia là của cụ hả?*" Cụ bẽn lễn trả lời: "*Cục gạch đó tôi dùng để gối đầu ngủ đêm, và chỗ anh ngồi là nơi tôi ngủ, cái thùng rỗng anh đang ngồi lên là cái thùng tôi dùng để đi múc nước...*" Cụ huyền thuyên kể toàn bộ gia tài mà cụ có, như là không có dịp nào khác để kể!

Khi các người anh em của chúng tôi đã trở về từ các ngôi nhà bên cạnh, họ gọi tôi ra để phát quà cho các em để chúng tôi còn kịp đi đến chỗ khác. Phần quà của mỗi em thật đơn giản, chỉ khoảng 1 dollar: gồm có một gói bánh, một gói kẹo, một hộp sữa ông thọ, nửa ký sữa bột và trên hết là có thêm một gói kẹo "M and M" mà tôi đã đích thân mang từ Mỹ về. Tuy đơn giản, nhưng những thứ mà các em nhận được hôm nay cả đời các em không dám mơ tới. Các em chỉ có thể nhìn thấy nó bày bán trên các siêu thị mà thôi, chứ làm sao có tiền mà mua.

Khi phát quà gần xong, bỗng tôi nghe có tiếng một số em nhỏ la to: "*Công an tới! Công an tới!*" Đã được dặn trước, bạn bè tôi mỗi đứa một nơi chạy toán loạn, riêng tôi có lẽ vì thân phận việt kiều không quen chạy trốn, mà có chạy thì cũng không biết đâu mà chạy nên được

cụ trưởng làng dẫn trốn vào ngôi nhà bên cạnh nhà cụ. Năm đó tôi không dám thờ, tôi nghe rõ từng tiếng công an hạch hỏi cụ và những người lớn. Và cuối cùng họ cũng ra về, tôi thở một hơi thật thoải mái, cảm tạ ơn Chúa đã che chở cho tôi không phải được nghỉ đêm Giáng Sinh trên đồn công an.

Để tránh công an để ý, cụ trưởng làng không dẫn tôi ra khỏi nghĩa trang mà để một nhóm trẻ em trên chục đứa đưa tôi đến chỗ đã hẹn trước với nhóm bạn. Nhìn thấy tôi, đứa nào cũng nở nụ cười ra mặt, có đứa còn nói giỡn: *"Sao, ông việt kiều có còn dám đi tới chỗ kể tiếp không?"*

Tạm biệt các em với hai hàng nước mắt tuôn trào, chúng tôi lên xe Honda trở về điểm xuất phát để lấy quà và lại tiếp tục làm những ông già Noel trong đêm Giáng Sinh với những mảnh đời bất hạnh.

* * * * *

Lạy Chúa, nhìn lên có lẽ chúng con không bằng ai, nhưng nếu nhìn xuống, chúng con cảm nghiệm được rằng Chúa đã ban cho chúng con rất nhiều. Xin cho chúng con biết chia sẻ, một tấm áo, một manh quần, một đồng bạc để tất cả mọi người trên thế giới này sẽ không còn bị ngăn cách bởi hố sâu của địa vị, của hận thù, của ghen ghét, nhưng sẽ trở nên *"một tấm bánh, một thân hình và một nhiệm thể trong Đức Kitô!"*

LM. Martino Nguyễn Bá Thông

(Hayyeuthuongnhau.org)

VỀ MỤC LỤC

LỆNH TRUYỀN "HÃY ĐI" VÀ SỨ MẠNG "RA ĐI"

Từ ngàn xưa, Thiên Chúa đã mời gọi các tổ phụ ra đi. Các tổ phụ vâng lời lên đường trong niềm tin tưởng và tín thác mạnh mẽ. Chúa đã sử dụng chính sự ra đi trong đức tin nơi các tổ phụ, để làm phát triển một dân tộc thánh cho riêng mình. Từ giữa dân tộc thánh, Thiên Chúa chuẩn bị và thực hiện ơn cứu độ cho trần gian, qua mọi thời.

Thiên Chúa không dừng sự mời gọi. Người tiếp tục mời gọi không biết bao nhiêu nhà lãnh đạo, bao nhiêu vị tiên tri, bao nhiêu những chứng nhân khác trong suốt cả chiều dài lịch sử Cứu ước... Qua những người được sai đi ấy, Thiên Chúa chuẩn bị cho dân xứng đáng nhận lãnh quà tặng lớn không thể tả, là chính ơn cứu độ đời đời của trần gian.

Chúa Kitô, Quà Tặng Cứu Độ lớn lao đời đời của nhân loại, tiếp tục đường lối của Thiên Chúa, nhân danh Thiên Chúa, luôn ra đi để loan báo và trao ban Tin Mừng Cứu độ. Và cũng một cách thức như từ ngàn xưa Thiên Chúa đã thể hiện, Chúa Kitô tiếp tục mời gọi những chứng nhân cho Tin Mừng tình yêu cứu độ của Người.

I. "ANH EM HÃY ĐI".

"Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ của Thầy" (Mt 28, 19).

"Hãy đi" là lệnh truyền của Chúa. Ra đi là sứ mạng của từng Kitô hữu. Sứ mạng ra đi bắt nguồn từ lệnh truyền "hãy đi". "Hãy đi" là ơn gọi Chúa trao. Ra đi là danh dự, một danh dự bao gồm nhiều lý do. Lý do nào cũng lớn:

- Được lãnh nhận chính ơn gọi Chúa trao.
- Được lãnh nhận sức mạnh của ơn Chúa để thực thi sứ mạng. Vì sứ mạng nào cũng đi liền với ơn ban phù hợp sứ mạng ấy.
- Được tham dự vào quyền làm ngôn sứ, quyền lãnh đạo và mục tử của Chúa Kitô.
- Được tiếp nối chính công trình của Chúa và thực hành chính công việc Chúa đã làm.

- Được hiến dâng đời mình như chính Chúa Kitô đã hiến dâng.

- Được tham dự vào thừa tác vụ cứu độ của Chúa Kitô. Riêng nơi người linh mục, không những tham dự vào thừa tác vụ cứu thế, các ngài còn là người trực tiếp ban ơn cứu độ cho trần thế qua việc trao ban kho tàng ân sủng bí tích.

- Được tham dự vào tình yêu của Chúa Kitô để trao ban tình yêu ấy.

- Được Chúa đáp trả bằng tình yêu muôn đời mà Người dành cho ai trung thành với Người.

- Được trở nên "bạn hữu" của Chúa Kitô như chính Người đã nói: *"Thầy không gọi anh em là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ làm. Nhưng Thầy gọi anh em là bạn hữu, vì tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha của Thầy, Thầy đã cho anh em biết"* (Ga 15, 15).

- Được lãnh nhận ơn cao vời, nguồn mạch sự sống và sức sống của đời Kitô hữu là chính Chúa Thánh Thần.

Tất cả mọi người, không phân biệt già trẻ, trai gái, sang hèn... đều được mời gọi "hãy đi". Vì thế, là Kitô hữu, họ hãy ý thức trong từng nhịp sống thường nhật, qua tất cả mọi việc, mọi sinh hoạt, mọi suy nghĩ, mọi hành động... của mình là chu toàn sứ mạng ra đi, "làm cho muôn dân trở thành môn đệ của Thầy". Ra đi như thế, người Kitô hữu sẽ là cánh tay nối dài của Chúa Kitô vươn tới mọi người, mọi môi trường, mọi hoàn cảnh sống, nhờ đó Chúa Kitô tiếp tục ở lại trong mọi người, giữa trần thế. Đó là danh dự lớn lao của người Kitô hữu. Danh dự này chấp cánh cho ước mơ sống vĩnh cửu trong Nhà Cha, nơi Chúa Kitô đã dọn sẵn (Ga 14,2-4) cho những ai trung thành hoàn thiện ơn gọi đời mình.

Nếu mọi Kitô hữu cần phải đáp ứng lệnh truyền "hãy đi", thì người linh mục, phải là người trước tiên, cấp tốc thực hành sứ mạng ra đi theo lệnh truyền này. Bởi trên hết và trước hết mọi người, linh mục được tuyển chọn là để được sai đi.

Trong sứ mạng ra đi thực hiện lệnh truyền của Chúa, các linh mục được mời gọi trở thành mục tử như Chúa, thay mặt Chúa hiện diện giữa lòng đời vì anh chị em, đúng nghĩa một mục tử. Bởi thế, trên hết mọi sự, họ hãy ý thức thật cao, thật sâu sứ mạng ra đi của mình. Nhưng chỉ có thể ý thức sứ mạng, khi linh mục biết không rời ánh mắt tâm linh hướng về Chúa Kitô, chiêm niệm cuộc đời, hành vi, suy tư của Chúa Kitô...

Nơi Chúa Kitô, bài học cho sự ra đi của linh mục rất nhiều. Ta chỉ nói đến một hành vi cao đẹp của Chúa trong nhà tiệc ly, mà Đức Gioan Phaolô II nhắc lại trong thư gửi các linh mục dịp Năm Tuần Thánh năm Thánh 2000. Đó là hành động RỬA CHÂN:

*"...Tin Mừng Gioan diễn tả dài cử chỉ rửa chân. Còn hơn một gương khiêm nhường được trình bày để ta noi theo, sáng kiến trên đây của Chúa Giêsu đã khiến Phêrô bối rối, trước tiên là một mạc khải về tính chất căn bản của việc Thiên Chúa hạ cố đến với chúng ta...Như thế, những người có trách nhiệm nhân danh Chúa Kitô, lập lại cử chỉ mà Chúa đã thực hiện trong bữa ăn cuối cùng khi thiết lập hy tế Thánh Thể, là nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống Kitô hữu, được liên kết hoàn toàn đặc biệt với các tông đồ đầu tiên. Ấn tích phân biệt họ, nhờ bí tích truyền chức đã lãnh nhận, làm cho sự hiện diện và tác vụ của họ trở nên **DUY NHẤT, CẦN THIẾT, VÀ KHÔNG THỂ THAY THẾ** được" (số 5).*

Vậy cụ thể của việc ra đi là gì? cần phải làm gì để được gọi là ra đi theo sứ mạng Chúa trao? Chúng ta tạm ghi lại những định nghĩa thường thấy khi nói tới việc "ra đi" của người xây dựng Nước Trời.

II. RA ĐI.

Ra đi là quỳ xuống "rửa chân" cho anh chị em. Nghĩa là phục vụ anh chị em đến quên mình như Chúa Kitô.

Ra đi là chấp nhận bỏ lại đằng sau mọi ổn định, an nhàn của cuộc sống.

Ra đi là chấp nhận đối diện với tình trạng chông chênh, bấp bênh, thiếu thốn, mất mát...

Ra đi là bỏ lại đằng sau mọi thứ vướng bận, công kênh của sự đời, của vật chất, của những gì không thuộc về Thiên Chúa, để từ đây dám chấp nhận hiến thân và tín thác hoàn toàn cho Chúa.

Ra đi là loại trừ mọi tính toán riêng tư, ích kỷ có nguy cơ làm cản trở bước chân đời tông đồ.

Ra đi là can đảm bước ra khỏi những lề thói, những nỗi trăn trở, những nếp nghĩ, nếp sống... cũ mòn, có nguy cơ kéo đời sống thiêng liêng của ta ì ạch, mệt mỏi, ương lười...

Ra đi là tước bỏ cách sống thụ động, tìm an nhàn, an phận, để bảo đảm sự nhanh nhẹn nhất cho bước chân lên đường. Bởi con đường mà người được sai đi không phải là con đường ngắn, nhưng là con đường kéo dài tận cuộc đời. Trên con đường cuộc đời của người được sai đi, không phải toàn gấm hoa, nhưng chắc chắn sẽ đông đầy gai góc và nước mắt. Vì thế mới phải tước bỏ nhiều để có thể bền chí trước mọi thực tế thương đau.

Ra đi là tự trút bỏ ý riêng để theo ý Chúa. Bởi chỉ có thể trút bỏ hoàn toàn ý riêng, đi tìm ý Chúa, ta mới hiểu được ý Chúa trên suốt hành trình ra đi của mình. Nếu không, ta cũng sẽ bị Chúa quả trách như đã từng quả trách tông đồ Phêrô: *"Anh can lỗi Thầy, vì tư tưởng của anh là của loài người, chứ không phải tư tưởng của Thiên Chúa"* (Mt 16, 23).

Sứ mạng của người ra đi chỉ trở nên xứng đáng với ơn gọi của Đấng sai đi, khi sứ mạng đó luôn luôn được đặt trong tương quan và gắn bó mật thiết với chính Đấng sai đi. Người sống sứ mạng ra đi chỉ trở nên xứng đáng với Đấng trao ban ơn gọi khi người ra đi chấp nhận dẫn thân đến cùng, dẫn thân đến hao mòn, đến quên mình, đến không còn gì cho mình, mà chỉ dành cho Đấng đã sai mình như tông đồ Phaolô đã từng thốt lên: *"Tôi sống nhưng không phải là tôi, mà là Chúa Kitô sống trong tôi"* (Gal 2, 20).

III. CHÚNG TÔI, NHỮNG LINH MỤC COI XỨ.

Những linh mục coi xứ được mời gọi ra đi để trở nên và để hiện thân hóa chính hình ảnh Chúa Kitô nơi cộng đoàn giáo xứ được trao cho mình. Dĩ nhiên, họ được mời gọi không chỉ làm chứng cho những anh chị em thuộc trách nhiệm của họ, mà còn cho mọi người, mọi nơi, mọi môi trường họ hiện diện. Tuy nhiên, lãnh trách nhiệm cai quản giáo xứ, họ phải để tâm, dồn hết khả năng cho trách nhiệm này. Bởi thế, chúng ta sẽ nhấn mạnh một chút về trách nhiệm coi xứ của các linh mục đang phục vụ tại các giáo xứ.

Người ta gọi các linh mục là mục tử. Nhưng có lẽ, các linh mục coi xứ mới là mục tử đúng nghĩa nhất: Họ là người cha, đúng nghĩa một người cha trong tinh thần đức tin của gia đình giáo xứ, trong và hoàn toàn thuộc về gia đình giáo xứ, với tất cả trách nhiệm của một người cha trên giáo xứ ấy. Bởi vậy, trách nhiệm mà Hội Thánh trao cho các mục tử coi xứ là trách nhiệm nặng, một trách nhiệm không ai có thể thay thế được.

Bởi vậy, các mục tử coi xứ, trước hết không tìm an thân, không tìm danh tiếng bằng những công tác xây dựng vật chất khang trang, không mãi miết chạy theo cám dỗ của việc xây cất (nói một cách mỉa mai: chỉ lo kiếm tiền, xin tiền...), và nguy hiểm cho việc cuốn hút chính mình vào những công tác trần thế bằng mỹ tửu: xây dựng nhà Chúa.

Thực ra, xây dựng nhà Chúa giỏi nhất phải là **VUN BỒI ĐỜI SỐNG ĐỨC MẸN** trong lòng người. Nếu có chăng những công trình trần thế, thì phải luôn luôn ghi nhớ hai điều hết sức quan trọng:

– Những công trình trần thế ấy **không phải do mình**, nhưng do rất nhiều anh chị em đóng góp mà thành. Đừng đánh mất lễ công bằng khi tự mãn với chính mình rằng: Tôi xây dựng nhà thờ, tôi làm nhà giáo lý, tôi xây nhà xứ, tôi xây hội trường giáo xứ, tôi dựng tượng đài Đức Mẹ..., thậm chí xây nhà tình nghĩa, nhà tình thương theo yêu cầu của xã hội, cũng do tôi nốt... Cái tôi mà "giết chết" tập thể là giết chết lễ công bằng!

– Những công trình trần thế, nếu là nhu cầu thực sự, thì nhu cầu đó phải mang lại nỗi ấm áp của một gia đình giáo xứ hiệp nhất, bình an. Công trình trần thế được hiện diện trên một giáo xứ, phải bảo đảm nâng cao tình yêu, lòng tin, sự cậy trông vững chắc vào Thiên Chúa đối với tất cả mọi người khi đến cầu nguyện. Bởi tha giáo xứ thiếu thốn mọi tiện nghi mà giàu tình yêu, còn hơn giàu tiện nghi mà lại nghèo tình yêu. Tôi thực sự cảm động khi

nghe một linh mục giảng về tình yêu, đã tuyên bố: “Nếu việc xây cất tượng đài tại giáo xứ chúng ta, vô tình làm mất tình đoàn kết, vô tình khiến anh chị em khoe cái giàu của mình, coi thường cái nghèo của người khác, thì thà giáo xứ chúng ta cứ giật sập tượng đài. Có tượng đài mà không có lòng yêu thương, không có tình bác ái, không mang lại lòng yêu mến Chúa, thì tượng đài có để làm gì hỡi anh chị em?”.

Các mục tử khôn ngoan hãy là những mục tử xây dựng gia đình giáo xứ của mình trên tinh thần đức tin, lòng yêu mến Thiên Chúa, sự đoàn kết yêu thương giữa những con người với nhau. Họ hãy là những mục tử thực thi vai trò mục tử của mình trong việc sống và làm nổi rõ tính cách cộng đoàn sống Lời Chúa, cộng đoàn sống Thánh Thể và trung thành với giáo lý Hội Thánh.

Nếu hình ảnh Chúa Kitô quỳ xuống rửa chân cho các môn đệ là sự tóm kết cả một đời làm người để phục vụ ơn cứu độ cho trần thế của Người, thì các linh mục coi xứ cũng hãy ra đi và thả chiếc neo cuộc đời cũng như sứ vụ linh mục của mình vào cuộc đời Chúa Kitô, để như Chúa Kitô, các linh mục nghĩ gì, nói gì, làm gì đều nhằm một đích điểm duy nhất: **ĐƯA MỌI NGƯỜI VỀ CÙNG THIÊN CHÚA**. Đó phải là sứ mạng ra đi trước tiên của linh mục coi xứ.

Nhưng để thực hành sứ mạng ra đi, đưa mọi người về cùng Thiên Chúa, Chúa Kitô đã phải chấp nhận hao mòn, chấp nhận xỏa mình. Người đã thực sự hóa thân làm người, sống, chết và sống lại. **Bởi đó, sứ mạng ra đi của người mục tử theo chân Chúa Kitô, đúng là một danh dự lớn, nhưng cũng đầy cam go thử thách...**

Hãy can đảm nhìn vào Chúa Kitô mà sống đời mục tử của mình.

Hãy yêu Thiên Chúa và yêu con người như Chúa Kitô đã yêu để tạo thêm nghị lực mà thực hành đời mục tử của mình.

Hãy đặt dấu chân đời mình vào dấu chân của Chúa Kitô, để có thể vượt trên “đâu sóng, ngọn gió”.

Hãy ngã vào Thánh Thể Chúa, và hiến tế chính mình trong từng thánh lễ.

Hãy cầu nguyện và tìm thánh ý Chúa trong Lời của Người.

Hãy nhận ra Chúa Kitô nơi từng hoàn cảnh, từng anh chị em, thậm chí cả những kẻ chống đối mình.

Lm. VŨ XUÂN HẠNH

VỀ MỤC LỤC

LÀ NGƯỜI ĐIÊN TRONG CHÚA

Thánh Phanxicô Khó Khăn, sau khi được Chúa chụp bắt, đã trở thành một người điên trước mắt bè bạn, người thân thuộc và gần như cả thành phố nơi Người sinh sống. Tại sao Người lại phải ra nông nổi đến như thế? Là vì Người đã từ bỏ tất cả để theo Tin Mừng. Người nghe được tiếng gọi thâm sâu trong cõi lòng:

“Anh em hãy ra đi. Nay Thầy sai anh em đi, như chiên con đi vào giữa bầy sói. Đừng mang theo túi tiền, bao bì, giày dép.” (Lc 10, 3-4a)

Thánh Phanxicô đã là người điên trong Chúa, đã trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Giêsu, đã mặc lấy Đức Kitô. Những câu chữ này diễn tả rất rõ nét lòng mến của thánh Phaolô đối với Đức Kitô và từ lòng say mê điên cuồng này mà Ngài đã nói tiếp:

“Tôi đã trở nên yếu với những người yếu, để chinh phục những người yếu. Tôi đã trở nên tất cả cho mọi người, để bằng mọi cách cứu được một số người. Vì Tin Mừng, tôi làm tất cả những điều đó, để cùng được thông chia phần phúc của Tin Mừng.” (1Cr 9, 22-23)

Nhìn vào hai vị thánh lớn này, tôi nhận ra các Ngài đã sống với những gì mà bài Tin Mừng Mc 3, 1-6 tường thuật. Trước sự rình rập để tố cáo của bọn Phariseu, Chúa Giêsu vẫn cương quyết dẫn thân. Người vẫn hiên ngang bảo người bại tay: *"Anh chỗi dậy, ra giữa đây !"* Dù cho họ vẫn làm thinh không thay đổi thái độ hiềm khích trong sự ghen tức, trong sự chai lì do lòng họ đã ra chai đá. *"Ngài vẫn bảo anh bại tay: "Anh giơ ra !" Người ấy giơ ra, và tay anh liền trở lại bình thường."*

Đúng là tình yêu chiến thắng sợ hãi !

Chúa Giêsu đã yêu thương ngay cả những người rình rập để tố cáo Ngài. Ngài chỉ muốn cứu họ thoát khỏi sự cằn nhẽ quá cứng nhắc vào Lễ Luật. Ngài chỉ muốn dẫn họ ra khỏi lòng chai dạ đá. Ngài chỉ muốn họ nhận thức được câu kinh thánh: *"Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần tế lễ !"*

Chỉ vì Tình Yêu Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã phải đương đầu với thế lực sự dữ như Ngài đã nói:

" Ai tự mình giảng dậy, thì tìm vinh quang cho chính mình.

Còn ai tìm vinh quang cho Đấng đã sai mình, thì là người chân thật

Và nơi người ấy không có gì là bất chính." (Ga 7, 18)

Hoặc chỗ khác:

"Chúa Giêsu đáp: Nếu tôi tôn vinh chính mình, vinh quang của tôi chẳng là gì cả. Đấng tôi tôn vinh chính là Cha tôi. Đấng mà các ông gọi là Thiên Chúa của các ông." (Ga 8, 54)

Trong xã hội hiện nay, tôi đang chứng kiến quá nhiều thế lực sự dữ. Sự dữ không chỉ thể hiện bằng sức mạnh của quyền lực chính trị mà điều nguy hiểm tiềm tàng ẩn dấu đáng sợ. Đó là bằng tiềm lực kinh hãi của Thần Tàì, Thần "Đô-La".

Khi tôi không còn năng lực để kiểm ra tiền vì sức khỏe đã không còn cho phép do những sự tàn phá ngay từ bên trong nội tạng của mình. Sự hủy diệt này chỉ có riêng tôi đau khổ với nó mà thôi. Thế rồi, khi tình yêu Đức Kitô đã thôi thúc, tôi chẳng còn bận tâm để tìm công việc nữa vì quá nan giải đối với một người vừa tật nguyên vừa bệnh hoạn liên miên từ sâu kín của nội tạng mà chỉ duy một mình cay đắng đón nhận. Thay vì ngồi một chỗ ca thán, than thân trách phận, tôi đã cố gắng quyết tâm ra đi giúp đỡ một nhóm nhỏ, để họ mỗi ngày nhận ra thánh ý Chúa trong bài Tin Mừng của ngày hôm ấy. Ấy vậy mà, khi một vài bè bạn thân quen đến thăm, anh em đã thăm trách tôi là không chịu vượt qua khó khăn để kiếm sống dù anh em đã giúp tôi "cần câu".

Quả nhiên, tôi rất đau khổ vì anh em nói đều đúng và chính xác. Nhưng anh em có thấu hiểu cho rằng "ở trong chần mới thấy chần có rận". Vì đâu cứ có cần câu là phải câu được cá. Vì đâu phải, ai cũng cứ phải làm việc mới có ăn. Vì đâu phải cứ 'có thực mới vực được đạo'. Những nỗi khổ thầm kín riêng tư của tôi rồi cũng lắng dịu bởi khi nhìn vào gương Chúa Giêsu, tôi đã phó dâng cho Ngài tất cả.

Chúa đi rao giảng suốt những ba năm. Ngài có làm công việc gì ngoài loan báo Tin Mừng đâu ! Chẳng lẽ Ngài đã để lại gương xấu cho tôi noi theo khi Ngài phải sống dựa vào người khác ! Chắc chắn là không ! Điều này thánh Luca tường thuật:

"Các bà này đã lấy của cải mình mà giúp đỡ Chúa Giêsu và các môn đệ". (Lc 8, 3b)

Tôi có là người điên trong Chúa không ? Tôi bình an khi thánh Phaolô chia sẻ với tôi:

"Vì Tin Mừng, tôi làm tất cả những điều đó, để cũng được thông chia phần phúc của Tin Mừng".

Lạy Cha yêu thương và toàn năng, con chỉ xin là người điên trong Chúa mà thôi. Con đã không lười biếng khi con là một người tàn phế. Con đã không để uổng phí thời gian này thay vì than khóc, thay vì tiếc nuối rồi sinh ra buồn bực khổ đau. Con chỉ xin Chúa cho con đủ sức để cương quyết trước áp lực xã hội. Hãy nói với con: "Anh chỗi dậy, ra giữa đây !"

Xin thánh Phaolô truyền lại Thần Khí cho con "VỚI Đấng ban sức mạnh cho tôi, tôi chịu được hết" (Pl 4, 13)

Tạ ơn Cha Nhân Lành của con ! Amen.

Saigon, 17 / 01 / 2007

Phêrô Vũ văn Quý CVK64

peterquivu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

GIAI ĐOẠN CHỨNG VIỆN ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG

ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG CỦA CÁC LINH MỤC TƯƠNG LAI TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM HÔM NAY

Nguyên bản tiếng Anh Lm. Micae-Phaolô TRẦN MINH HUY

Bản dịch Việt ngữ Lm. Vincentê Trần Minh Thực, Lm. GB. Nguyễn văn Hào

CHƯƠNG IX

GIAI ĐOẠN CHỨNG VIỆN ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG

A. Chương Trình Tổng Quát Trong Tiến Trình Đào Tạo Của Chứng Viện.

Hầu hết các Đại Chứng Viện tại Việt Nam đều chia chương trình đào tạo chứng viện làm hai giai đoạn. Trước tiên là giai đoạn triết học, giai đoạn này kéo dài 2 năm hoặc 3 năm tùy theo mỗi chứng viện. Cuối giai đoạn triết học, chủng sinh được đánh giá để có thể được gửi đi thực tập mục vụ tại mỗi giáo phận.

Tiếp theo là giai đoạn thần học, giai đoạn này cũng được chia làm hai nữa. Sau hai năm đầu giai đoạn thần học, chủng sinh có thể được gửi tới một giáo xứ trong vòng một năm để có được nhiều kinh nghiệm mục vụ của Linh mục. Việc phân chia thời gian như thế này thuận tiện cho ba cuộc nhận định quan trọng về chủng sinh. Nhận định thứ nhất xảy ra sau hai năm đầu giai đoạn thần học. Nhận định thứ hai xảy ra sau khi đã đi thực tập mục vụ (năm giúp xứ) trở về. Và nhận định thứ ba sẽ xảy ra trong hai năm tiếp theo của giai đoạn thần học để chuẩn bị lãnh chức linh mục.²⁹¹

Việc đào tạo thiêng liêng nhằm đến con người toàn diện và làm cho người linh mục tương lai có thể đạt tới sự trưởng thành nhân bản, trưởng thành trong đời sống kitô giáo và trưởng thành trong đời sống linh mục. Vì thế, chủng sinh phải được đào luyện với đời sống thần học kiên vững, tinh thần cầu nguyện, tinh thần khổ chế, đức vâng lời đích thực và trưởng thành, tinh thần khó nghèo Phúc âm và khiết tịnh vì Nước Trời. Chủng sinh cũng phải học và thực hành những nhân đức nhân bản và xã hội vốn được dân chúng ngưỡng vọng và đức ái đòi hỏi, chẳng hạn: lòng thành thật, ý niệm về đức công bằng, trung thành giữ lời hứa, lịch thiệp và tín cẩn, tinh thần phục vụ và dẫn thân, khả năng làm việc chung, có trách nhiệm, v.v...

Người ta nhấn mạnh đến sự tương tác giữa việc đào tạo nhân bản và đào tạo thiêng liêng. Việc đào tạo nhân bản cho ứng sinh được bắt đầu với sự trợ giúp của gia đình và xứ đạo trước khi anh vào Chứng viện. Việc đào tạo nhân bản không chỉ đem lại lợi ích cho ứng sinh trong thời gian học tại chứng viện mà còn có một ảnh hưởng sâu xa đến sứ vụ tương lai của anh nữa. Nó tùy thuộc phần lớn vào sự trưởng thành, sự quân bình tâm lý và sức mạnh của ý chí của ứng sinh. Vì thế, việc đào tạo nhân bản luôn phải hòa quyện với đào tạo thiêng liêng.

B. Đào Tạo Thiêng Liêng

1. Chuẩn Mục Của Đào Tạo Thiêng Liêng.

Việc đào tạo thiêng liêng thích hợp nhằm giúp các linh mục tương lai tái khám phá căn tính của mình, từ "bệ thờ" đến tham gia, từ người rao giảng cổ điển đến người mang trong mình các mẫu nhiệm, từ kiểu cách đơn độc đến sứ vụ hợp tác, từ linh đạo đan viện đến linh đạo sống thánh giữa trần thế, từ việc cứu giúp các linh hồn đến việc giải thoát con người, ở tất cả mọi cấp độ.

a. Cấp Độ Cá Nhân

Linh đạo của chủng sinh triều mang chiều kích Chúa Ba Ngôi và lấy Chúa Kitô làm trung tâm, gắn bó cá nhân với Ngài, vừa hoạt động vừa chiêm niệm, cam kết sống đời cầu nguyện mà Thánh Thể là trung tâm điểm, noi gương Đức Maria, canh tân đời sống nội tâm và biến đổi mình, sống kỷ luật, sống đơn sơ, sống quân bình nhân cách (thiên liêng, tâm lý và giới tính).

b. Cấp Độ Giáo Hội Và Truyền Giáo

Linh đạo của linh mục triều mang đặc tính: giáo hội, mục vụ và tông đồ, tinh thần hiệp thông, tập thể tính linh mục, ăn khớp với giáo huấn của Hội Thánh, sẵn sàng đáp ứng các dấu chỉ thời đại dưới tác động của ơn Chúa, lãnh đạo như tôi tớ phục vụ, thấm nhuần đức tin và truyền giáo, liên đới với người nghèo hèn bé nhỏ, đối thoại với các nền văn hoá, với những niềm tin khác, với những người không tin, cả với người vô thần và cộng sản, thăng tiến công bằng xã hội, hoà bình, quyền con người, văn minh tình thương và sự sống, mở ra với thế giới nhưng không thuộc về thế gian. 293

C. Việc Linh Hướng

1. Định Nghĩa

Linh hướng là một công tác mục vụ đặc biệt nhằm giúp chủng sinh lớn lên trong tương quan với Chúa Cha, cởi mở đáp lại Chúa Kitô và sẵn sàng để Chúa Thánh Thần hướng dẫn, ngõ hầu biết phân định ơn gọi của mình và chuẩn bị cho sứ vụ linh mục trong Giáo Hội. 294

* Linh hướng là một tiến trình trưởng thành liên nhân vị, qua đó tiếng gọi của Chúa được lắng nghe và đáp lại trong đức tin.

* Linh hướng nhằm nuôi dưỡng một con tim phân định can đảm đang tìm khám phá để đạt được ý Chúa.

* Linh hướng trước hết liên hệ với sự trưởng thành toàn diện trong đức tin, trong khi đối mặt kịp thời với các vấn đề và khủng hoảng. Nói cách khác, việc linh hướng kích thích đức tin phát triển.

* Việc linh hướng sẽ hữu hiệu khi sự trưởng thành được biểu lộ rõ nét trong sự gia tăng tình thương, lòng trung thành và sự chăm sóc đầy trách nhiệm.

* Việc linh hướng cung cấp một bầu khí yêu thương vô điều kiện. Môi trường này rập khuôn với bầu khí cầu nguyện. Tiên vàn đó là công việc của Chúa Thánh Thần, và vị linh hướng phải học biết làm cho dễ dàng, chứ không cản trở hoạt động của ơn thánh.

* Dù có tính cách liên nhân vị, việc linh hướng mang chiều kích cộng đồng và Giáo Hội rất cao. Nó nuôi dưỡng viễn ảnh toàn cầu và cánh chung, nội tại lẫn siêu việt.

2. Những Nguyên Tắc Chung

Việc linh hướng thường nhằm đến những mục đích sau:

- * Giúp chủng sinh biết sống tương quan mật thiết với Chúa;
- * Giúp chủng sinh biết trực tiếp thưa chuyện với Chúa và lắng nghe những gì Ngài chỉ dạy;
- * Giúp chủng sinh sống thân mật với Chúa và biết đối thoại với Ngài;
- * Giúp chủng sinh biết nh?n ra và biết sống những kinh nghiệm thực tế trong tương quan

với Thiên Chúa: kinh nghiệm sống đạo đối với việc linh hướng cũng giống như thực phẩm đối với việc nấu nướng;

* Giúp chúng sinh biết lưu tâm mà đáp lại tiếng Chúa mời gọi để càng ngày càng sống thân mật với Ngài hơn, và sống những hậu quả của mối tương quan ấy;

* Giúp chúng sinh biết luôn đặt mình trước mặt Chúa bằng cả con người và suốt cuộc đời mình;

* Giúp chúng sinh ý thức trách nhiệm của mình để duy trì và phát huy trong ánh sáng của Chúa Thánh Thần, vốn là vị linh hướng đích thực;

* Giúp chúng sinh tìm được con đường mà Chúa mời gọi, để chọn lựa phù hợp ý Chúa, với ý thức và tự do nội tâm.²⁹⁵

Người ta nhấn mạnh rằng người thụ hưởng phải đi bước trước trong mối tương quan. Những đề tài thảo luận phải đáp ứng được các nhu cầu của người thụ hưởng. Một chương trình đào tạo được thiết lập để giúp ứng sinh thực hiện một quyết định đặc biệt, trong sự tôn trọng sự vụ linh mục trong Giáo Hội. Vì thế, một bản câu hỏi gợi ý²⁹⁶ được đề nghị như một chỉ dẫn để thảo luận trong các lần gặp linh hướng.

3. Ba Vấn Đề Cơ Bản Và Quyết Định

Trong giai đoạn đầu tiên ở Đại Chủng Viện, ứng sinh phải được giúp ý thức và làm thế nào để trực diện với ba vấn đề cơ bản mang tính quyết định ngõ hầu đạt được một đường hướng dứt khoát hơn cho cuộc đời anh. Nếu ba vấn đề này không được “giải quyết,” chúng sẽ ảnh hưởng mạnh trên cách ứng xử của anh, mà hậu quả sẽ là một khủng hoảng ơn gọi:

* **Biết Mình**

Tự biết mình là yếu tố rất quan trọng để ứng sinh đạt được trưởng thành. Sau những năm học đại học, có lẽ ứng sinh đã hiểu được mình là ai, với tất cả những điểm mạnh và những điểm yếu. Nếu không có nhận thức rõ ràng về mình này, ứng sinh dễ có khuynh hướng tự đề cao về mình bằng sự phòng vệ. Sự kiện hầu hết chủng sinh không thể trực diện chính mình để biết mình là ai giải thích tại sao có quá nhiều sự không trưởng thành hay tự đánh giá thấp nơi các thầy thần học, ngay cả nơi các linh mục mới chịu chức nữa.

* **Vấn Đề Sự Thân Mật Và Tính Dục**

Là sinh viên tốt nghiệp đại học, nhiều chủng sinh có thể đã có người yêu trong thời gian học đại học; vấn đề sự thân mật và tính dục trở nên có thật. Chủng viện sẽ xây dựng một lối sống khả dĩ ngăn ngừa cách hữu hiệu các lối giải quyết cho những chiến đấu của họ. Chọn sống độc thân là một chọn lựa tự do. Họ phải đương đầu và làm việc để vừa thắng vượt các chiến đấu này, lại vừa thắng tiến chọn lựa của mình. Nếu địa hạt này không được trực diện và giải quyết, những vật lộn này sẽ trở lại với họ, ngay cả sau khi đã thụ phong linh mục. Giáo Hội muốn tránh điều đó, nhưng tiến trình khó khăn ấy cần có thời gian và những cố gắng chân thành. Trong “Truyện Kiều,”²⁹⁷ Nguyễn Du diễn tả “dầu lìa ngó ý còn vương tơ lòng,” nghĩa là “tuy đã chia tay, sự gắn bó dịu dàng vẫn còn.”

* **Quyền Bính**

Quyền bính quả là một cơn cám dỗ, đặc biệt trong bối cảnh văn hoá tập trung quyền bính của Việt Nam, do ảnh hưởng của Khổng Giáo và quyền bính phẩm trật của Đạo Công giáo. Thật là ích lợi cho các chủng sinh khi được đối mặt với những gương mặt quyền bính khác nhau, nhờ đó họ có cơ hội xác định và điều khiển tự do của mình, hầu làm phát triển một thái độ lành mạnh đối với quyền bính. Khả năng tạo thế quân bình giữa phục tùng và tự lập nằm ở chính đức vâng lời. Việc linh hướng phải giúp chúng sinh biết nhận ra, đối diện và giải quyết các vấn đề này, hầu tránh được các vấn đề về quyền bính có thể nổ ra sau này, gây nên các mối liên hệ căng thẳng với Giám mục và giáo dân. Ngoài ra, người ta cũng muốn vượt thắng ba loại tùng phục (quyền phục, lý phục và tâm phục). Sự kính trọng thái quá đối với các linh mục và chủng sinh của giáo dân Việt Nam có thể gây cơ cho họ trở nên độc tài và quan liêu, hách dịch.

4. Đánh Giá Động Lực Nội Tâm

Vị linh hướng sẽ giúp chúng sinh phân tích và đánh giá hai yếu tố này:

a. Tính Hấp Dẫn CủaƠn Gọi

Thiên Chúa có thể nói gián tiếp với chúng sinh qua Kinh Thánh, qua Giáo Hội, qua gia đình và qua những nhu cầu của cuộc sống con người. Ngài cũng có thể trực tiếp đánh động con tim và làm cho sự lôi cuốn lớn lên thành cốt lõi của ơn kêu gọi. Nhưng tính hấp dẫn này phải được phân định qua việc linh hướng để nắm chắc rằng chúng sinh đáp ứng được các khía cạnh thiêng liêng và tông đồ của một cam kết dẫn thân phục vụ Giáo Hội;

b. Biểu Lộ Cụ Thể Của Ý Hướng Ngay Lành

Tự do lương tâm là điều cần thiết cho quyết định làm linh mục. Vị linh hướng phải giúp chúng sinh khám phá ra những gì Thiên Chúa thực sự kêu gọi anh trở thành và thực hiện. Đáp trả tự do của anh sẽ là cốt lõi sự cam kết của anh và động lực xứng hợp sẽ đóng một vai trò quan trọng trong sự bền đỗ, khi anh cụ thể bày tỏ ý hướng ngay lành muốn làm linh mục.

Trong năm thực tập mục vụ và hai năm thần học cuối, chúng sinh phải tìm cho được lời khẳng định rằng Chúa muốn anh quyết định trở thành linh mục. Theo Thánh Ignatio, chúng sinh phải hiểu rõ sâu xa những điểm mạnh cũng như những điểm yếu của mình. Anh phải được giúp tìm biết cách ý thức chính mình, cũng như động lực vô thức của anh, ngõ hầu anh thấy được anh phải biến đổi trong cái gì. Chúng sinh phải đánh giá lại lời mời gọi của Chúa và sự đáp trả của anh để có được một cam kết sâu xa hơn. Anh cũng phải nội tâm hóa dẫn thân của anh, cũng như cụ thể hóa đời sống sứ vụ của một linh mục triều, qua việc anh gặp gỡ Chúa Giêsu Kitô, Đấng là nguyên thủy và cùng đích của mọi ơn gọi (x. Ga 15, 16).

Sau khi đã chú ý lắng nghe với biện phân và khiêm tốn, vị linh hướng có thể khám phá được người thụ hưởng được Chúa gọi hay không. Nếu có, ngài xác định cho anh tiếp tục đi tới với niềm vui tươi, hy vọng và hạnh phúc, mặc dù anh sẽ gặp thấy những khó khăn và đen tối trong cuộc sống lữ hành của anh. Nếu không, ngài nên gợi ý cho anh đổi hướng sống trong bình an, đồng thời bước theo con đường Chúa mời gọi anh đi với can đảm và hạnh phúc.

D. Đời Sống Cầu Nguyện Và Đời Sống Nội Tâm

1. Định Hướng Căn Bản Cho Đời Sống Thiêng Liêng Sâu Xa:

Yếu tố quan trọng nhất trong việc đào tạo thiêng liêng là cầu nguyện, vì việc cầu nguyện nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng.

Trước khi vào Chủng viện, các chủng sinh đã từng kinh nghiệm về kinh nguyện Kitô giáo: cầu nguyện cá nhân, cầu nguyện cùng cộng đoàn và cầu nguyện trong phụng vụ. Họ đã được khai tâm bởi nhiều người và nhiều cách khác nhau, tùy theo sự khác biệt trong hành trình và sự đa dạng của các trào lưu đạo đức trong Giáo Hội Công giáo.²⁹⁸ Như thế, ít nhiều chi họ cũng đã nếm trải được niềm vui và sự khô khan trong việc cầu nguyện (x. Rm 8, 26). Do đó, việc huấn luyện cầu nguyện, vốn là cách biểu lộ đặc biệt đức tin và đức cậy của chúng ta nơi Chúa, sẽ không bao giờ kết thúc. Cầu nguyện sẽ giúp mỗi người sống tiếp thông với Chúa. Việc đổi mới đời sống nội tâm này là điều kiện không thể thiếu của mọi cuộc canh tân hiệu quả của Hội Thánh.²⁹⁹

Theo truyền thống, việc huấn luyện cầu nguyện là đối tượng được quan tâm đặc biệt, dựa trên hai bàn tiệc Lời Chúa và Thánh Thể.³⁰⁰ Việc đào tạo này lưu ý đến tâm thức đương thời, tâm lý đạo đức của chúng sinh, cách thức họ sống đời tín hữu và ước muốn trở thành linh mục. Việc đào tạo này nhằm giúp chúng sinh thanh luyện và sửa chữa cách thức cầu nguyện của họ, đồng thời học lời cầu nguyện tông đồ và mục vụ cho sứ vụ mai ngày của họ.

Một quan niệm tiên quyết và đích thực phải có là cách cầu nguyện của linh mục triều khác với cách cầu nguyện của linh mục dòng. Linh mục triều cầu nguyện bằng sứ vụ của mình bất cứ giờ nào và bất cứ ở đâu. Gương mẫu của họ là chính Chúa Giêsu, Đấng luôn sống thân mật với Chúa Cha: Chúa Giêsu cầu nguyện với Chúa Cha, lúc ở nơi hoang vắng hay khi ở giữa đám đông dân chúng, lúc ban ngày hay suốt đêm khuya, sáng sớm tinh sương

hay muộn màng lúc đêm về, lúc vui mừng vì phép lạ hay khi đau khổ nơi vườn Giêtsimani, hoặc trên thập giá trong giờ tử nạn. Linh mục triều cầu nguyện theo đường lối đó và trong sự hiện diện của Chúa.

Vì thế, chủng sinh phải học thiết lập một kỷ luật cho mình, trong cả hai chiều kích của đời sống cầu nguyện, cá nhân cũng như cộng đoàn. Anh nắm giữ kỷ luật ấy, cả trong thời gian đang học ở chủng viện, và suốt cuộc đời linh mục của anh trong tương lai. Hầu hết các linh mục rời bỏ chức linh mục là vì đã sao lãng hay bỏ bê không cầu nguyện nữa. Họ thi hành sứ vụ như là công chức vậy.

Việc huấn luyện cầu nguyện phải được thực hiện tương tác với việc đào tạo thần học, trong các khía cạnh đa dạng của nó, đời sống cộng đoàn, phụng vụ, khai tâm tiệm tiến vào sứ vụ và đời sống linh mục, bằng khoa sư phạm phù hợp với những con người, nơi chốn, thời gian và thực hành khác nhau.³⁰¹

Vì thế, Đức Gioan Phaolô II đã nhắc nhở các linh mục phải lấy Chúa Giêsu làm trung tâm đời sống và luôn kết hợp mật thiết với Chúa bằng cầu nguyện, suy niệm cá nhân hàng ngày, Phụng vụ các Giờ Kinh và Thánh Thể. Rồi Ngài kết luận : “Nếu anh em đầy Chúa, anh em sẽ là những tông đồ đích thực của công cuộc truyền giáo mới, vì không ai có thể cho cái mà họ không có trong tâm hồn.” ³⁰²

2. Ba Đặc Tính của Cầu Nguyện:

a. Lời Cầu Nguyện Kitô Giáo³⁰³

Lời cầu nguyện Kitô giáo giúp chúng ta khám phá và gặp gỡ Thiên Chúa, Đấng làm cho ý hướng phàm nhân được siêu thoát. Đó là một dẫn thân cá nhân của con người đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa trong mỗi phút giây, nhờ Chúa Thánh Thần trợ giúp (x. Rm 8,26). Lời cầu nguyện Kitô giáo được đồng hóa với lời cầu nguyện của Đức Kitô, Đấng mang lấy cả loài người và dâng chính mình lên Chúa Cha.

Trong hiệp thông với Hội Thánh, mỗi người được mời gọi ca ngợi Thiên Chúa nơi các thánh, chiêm ngắm mầu nhiệm thánh ý Chúa, nài xin thoát khỏi những lo âu phiền muộn, giữ vững niềm tin, biết rằng mọi người trên thế gian đều phải gánh chịu cùng một nỗi thống khổ; cầu xin ơn cứu độ, xác tín rằng Thiên Chúa muốn mọi người được rỗi; hiến dâng chính mình và tất cả nhân loại, nhờ công việc của Chúa Thánh Thần; ăn năn thống hối (x. 1 Ga 1, 9); và cùng với mọi loài thụ tạo, tôn thờ Đấng Tạo Hóa.

Sau Chúa Kitô, Đức Maria là mẫu gương về đời sống cầu nguyện của mọi tín hữu. Mẹ đã ca ngợi những kỳ công của Chúa, đón nhận mầu nhiệm cứu độ và giữ vững đức tin sống động, cả dưới chân Thập Giá. Mẹ hằng cầu bầu cho các tín hữu và trở thành gương mẫu cho các linh mục trong đời sống cầu nguyện. Thật vậy, Tông Huấn Pastores Dabo Vobis dạy: “Mọi chiều kích của việc đào tạo linh mục đều có thể qui chiếu về Đức Maria ... Nhờ gương mẫu và lời chuyển cầu của Người, Đức Trinh Nữ luôn tỉnh thức dõi theo sự phát triển các ơn gọi và đời sống linh mục trong Hội Thánh.” ³⁰⁴

b. Lời Cầu Nguyện Tông Đồ³⁰⁵

Nhờ hoạt động, người môn đệ Đức Kitô loan báo Tin Mừng và khai mạc Nước Thiên Chúa. Nhờ cầu nguyện, người môn đệ nhận ra và làm chứng rằng Nước Trời là một quà tặng của Thiên Chúa, và ân huệ ấy phải được khẩn khoản nài xin bằng lời cầu nguyện. Chính Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ của Ngài phải cầu nguyện cho Nước Thiên Chúa ngự đến (x. Mt 6, 9-10).

Công Đồng Vaticanô II khuyên dạy người Kitô hữu chúng ta cần để ý sâu xa hơn tới những khía cạnh tông đồ. Mục đích của việc tông đồ là làm cho người khác nhận biết và yêu mến Thiên Chúa, Đấng không ngừng qui tụ mọi người từ khắp muôn phương. Như thế, chiều kích tông đồ thuộc về kinh nguyện Kitô giáo. Không thể có đối nghịch và phân rẽ giữa cầu nguyện và hành động. Hành động là nơi người ta hao tổn nhiều sức lực, có khi đến cạn kiệt; còn cầu nguyện là nơi con người tái nạp lại năng lượng. Lời cầu nguyện tông đồ bảo đảm và ghi nhận xác tín rằng Nước Thiên Chúa đến không tùy thuộc hành động của con người, nhưng lệ thuộc vào hành động của Thiên Chúa.

Vì thế, việc đào tạo sống đời tông đồ và đào tạo cầu nguyện không thể tách rời nhau được. Khi linh mục xác tín hơn rằng mình phải ký thác cho Chúa Thánh Thần để trở thành dụng cụ mềm mại trong tay Thiên Chúa cho hoạt động tông đồ, lúc ấy ngài sẽ xác tín hơn về nhu cầu của lời cầu nguyện. Ngài sẽ hiểu rằng cầu nguyện không phải là một bổn phận phải chu toàn, nhưng là mối tương quan cần thiết với chính Thiên Chúa, Tác Nhân Chính Yếu của việc Nước Trời đến. Ngài sẽ giao phó chính mình cho hoạt động của Chúa Thánh Thần, ý thức rõ ràng hơn các dấu hiệu cụ thể của Nước Trời đang đến và làm cho các dấu hiệu đó dễ dàng trở nên chất liệu để chiêm ngắm.

c. Lời Cầu Nguyện Mục Vụ³⁰⁶

Lời cầu nguyện mục vụ là một trong những bổn phận của người mục tử, cả khi giáo dân tham gia vào các trách nhiệm mục vụ này. Những ai lãnh nhận trách nhiệm phục vụ cộng đoàn sẽ mang lấy cộng đoàn ấy vào trong lời cầu nguyện của mình.

Hoa trái của công tác mục vụ không phải là kết quả của sức con người, của tổ chức đẹp và linh hoạt tốt, nhưng là do công việc của Chúa Thánh Thần, Đấng hoạt động cách nhiệm mầu trong cộng đoàn và trong từng thành viên của cộng đoàn ấy.

Các mục tử phải để Chúa Thánh Thần hướng dẫn chính họ, có thể thì các hoạt động của họ mới là của Ngài. Họ cũng phải xin Chúa làm công việc của Ngài ở trong cộng đoàn: mở lòng họ cho hoạt động của Ngài với tinh thần tông đồ.

Loại cầu nguyện này liên quan đến sứ vụ của toàn thể Hội Thánh, nhưng đặc biệt cho những ai, do nhiệm vụ, có trách nhiệm đối với cộng đồng Giáo Hội. Trách nhiệm này xuất hiện rõ nét nơi sứ vụ chủ tọa Bí tích Thánh Thể và cử hành Phụng Vụ các Giờ Kinh. Đối với vị mục tử, việc cầu nguyện cho dân chúng là một phần trong toàn bộ trách nhiệm mục vụ của ngài, một nghĩa vụ thường xuyên đích thực, "một mối nợ trong sứ vụ."³⁰⁷

Lời cầu nguyện mục vụ là một hình thức của việc thực thi đức ái mục tử và của tình yêu Đức Kitô dành cho Hội Thánh và hết thảy mọi người. Vì thế, lời cầu nguyện mục vụ nhằm đến toàn thể nhân loại mà Chúa Kitô đã hiến mình chịu chết, chứ không chỉ giới hạn vào cộng đoàn đã được tập hợp.

3. Phương Tiện Sư Phạm Trong Việc Huấn Luyện Cầu Nguyện

a. Các Trách Nhiệm

Trách nhiệm đầu tiên của việc cầu nguyện thuộc về Hội Thánh. Các nhà huấn luyện nhận lãnh trách nhiệm hướng dẫn việc cầu nguyện của cộng đoàn, quan tâm đến sự tham dự của cả cộng đoàn và của từng người. Các ngài cũng phải ý thức giúp đỡ cộng đoàn Chung viện và mỗi chủng sinh đi vào tinh thần của kinh nguyện phụng vụ, ngõ hầu ai nấy đều có tâm thức Giáo Hội, hơn là coi đó như những thực hành hay những ưa thích cá nhân.

Dẫu vậy, không có đối nghịch giữa cầu nguyện cá nhân và cầu nguyện cộng đồng, bởi vì bất cứ buổi cầu nguyện cộng đồng nào cũng đòi hỏi mọi thành phần tham dự, và bất cứ lời cầu nguyện cá nhân nào cũng đều là sự kéo dài của kinh nguyện phụng vụ và đều hướng tới kinh nguyện phụng vụ. Nhưng cầu nguyện cộng đồng không chỉ đơn giản là tổng số những lời cầu nguyện cá nhân. Mỗi người đều có trách nhiệm về phẩm chất kitô và Giáo Hội của lời cầu nguyện cá nhân cũng như của lời cầu nguyện của cộng đoàn mình: sự hiệp nhất của các con tim đang cầu nguyện (x. Cv 2, 46). Và lời cầu nguyện cộng đồng nâng đỡ lời cầu nguyện cá nhân: sự khích lệ nhận được từ lời cầu nguyện cộng đồng sẽ giúp mỗi người vượt qua những thử thách và những khó khăn mà mỗi người không thể tránh khỏi trong cuộc sống, chủng sinh cũng như linh mục.

b. Những Nơi Chốn

Việc linh hướng là một chỗ đặc ân, nơi đó, với tin tưởng và tự do, mỗi chủng sinh có thể nói về đời sống cầu nguyện của anh, về phẩm chất kitô và Giáo Hội của lời cầu nguyện đó, kiểm chứng tính kiên trì của việc anh cam kết cầu nguyện cộng đồng cũng như cầu nguyện cá nhân, đặc biệt trong việc nguyện gắm.

Việc linh hướng cũng là nơi huấn luyện cầu nguyện, vì nơi đây chúng sinh có thể bày tỏ những khó khăn, những tiến bộ hay thụt lùi, chiến đấu và niềm vui của mình khi cầu nguyện. Trong chiều hướng này, vị linh hướng có thể giúp người chúng sinh, bị xô đẩy chán nản, tìm ra hay tìm lại được con đường cầu nguyện, bằng cách khám phá ra và thử nghiệm những phương pháp thích hợp nhất sẵn sàng nâng đỡ anh và làm cho anh tiến bộ thực sự trong việc cầu nguyện cá nhân.

Vị linh hướng cũng phải làm cho đời sống cầu nguyện hội nhập hoàn toàn vào đời sống thiêng liêng, nhờ đó mỗi chúng sinh càng ngày càng học được làm sao đọc ra ý nghĩa thiêng liêng của các biến cố trong cuộc sống, chẳng hạn như lời mời gọi cá nhân phải hoán cải, việc loan báo Tin Mừng và tình hiệp thông huynh đệ ...

c. Các Thời Khắc

Đây là điều rất quan trọng: giúp chúng sinh ý thức sâu xa rằng đời sống thiêng liêng không thể chỉ đơn giản giản lược vào những thời khắc đặc biệt dành cho việc đọc kinh cầu nguyện, nhưng thời giờ cầu nguyện phải mở rộng ra trong toàn bộ cuộc sống. Người ta phân biệt cầu nguyện độc hữu và cầu nguyện liên lý. Giờ cầu nguyện độc hữu là chỉ dành cho việc cầu nguyện mà thôi, không làm chi khác. Còn cầu nguyện liên lý là cầu nguyện trong khi làm bất cứ việc gì.

Như thế, cầu nguyện góp phần vào sự thống nhất đời sống ơn gọi của chúng sinh, dù đôi khi cuộc sống ơn gọi đó gặp phải những khó khăn và thử thách. Các phương diện khác nhau của công cuộc đào tạo phải được tập hợp nhằm tới việc thống nhất đời sống, được kích hoạt bởi đức ái mục tử của Đấng Chấn Chiên Lành. Tất cả mọi người đều được mời gọi giúp đỡ lẫn nhau để đón nhận từ Chúa Cứu Thế sự phong phú nhiệm mầu của cuộc sống hiến dâng cho Chúa Kitô và cho tha nhân.

4. Sự Thịnh Lặng: Điều Kiện Thiết Yếu Cho Đời Sống Nội Tâm

a. Ý Nghĩa và Mục Đích của Thịnh Lặng

Sự thịnh lặng không thể bị chia tách bên ngoài và bên trong được.³⁰⁸ Thịnh lặng bên ngoài vừa là hy sinh hãm mình vừa là phương tiện bảo đảm sự yên tĩnh của tâm hồn, để hồi tâm và sống thân mật với Thiên Chúa.

Thịnh lặng nội tâm là sự bình an của linh hồn, nghĩa là nỗ lực kiểm soát các đam mê, kiềm chế những tưởng tượng viển vông, lo âu, kích động thái quá hay những suy sụp chán nản. Những tâm hồn tìm kiếm sự thánh thiện phải luyện tập để có sự bình an ấy: nếu không có thói quen tập luyện như vậy, thì cũng chẳng có thói quen tập nghĩ đến sự hiện diện của Chúa.³⁰⁹ Thịnh lặng nội tâm là thái độ sâu xa của linh hồn tìm kiếm mọi sự từ Thiên Chúa và hoàn toàn qui hướng về Ngài.

Thịnh lặng nội tâm cần đến và nuôi dưỡng thịnh lặng bên ngoài, trong khi thịnh lặng bề ngoài phục vụ cho mục tiêu của thịnh lặng nội tâm. Vì thế, luật sống của Chúng viện phải coi thịnh lặng bên ngoài như là ưu tiên, vì ở đâu thịnh lặng bên ngoài không hiện hữu thì thịnh lặng nội tâm cũng vắng mặt.³¹⁰

b. Giá Trị của Thịnh Lặng³¹¹

“Trong bối cảnh ồn ào và máy động như của xã hội chúng ta, thịnh lặng là bầu khí thiêng liêng và sống còn để cảm nhận sự hiện diện của Thiên Chúa.”³¹² Do đó, việc đào tạo thiêng liêng đòi hỏi sự thịnh lặng của mỗi người trong cuộc sống hằng ngày, trong đời sống phụng vụ, và trong những dịp đặc biệt của những ngày tĩnh tâm hay cấm phòng. Nhờ sự thịnh lặng, người chúng sinh biết chỗ của mình trước mặt Chúa, đồng thời tỏ lộ lòng khiêm tốn và khả năng lắng nghe của anh khi Chúa nói.

Nhờ sự thịnh lặng của thân xác, của trí óc và con tim, anh mới có thể đạt tới sự hiệp nhất và hiệp thông với Chúa: “Hãy lặng thịnh và hãy biết rằng Ta là Thiên Chúa” (Tv 46, 10). Như thế, “việc tìm kiếm thân mật với Chúa thực sự bao hàm nhu cầu sinh tử về thịnh lặng của toàn thể con người.”³¹³ Sự thịnh lặng này không phải là một không gian trống rỗng, bởi vì Thiên Chúa luôn có đó để lấp đầy. Nhiệm vụ quan trọng nhất là phải ý thức rằng ta luôn ở

trong sự hiện diện của Chúa và không thể tách khỏi Ngài.

c. Những Thách Thức của Thinh Lặng³¹⁴

Thinh lặng là một trong những thách thức lớn nhất trong đời sống con người. Một số người tìm kiếm sự thinh lặng, nhưng nhiều người khác lại làm mọi cách để tránh nó. Nhưng thinh lặng hỗ trợ lời nói, chuẩn bị lời nói và làm cho lời nói nên phong phú. Nếu không có thinh lặng thì có lẽ chẳng có ngôn ngữ. Lời nói cần thiết vì là phương tiện thông tin. Ngôi Lời, chìm sâu trong mầu nhiệm lặng thinh của Thiên Chúa để rồi giải thích và thông truyền Thiên Chúa cho con người. Đòi hỏi của thinh lặng và lời nói phải được cân bằng.

Vì thế, văn kiện Đào Tạo Thiêng Liêng Trong Chúng Viện mô tả rõ “thinh lặng nội tâm” - “thinh lặng bên ngoài”, và đòi hỏi thinh lặng nội tâm như là bầu khí đúng đắn của việc giáo dục tổng quát.³¹⁵ Đức Gioan Phaolô II ước mong rằng “chúng viện phải là nơi của thinh lặng, là nhà cầu nguyện, nơi đó Chúa tiếp tục qui tụ các môn đệ riêng ra, để họ sống cái kinh nghiệm mạnh mẽ của sự gặp gỡ và chiêm niệm.”³¹⁶ Thinh lặng là một thách thức cho bất cứ ai muốn sống thật đầy ý thức, chăm chú, cảnh giác và hoàn toàn hướng về Thiên Chúa. Mỗi người cần nhìn thấy và tìm ra được những cơ hội khả dĩ cho thinh lặng và đem chúng vào trong cuộc sống mình.

d. Những Phương Tiện Thuận Lợi Cho Việc Giữ Thinh Lặng³¹⁷

+ Thinh Lặng trong Phụng Vụ

Thinh lặng luôn là một phần của việc thờ phượng. Ta nên dùng kinh nguyện cộng đồng để dạy về thinh lặng. Phụng vụ cung cấp nhiều cơ hội để thinh lặng: Ngưng nghỉ một khoảng thời gian thích hợp sau mỗi bài đọc; nghỉ chốc lát để suy niệm sau bài giảng, hay sau lời kêu mời “chúng ta dâng lời cầu nguyện.” Sau hiệp lễ, nên dành một thời gian thinh lặng.

Trong Phụng vụ các Giờ Kinh cũng có nhiều dịp để thinh lặng: Sau vinh tụng ca và trước điệp ca của thánh vịnh kế tiếp, một chút ngưng nghỉ để cộng đoàn suy niệm về thánh vị đó; sau bài đọc Lời Chúa và trước xướng đáp, một lúc thinh lặng hợp lý để suy niệm.

Chúng ta chỉ chậm rãi đi vào thinh lặng sâu lắng khi chúng ta ý thức sự hiện diện bí ẩn của Thiên Chúa. Cầu nguyện trở thành sự kết hợp những lúc thinh lặng và lời nói trong một thái độ chiêm niệm, và đời sống thiêng liêng được ẩn giấu với Chúa Kitô trong Thiên Chúa.³¹⁸

+ Thinh Lặng Trong Nhà

Thật là quan trọng khi nhận ra rằng có nhiều môi trường khác nhau trong nhà: Tầng trệt, sân chơi, phòng ăn và phòng khách của chúng sinh là những nơi thích hợp để chuyện vãn. Tuy nhiên, ở các hành lang trên lầu và các phòng của chúng sinh thì nên kiểm chế việc nói chuyện. Mọi người đều phải cẩn trọng để khỏi làm xáo trộn sự thinh lặng của người khác. Radio, máy nghe băng, Tivi, âm lượng trao đổi... phải được điều chỉnh để bảo vệ bầu khí chiêm niệm, vốn phù hợp cho đời sống cầu nguyện và học tập. Không đòi phải thinh lặng tuyệt đối, nhưng cuộc trao đổi phải được giữ ở mức tối thiểu.

+ Thinh Lặng trong Những Ngày Cấm Phòng hay Tĩnh Tâm

Đời sống thiêng liêng và sự trưởng thành thiêng liêng được triển nở khi thinh lặng trở thành một phần của đời sống con người. Các cuộc tĩnh tâm dành cho việc đào tạo và bồi dưỡng thiêng liêng là những cơ hội khả dĩ để trải nghiệm sự thinh lặng.

Những ngày cấm phòng và tĩnh tâm là những kinh nghiệm căn bản trong việc tìm lại nguồn năng lượng cho đời sống cầu nguyện và đức tin. Chúng sinh sẽ dần dần khám phá ra những điều kiện của đời sống cầu nguyện đích thực trong ơn gọi và đời sống thiêng liêng của mình.

Những ngày cấm phòng và tĩnh tâm còn là dịp để lấy lại sức lực cho thể xác, cho trí khôn và linh hồn. Càng cảm thấy dễ chịu khi sống thinh lặng trong nhà, người ta càng dễ đi vào những giai đoạn thinh lặng dài lâu hơn. Thinh lặng không có nghĩa đơn giản là không nói. Do đó, người tĩnh tâm nên được khuyến khích loại bỏ những mối bận tâm bên ngoài. Những thứ

làm cho mình mất sự tỉnh lặng bề ngoài như báo chí, truyền thanh, truyền hình ... Tuy những biến cố xảy ra trên thế giới là một phần của đời sống cầu nguyện, chúng ta không cần phải quá chuyên môn để đem vào hết mọi biến cố. Càng đi vào tỉnh lặng và càng thẳng tiến đời sống chiêm niệm, chúng ta càng có thể nghe tiếng Chúa với những âm thanh khác nhau và mới lạ.

Thật là quan trọng khi nhận ra rằng tỉnh tâm là thời gian để nâng cao ý thức. Người tỉnh tâm cần ở vị trí "là" hơn là "làm." Sự chú tâm sẽ đạt được bằng cách học cho biết thụ động lắng nghe. Merton nói rằng mức độ truyền thông cao nhất không phải là truyền thông nhưng là hiệp thông. Vì thế, trong tỉnh lặng, trong không gian vắng lời nói, người tỉnh tâm có thể trở nên một với Chúa. Nhiệm vụ thiết thực là phải thuyết phục rằng ngay cả giữa cuộc sống bận rộn và xôn xao, chúng ta vẫn có thể kết hợp nên một với Chúa. Thái độ chiêm niệm này là thích hợp, không những trong chủng viện, mà còn trải dài trong suốt cuộc sống sứ vụ. Thái độ cầu nguyện này có thể còn sinh hoa kết quả dồi dào hơn nữa.

5. Những Hình Thức Cầu Nguyện

a. Liên Quan Đến Lời Chúa

1) Lời Chúa

Trong sắc lệnh Chúc Vực và Đời Sống Linh Mục, Công đồng Vaticanô II nêu rõ: "Nhiệm vụ đầu tiên của linh mục là rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa cho mọi người,"³¹⁹ Kitô hữu cũng như không phải là Kitô hữu; và Tông Huấn Pastores Dabo Vobis (Những mục tử như lòng mong ước) khẳng định "Linh mục trước tiên phải là thừa tác viên của Lời Chúa."³²⁰ Lương thực đầu tiên nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng của linh mục là Lời Chúa (x. Mt 4,4). Ai giữ Lời Chúa thì sống trong Chúa và tình yêu của Chúa được trọn hảo nơi người ấy (x. 1Ga 2,5-6); và người ấy sẽ an toàn đi trên chính lộ đến cùng Chúa Cha (x. Ga 14,6). Lời Chúa ban sự sống đời đời (x. Ga 6, 68).

Suy niệm, sống và rao truyền Lời Chúa là bổn phận và sứ vụ của mọi người Kitô hữu, nhưng còn hơn thế, đó là sứ vụ tiên quyết của linh mục (x. 1 Cr 9, 16). Chính Lời Chúa làm cho đời sống và sứ vụ của linh mục được triển nở và sinh hoa kết trái dồi dào trong chương trình cứu độ của thánh ý Chúa (x. Is 55,10-11, vì Lời Chúa khám phá ra điều bí ẩn trong linh hồn, chất vấn, sửa chữa, hoán cải, đổi mới và thánh hoá con người, với "một tâm hồn mới và một tinh thần mới" (x. Ezk 18,31), bằng cách làm cho đời sống và hành động của con người được thấm nhuần những giá trị Phúc Âm.

2) Lectio Divina

Ngày nay người ta tái khám phá ra giá trị và hiệu quả của việc đều đặn đọc và cầu nguyện Thánh Kinh, quen gọi là Lectio Divina. Nhiều linh mục và giáo dân làm chứng rằng họ đã tìm được nguồn lương thực nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng trong việc đọc và suy gẫm Lời Chúa hàng ngày hay hàng tuần. Bằng cách đặt cuộc sống mình dưới sức mạnh của Lời Chúa, người ta bộc lộ thái độ của người môn đệ lắng nghe, của người tội tử vâng lời, của Người Con đến để thi hành thánh ý của Cha. Lời Chúa đổi mới cái nhìn của chúng ta về mọi sự. Lời Chúa soi sáng trí khôn, mời gọi tới đức tin, mở lớn niềm hy vọng, thức tỉnh và đổi mới tình yêu.

Trong chủng viện, Lectio Divina được để cho sáng kiến của chủng sinh, với sự giúp đỡ của vị linh hướng. Khoa chú giải Thánh Kinh và Lectio Divina là hai bước biệt lập: qua việc chú giải Thánh Kinh, người ta học làm sao để thực sự đọc một bản văn với sự chú ý và khách quan, trong khi Lectio Divina gợi lên lòng khao khát học toàn bộ Kinh Thánh để khám phá và sống mỗi ngày một hơn sự phong phú bất tận của Lời Chúa.

3) Phụng Vực Các Giờ Kinh

Phụng Vực Các Giờ Kinh là lời cầu nguyện của Hội Thánh. Nhịp điệu và cấu trúc của nó không ngừng hướng con tim và ý tưởng chúng ta về Chúa, Đấng là nguồn mọi thiện hảo. Đối với một số người, nguy cơ của việc cử hành cộng đồng Phụng vụ các Giờ Kinh là để cho mình bị lôi đi cách máy móc hời hợt, thiếu nội tâm hóa đầy đủ sự phong phú của lời kinh này. Nhưng việc đọc riêng Thần vụ này còn khó khăn hơn, song đây lại là cái thông thường trong đời sống của đa số các linh mục triều sau khi chịu chức.

Vì thế, trong các buổi gặp linh hướng, người ta phải lưu ý “trắc nghiệm” các chủng sinh trong những kỳ nghỉ và thời gian thực tập mục vụ: Sống xa chủng viện, lại nhiều ít ở một mình, đâu là chỗ họ dành cho Kinh Nhật Tụng? Khuyến khích các linh mục tương lai trung thành với Phụng vụ các Giờ Kinh được nhìn nhận như là một bổn phận, hoặc đề nghị họ thực hành cộng đồng thì chưa đủ. Cần làm cho họ có thể hiểu rõ sự phong phú và ý nghĩa của việc thực hành này, ngõ hầu họ đảm nhận nó như một bổn phận quan trọng của sứ vụ tương lai của họ, trong sự hiểu biết và xác tín.

4) Nguyên Gẫm

Nguyên gẫm cá nhân hằng ngày là một thực hành cổ điển trong các chủng viện. Các chủng sinh được khuyến khích và giúp đỡ do được dạy cho biết nhiều phương pháp nguyên gẫm của nhiều trường phái linh đạo khác nhau. Họ có thể đi sâu vào một phương pháp thích hợp và khám phá ra cách thức riêng của mình để nguyên gẫm, vượt quá các phương pháp trên.

Hình thức cầu nguyện bằng trí khôn này là một cuộc tìm kiếm đầy đủ và sâu xa sự hiện diện và hoạt động của Thiên Chúa, như được mạc khải nơi các bản văn họ đọc. Họ đem hết trí tưởng tượng, tình cảm, trí khôn và ý muốn để chiêm ngắm những lời nói và việc làm của Chúa Giêsu trong Tin Mừng. Những khám phá như thế dẫn tới những biến đổi trong thái độ nội tâm và các động lực, ảnh hưởng đến cách ứng xử và làm phong phú mối tương quan của họ với Chúa (x. Lc 24,32).

Việc nguyên gẫm được hướng dẫn bởi các nhà đào tạo có thể giúp những người bắt đầu đi vào thực hành nguyên gẫm và làm cho họ có thể tự do chấp nhận một cách thức cụ thể để vượt qua các giai đoạn của thời gian cầu nguyện này. Thời gian tĩnh tâm và cấm phòng là những thời khắc đặc ân để tập luyện thực hành nguyên gẫm. Nhờ vào bầu khí lắng nghe, trao đổi và khích lệ của các buổi gặp linh hướng, chủng sinh có thể nói và đánh giá những niềm vui và những khó khăn họ gặp phải, nhịp độ và những khám phá đã thực hiện. Đời sống nhóm cũng là nơi để trao đổi và chia sẻ hữu ích.

Nguyên gẫm phải là thời gian và nơi chốn không gì có thể thay thế. Nó là một niềm vui và một trắc nghiệm lòng trung thành với Chúa, trong sự hiện diện đầy yêu thương của Ngài. Sự khô khan không thể tránh khỏi và sa mạc là những cuộc tập luyện tốt để khỏi dính bện các ảo tưởng cho rằng mình trực tiếp nắm bắt được Chúa.

Sau cùng, nguyên gẫm là nơi tiếp nhận và tái khám phá Thiên Chúa, Đấng không ngừng tự hiến mình cho những ai hằng tìm kiếm Ngài. Nhờ việc nguyên gẫm hằng ngày, người ta hiệp thông với Chúa và kín múc được nghị lực phục vụ tha nhân.

5) Đọc Sách Thiêng Liêng

Cùng với Lectio Divina, phải kể đến thực hành đọc đều đặn sách thiêng liêng của các Giáo phụ, để có thể làm quen trong đức tin sứ điệp Tin Mừng được các chứng nhân sống động chuyển tải và phiên dịch. Việc đọc sách thiêng liêng được coi là suối nguồn rất giá trị giúp chủng sinh lớn lên trong tương quan với Thiên Chúa và vận dụng cho các cuộc gặp linh hướng. Đọc sách thiêng liêng là một con đường đức tin được chia sẻ trong kinh nghiệm của người khác.

Điều quan trọng là sống làm sao. Tốt hơn là đọc ít đoạn rồi dừng lại để suy gẫm, thay vì đọc nhiều trang mà không để cho những điều đã đọc giúp mình tương quan thân mật với Chúa. Các sách thiêng liêng cổ thời hay hiện đại đều có thể giúp chúng ta lớn lên trong đời sống thiêng liêng mỗi ngày. Điều quan trọng không phải là đọc một bản văn, nhưng là tìm ra từ bản văn ấy cái giúp phát triển mối tương quan của một con người với Thiên Chúa.

b. Biểu Tượng và Nghi Thức

1) Bí Tích Thánh Thể

Thánh Thể là “nguồn suối và chóp đỉnh của đời sống Kitô hữu, đồng thời là trung tâm của tất cả đời sống chủng viện.”³²¹ Nhờ Thánh Lễ, tất cả và từng người tham dự vào lời cầu nguyện của Chúa Kitô. Thánh Lễ không phải là một lời đáp trả cá nhân đối với tình yêu của

Chúa Cha, nhưng là đại dương vô tận của những lời cầu khẩn, ca khen và dâng hiến của Chúa Kitô. “Thánh Thể nối kết trời với đất, ôm lấy và thấm nhuần tất cả tạo thành.”³²² Điều thiết yếu là học cho biết làm sao để được Chúa Kitô “bắt lấy”, nên một với Ngài, nhờ đó trọn vẹn đời sống chúng ta là một lễ vật.

Do đó, cử hành cách xứng đáng theo đúng luật phụng vụ thôi chưa đủ, cần phải có mối hiệp thông tâm hồn, nghĩa là sự tham dự sống động của tất cả mọi người. Trong chủng viện, đề nghị nhiều hình thức khác nhau là điều tốt: từ việc “viếng Minh Thánh Chúa” ngăn ngừa đến việc “thờ phượng” thường xuyên, như “đêm thờ phượng”, “Giờ Thánh”, “chầu Thánh Thể liên tục”... Chúa Kitô được tôn thờ dưới dấu chỉ khiêm tốn của miếng bánh là Đấng đã tự hiến chính mình vĩnh cửu cho Chúa Cha và đã trở nên lương thực cho tín hữu. Việc tôn thờ Thánh Thể thường xuyên giúp canh tân và xây dựng các cộng đoàn Giáo Hội trên khắp thế giới. Việc tôn thờ này mang lại nhiều nghị lực và hăng say cho các nhà truyền giáo, vì Thánh Thể là dấu chỉ thường xuyên của tình yêu Thiên Chúa.³²³

2) Bí Tích Sám Hối

Việc cử hành Bí Tích Hối Sám luôn là một cử hành phụng vụ, ngay cả với hình thức riêng tư của nó. Quả thế, thực hành bí tích sám hối là một yếu tố trong đời sống cầu nguyện của cả hai người, người xưng thú lẫn người nghe xưng thú. Trong chủng viện, các vị linh hướng luôn là thừa tác viên thường xuyên của bí tích này. Các ngài không chỉ khuyến khích các chủng sinh đều đặn thực hành bí tích này, mà còn giúp họ hiểu biết tốt hơn và cử hành nghiêm túc, vì bí tích này cũng là “một tập luyện tuyệt vời về nhân đức, đền tội... là trường tu đức không thể thay thế, là một sự trợ giúp thực sự trên con đường thánh hóa và linh hướng.”³²⁴

3) Lòng Sùng Kính Đức Maria

Đa số chủng sinh đều tự phát có lòng sùng kính Đức Maria với con tim chân thành. Trách nhiệm của các nhà huấn luyện là giúp họ biết sống lòng tôn sùng ấy một cách sâu xa. Lòng tôn sùng đích thực Đức Trinh Nữ Maria được đặc trưng qua thái độ sống đơn sơ và khiêm tốn theo gương của Ngài. Lòng sùng kính này được phát sinh từ việc chiêm ngắm mẫu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể. Lòng sùng kính này hướng dẫn sống đời nội tâm và việc dâng hiến đời mình theo gương mẫu của Đức Maria, trong lễ Mẹ Dâng Mình. Người ta sẽ không thể quên đặt lên hàng đầu chiều kích truyền giáo của lòng sùng kính Đức Mẹ.

Cách đơn giản, vô số tín hữu đã ưa thích việc lần hạt mân côi như là phương thế kết hiệp với Chúa qua kinh nguyện. Chuỗi mân côi là bản tóm lược của Phúc Âm. Cầu nguyện chuỗi mân côi là tham dự vào đời sống và sứ vụ của Chúa Cứu Thế và Mẹ Người, Đấng đã trở nên mẹ của hàng linh mục cách đặc biệt. Mẹ dẫn dắt mọi người đến với Chúa Giêsu và Chúa Giêsu sẽ đưa họ tới Chúa Cha. Đây hẳn là hành trình đức tin chắc chắn theo gương Đức Trinh Nữ Maria.

6. Những Cách Cầu Nguyện Của Người Á Châu Và Việt Nam

a. Từ Những Kinh Nghiệm Cầu Nguyện Trong Quá Khứ

Người ta cố gắng tập trung vào cả hai cách, cầu nguyện cộng đồng và cầu nguyện cá nhân. Vì thế xác có thể trở nên căng thẳng, sự chú tâm bị phân tán và dao động, người ta có thể dùng Kinh Thánh, các bài hát, đọc kinh, lần chuỗi để cầu nguyện và suy gẫm. Người ta cảm nhận được mối tương quan tốt với Chúa, nhưng đôi khi cũng bị chia trí, đôi khi rất căng thẳng và mệt mỏi, và thường làm theo thói quen như bốn phận phải làm. Với cầu nguyện cá nhân, đặc biệt là cầu nguyện tĩnh lặng và suy gẫm trong tâm trí, nhiều sự chia trí chiếm lấy đầu óc và cản trở cầu nguyện. Nhiều lúc người ta kết thúc giờ cầu nguyện với khô khan trống rỗng, quên đi rằng nếu tinh thần có đi đâu đâu thì thân xác vẫn luôn có đó ở trước mặt Chúa.

b. Đến Cầu Nguyện Trong Bối Cảnh Của Á Châu³²⁵

Khám phá ra sự hiện diện của Thiên Chúa hằng sống: Cách thức tín đồ Lão giáo, Khổng giáo và Phật giáo tọa tĩnh tòa sen tụng niệm có thể giúp chúng ta tái khám phá các hình thức chiêm niệm của cầu nguyện trong truyền thống kitô giáo và hội nhập chúng, bằng cách hướng chúng ta chú ý hơn nữa tới tư thế thân xác khi chúng ta cầu nguyện.³²⁶ Các thực

hành Zen hay Yoga có thể được dùng để giúp chúng sinh làm quen với ý thức sự hiện diện của Chúa. Đó là một cảm nhận chính mình như một toàn thể tinh-thần-thân-xác trong tương quan với Chúa. Dần dần người ta sẽ đắc thủ được thói quen ý thức, bằng cách tập sống sự hiện diện của Chúa, nghĩa là thường xuyên hướng chú ý của mình về sự hiện diện đầy yêu thương và sống động của Chúa ở trong và quanh mình. Thời gian tĩnh lặng của những ngày tĩnh tâm hay cấm phòng củng cố hiển những cơ hội thuận lợi để phát triển sự ý thức này ở một mức độ sâu hơn.

Một cách tốt để các chúng sinh khởi đầu là họ bỏ ra 15 hoặc 20 phút, hay lâu hơn nếu họ muốn, để tạo một tư thế thư giãn bằng cách kiểm soát hơi thở (hít vào và thở ra thật sâu); đồng thời tẩy bỏ khỏi đầu óc bất cứ bận rộn hay suy nghĩ nào, và để chìm sâu trong sự hiện diện của Chúa ở trong và ở quanh họ.

Sau một lúc, họ được nhắc nhở đi vào một cuộc đàm thoại đơn sơ, sâu lắng với Chúa đang hiện diện, về bất cứ cái gì đang chất chứa trong tâm hồn họ lúc đó. Có lẽ họ chẳng có gì để nói mà chỉ thích ngồi lắng nghe Chúa. Giây phút tĩnh lặng này thật bình an và thoải mái. Nếu cứ tập luyện mỗi ngày, họ sẽ khám phá được rằng dần dần họ trở nên càng ngày càng chú tâm vào Chúa hơn, và rằng họ đang lớn lên trong hiểu biết, nhẫn nại và yêu thương đối với những người xung quanh.³²⁷

c. Ích Lợi của Cách Cầu Nguyện Á Châu

Các tôn giáo Á Châu giới thiệu nhiều cách thức cầu nguyện đưa dẫn và thúc đẩy trọn vẹn con người vào cầu nguyện: thể xác, trí khôn, con tim, trí nhớ, trí tưởng tượng, hơi thở, tư thế thân xác và ngay cả môi trường bên ngoài đều được sử dụng cho việc cầu nguyện, và người ta gọi đó là "thân xác cầu nguyện." Phương pháp này nâng cao phẩm chất của cầu nguyện, cũng như phẩm chất của người cầu nguyện.

* Việc thực tập lắng nghe này làm chúng sinh dễ dàng đi vào tiếp xúc và hiệp thông với Chúa. Sự ý thức thụ động này giúp họ mở rộng lòng và "phó mặc" cho ơn Chúa hoạt động. Thái độ đón nhận thụ động này mang lại sự tĩnh lặng nội tâm cần thiết cho việc cầu nguyện, nhờ đó họ được Lời Chúa Kitô và ơn Chúa Thánh Thần đánh động và biến đổi.

* Thực hành thư giãn tạo nên bình an nội tâm và sự hài hòa làm cho tiến trình cầu nguyện được dễ dàng, trong khi thực hành tập trung cao độ lại rất hữu ích cho đời sống cầu nguyện. Nhịp thở có thể giúp gia tăng sự chú ý, tập trung và ý thức, là những cái làm cho tiến trình cầu nguyện của con người được dễ dàng.³²⁸

d. Cầu Nguyện Tập Trung Và Niềm Vui Thiêng Liêng

Các bậc thầy Zen hay Yoga có thể cầu nguyện (suy niệm và chiêm niệm) liên tục nhiều giờ. Họ cầu nguyện bằng tâm trí hay chính xác hơn là bằng cách tập trung tư tưởng.³²⁹ Đây là một hình thức cầu nguyện rất đơn giản, thường không dùng lời nói (cầu nguyện bằng lời). Để đi vào cầu nguyện tập trung, ta phải để mình hoàn toàn lệ thuộc vào Chúa và để cho tình yêu của Chúa Thánh Thần chi phối. Hãy lặn xuống trong sâu thẳm cõi lòng, nơi đó Thiên Chúa đang thực hiện những điều kỳ diệu; và hãy mở lòng cho Chúa Thánh Thần đang cư ngụ trong ta.

Phương pháp của cầu nguyện tập trung là:

- * Ngồi yên lặng, tư thế thoải mái và thư giãn;
- * Nghỉ ngơi trong lòng khao khát Chúa;
- * Hướng vào trung tâm bản ngã của mình;
- * Trong yên lặng, ý thức sự hiện diện của Chúa và bình an hấp thụ tình yêu của Ngài.³³⁰

Ngày nay, nhiều người công giáo học theo phương pháp cầu nguyện này. Các nhà đào tạo có thể thực hành và dạy chúng sinh áp dụng phương pháp này trong đời sống cầu nguyện của họ. Nếu kiên trì tập luyện thì ngày qua ngày, cầu nguyện tập trung sẽ giúp họ đi vào hiệp thông với Chúa ở mức độ sâu thẳm nhất của chính họ. Họ sẽ cảm thấy bình an hơn và càng ao ước mối tương quan yêu thương này với Chúa. Họ sẽ được thúc đẩy tìm kiếm sự

kết hiệp chiêm niệm sâu xa hơn nữa, mà bất cứ người sống đời dâng hiến nào cũng đều được mời gọi.

Nếu nguyện gắm được mô tả như lời cầu nguyện của tâm trí tìm biến đổi con tim, thì chiêm niệm là lời cầu nguyện của con tim sẽ biến đổi tâm trí. Cầu nguyện tập trung có thể giúp những người tìm kiếm Chúa kinh nghiệm được lợi ích tuyệt vời này. Thay vì dùng nhiều lời, ta có thể bắt đầu cầu nguyện tập trung bằng cách chọn một lời thôi: một lời thánh thiêng mang một ý nghĩa đặc biệt, có thể là một danh hiệu của Chúa, hay một lời rút ra từ Thánh Kinh.

Sau khi đã ổn định được tư thế thoải mái và thư giãn để cầu nguyện, hãy để nhịp thở nhẹ nhàng và đều đặn, hãy nhắm mắt lại và nói lên trong tinh lặng lời thánh thiêng đó, chú tâm vào sự hiện diện của Chúa và biểu lộ lòng ưng thuận của mình cho hoạt động của Ngài nơi bản thân mình. Khi những tư tưởng hay cảm nhận, những hình ảnh và kỷ niệm nổi lên làm chia trí, hãy nhẹ nhàng quay trở lại với lời thánh thiêng đó và để nó chiếm lĩnh hiện trường của ý thức. Không cần phải làm gì nhiều hơn thế. Không có gì đặc biệt để phấn đấu hay bất cứ kết quả rõ ràng nào để đạt cho được. Khi thời giờ cầu nguyện đã hết, từ sâu thẳm cuộc đời thoải tinh lặng với Chúa, hãy từ từ trở về cùng thế giới bên ngoài và những hoạt động thường nhật của mình.³³¹

e. Vượt Qua Những Khó Khăn và Kiên Trì Trong Đời Sống Cầu Nguyện³³²

Người ta phải nhắc các chủng sinh nhớ những thực tế này: Họ có thể gặp nhiều khó khăn trong suốt hành trình cầu nguyện của mình. Cầu nguyện không chỉ gồm toàn những kinh nghiệm vui mừng và thích thú. Khô khan và tăm tối cũng là một phần thiết yếu trong quá trình trưởng thành và biến đổi. Tự biết mình không phải luôn luôn là một kinh nghiệm vui thích, nhưng thông thường là một quá trình đau đớn của sự chấp nhận chính mình để được chữa lành. Họ phải học sống khiêm nhường, siêu thoát, từ bỏ và quên mình để chiến đấu chống lại tính kiêu căng tự mãn với tất cả những sức kháng cự tiềm ẩn của nó. Chỉ với lòng khiêm tốn và sự cởi mở với ơn Chúa, họ mới có thể đương đầu trong cuộc chiến đấu này.

Cách cầu nguyện Á Châu này thúc đẩy trọn vẹn con người vào trong mối tương quan với Chúa và làm biến đổi con người cách lớn lao trong mọi chiều kích (thể lý, tâm lý và thiêng liêng): Siêu nhiên không phá hủy tự nhiên, nhưng thăng tiến tự nhiên. Vậy, một khi áp dụng cách thực hành lắng nghe, thư giãn và tập trung, người ta càng trở nên ý thức hơn mình là ai và phải làm gì, không chỉ trong lời cầu nguyện mà còn trong đời sống hằng ngày của mình nữa.

7. Để Thành Người Lãnh Đạo Cầu Nguyện

a. Học Làm Sao Chủ Sự Cầu Nguyện

“Linh mục chỉ có thể huấn luyện người khác trong trường cầu nguyện của Chúa Giêsu, nếu chính Ngài đã được huấn luyện trong trường đó và tiếp tục nhận được sự đào luyện này.”³³³ Một khía cạnh căn bản trong chiều kích mục vụ của cầu nguyện là việc chủ sự cầu nguyện, phụng vụ và các bí tích, đặc biệt là Bí tích Thánh Thể.

Các chủng sinh luân phiên với các nhà đào tạo trong việc hướng dẫn giờ Kinh Sáng và giờ Kinh Chiều. Những cơ hội này cung cấp cho họ kinh nghiệm hướng dẫn cầu nguyện, là một trách nhiệm hàng đầu của linh mục. Một trong những vai trò của việc cử hành là giúp cộng đoàn cầu nguyện, bằng cách làm cho cộng đoàn có thể đi vào trong chính mẫu nhiệm đang cử hành. Tất cả những tác viên khác của cử hành phụng vụ đều có vai trò của họ, nhưng vai trò của linh mục có tầm quan trọng hàng đầu. Sự hiện diện, những lời suy niệm và phẩm chất các bài giảng của ngài đều mang tính thúc giục quyết tâm.

Tuy nhiên, linh mục chủ sự đôi khi có cảm giác mình không thể cầu nguyện sốt sắng được. Ngài thường bị chi phối bởi tiến trình cử hành, bởi những chi tiết của việc tổ chức và bởi những phản ứng của cộng đoàn. Đôi khi ngài cảm thấy không hài lòng.

Vì thế, các linh mục tương lai cần phải được chuẩn bị cho lời kinh phụng vụ mà họ sẽ chủ sự, về phương diện kỹ thuật cũng như phương diện thiêng liêng, để họ sống những gì họ nói và thấy. Nếu được chuẩn bị thực sự, vị chủ sự sẽ cảm thấy tự do hơn để cầu nguyện và qui tụ lời cầu nguyện của cộng đoàn lên Chúa. Vị chủ sự luôn nói “chúng ta:” ngài không thể cầu

nguyện giống hệt như các thành viên khác của cộng đoàn cầu nguyện, họ vốn không có một trách nhiệm đặc biệt gì. Ngài phải hướng dẫn cộng đoàn cầu nguyện, bằng cử chỉ và lời nói, và ngài cầu nguyện nhân danh toàn thể cộng đoàn. Vị chủ sự phải chú tâm đến những lúc suy niệm trong phụng vụ, đúng theo nghi thức. Như thế, khi vị chủ sự cầu nguyện trong vai trò của mình và đúng theo vai trò của mình, ngài sẽ cầu nguyện cách cá nhân.

Trong thời gian ở chủng viện, việc huấn luyện phụng vụ phải cung ứng cho chủng sinh một sự chuẩn bị tốt cho việc cử hành, không chỉ về mặt kỹ thuật, mà nhất là về mặt thiêng liêng. Phải quan tâm cho các chủng sinh có cơ hội lên tiếng trong cử hành phụng vụ (chẳng hạn vào lúc bắt đầu Thánh Lễ). Việc đó khiến họ cố gắng giúp cộng đoàn đi vào cầu nguyện. Trong việc thực thi sứ vụ của mình, các phó tế được chủ sự bí tích Thánh Tẩy, bí tích Hôn Phối và nghi thức An Táng. Đừng quên tiếp tục đồng hành giúp họ khám phá ra phận vụ của họ.

b. Học Hướng Dẫn Dân Chúa Trong Hành Trình Thiêng Liêng của Họ

Các ứng sinh linh mục phải chuẩn bị chính họ để trở thành Thầy dạy Lời Chúa, Thừa tác viên Bí tích, và Người Lãnh Đạo Cộng đoàn. Nói cách khác, họ phải học làm sao hướng dẫn cộng đoàn Dân Chúa trong đời sống thiêng liêng, đặc biệt trong việc linh hướng. Trong lãnh vực này, ta phải điều chỉnh lại quan niệm cho rằng mọi linh mục đều có thể trở thành vị linh hướng, vì ngày nay việc linh hướng và xưng tội có thể tách biệt nhau. Những ai muốn và được cắt cử làm linh hướng phải được Chúa Thánh Thần kêu gọi và phải được đào tạo kỹ lưỡng. Do đó, tất cả các chủng sinh, nhất là các thầy trong năm phó tế, phải học nghệ thuật và kỹ năng làm linh hướng.³³⁴

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

Dấu Hiệu Khi Thiếu Sinh Tố

Câu Chuyện Thầy Lang

Sinh tố là những chất hữu cơ cần thiết cho sự tăng trưởng và duy trì sức khỏe cũng như góp phần vào việc điều hành chức năng của các cơ quan, bộ phận trong người.

Tên tiếng Anh của Sinh Tố là Vitamin, có nguồn gốc tiếng La Tinh "*vita*" có nghĩa là đời sống và *amino* là chất dinh dưỡng cần thiết.

Hầu hết các sinh tố được cung cấp từ thức ăn, vì cơ thể con người không tổng hợp được, ngoại trừ hai sinh tố D và K. Điều may mắn là trong thực phẩm đều có đủ các loại sinh tố.

Mặc dù cơ thể chỉ cần một lượng sinh tố rất nhỏ nhưng lượng nhỏ đó giữ vai trò rất quan trọng cho sự sống còn của con người. Không có sinh tố thì những sinh vật cao cấp như loài người không thể tồn tại.

Sau đây là một số công dụng của sinh tố:

- Góp phần vào việc cấu tạo tế bào máu, xương và răng.
- Điều hành có hiệu quả những chức năng của tim và hệ thần kinh, tăng cường thị lực của mắt...
- Giúp cơ thể biến thực phẩm thành năng lượng.
- Giữ vai trò xúc tác trong các phản ứng sinh hóa và biến năng lượng để giúp tế bào hoàn thành các chức năng rất cần thiết cho sức khỏe của con người.
- Ngoài ra, sinh tố còn có tác dụng hỗ trợ cơ thể sử dụng các khoáng chất, chất đạm, chất bột đường và nước.

Điều cần lưu ý là các sinh tố không cung cấp năng lượng (calori) và không có khả năng tự nó làm tăng trưởng cơ thể như các chất đạm, chất béo, carbohydrate, khoáng chất và nước.

Có 13 loại sinh tố chính. Đó là sinh tố A, C, D, E, K và tám sinh tố thuộc nhóm B như B1 (thiamin), B2 (riboflavin), B3 (niacin), B5 (pantothenic acid), B6 (pyridoxine), B12 cobalamin), folacin (acid foli) và biotin.

Đặc biệt, sinh tố A vừa có trong thực phẩm từ động vật như thịt, trứng... lại cũng có ở dạng gọi là caroten trong thực vật. Khi được đưa vào cơ thể, caroten được biến thành sinh tố A. Caroten có nhiều trong cà rốt, rau xanh, cà chua .. Caroten còn là một chất chống oxy hóa rất hữu hiệu.

Ngoài ra còn một số chất không là sinh tố nhưng có các chức năng gần giống như sinh tố (vitaminlike substances). Chẳng hạn như bioflavonoid, carnitine, coenzyme, inositol.

Sinh tố được chia ra làm hai nhóm: Nhóm hòa tan trong chất béo như các sinh tố A, D, E, và K và nhóm hòa tan trong nước gồm có sinh tố C và các sinh tố B.

Sự phân biệt này rất quan trọng vì cơ thể tồn trữ sinh tố hòa tan trong chất béo ở gan và mô béo tương đối lâu hơn, nên tình trạng thiếu hụt các sinh tố nhóm này chậm xảy ra. Còn những sinh tố hòa tan trong nước chỉ tồn tại một thời gian ngắn trong cơ thể và cần được bổ sung thường xuyên để tránh các bệnh gây ra do thiếu những sinh tố nhóm này.

Đa số sinh tố rất dễ bị sức nóng và ánh sáng hủy hoại. Do đó, dù trong quá trình tồn trữ và nấu nướng thực phẩm, một số sinh tố bị mất đi. Sự mất mát càng lớn khi thực phẩm được tồn trữ dưới ánh sáng, sức nóng hoặc không được ướp lạnh, cất giữ đúng cách.

Sinh tố hòa tan trong mỡ béo có tính chất ổn định hơn sinh tố hòa tan trong nước khi thực phẩm được nấu nướng. Ví dụ, khi đun sôi thì lượng sinh tố hòa tan trong nước bị phân hủy trong nước nóng, cho nên muốn duy trì lượng sinh tố này thì không nên nấu quá lâu và chỉ nên nấu với ít nước.

Mỗi sinh tố có nhiệm vụ riêng của nó. Trong một số trường hợp, vài loại sinh tố có tác dụng hỗ tương nhưng không thể thay thế cho nhau.

Ví dụ:

- Sinh tố D có hiệu quả tốt hơn nếu dùng chung với sinh tố A.
- Cặp sinh tố D và A hoạt động tốt hơn nếu có sự hiện diện của sinh tố B;
- Sinh tố E được tăng hiệu năng khi đi chung với cặp sinh tố D và A;
- Sinh tố C có ảnh hưởng đến tác dụng của sinh tố A;
- Khi thiếu sinh tố B1 thì sự hấp thụ những sinh tố khác trong cơ thể gặp trở ngại.

Mặc dầu cơ thể cần sinh tố, nhưng sinh tố không thể thay thế thực phẩm. Nếu thay thế được thì người ta đã không cần những bữa ăn rườm rà mà chỉ cần uống vài viên sinh tố.

Các dấu hiệu khi cơ thể thiếu sinh tố.

1- Thiếu sinh tố A

Nhu cầu sinh tố A mỗi ngày là 900mcg.

Thiếu sinh tố A sẽ đưa đến giảm thị giác, mờ mắt ban đêm, giác mạc khô và đục, răng yếu mau hư, da khô có vảy, tóc khô giòn, cơ thể dễ bị nhiễm trùng, xương chậm phát triển.

Tuy nhiên, tình trạng thiếu sinh tố A ít khi xảy ra vì thực phẩm ăn vào hàng ngày có rất nhiều sinh tố này.

Sinh tố A có nhiều trong dầu gan cá, gan và thận động vật, sữa, lòng đỏ trứng gà, các

loại rau trái cây có lá và vỏ màu vàng...

2- Thiếu sinh tố D

Thiếu sinh tố D sẽ làm giảm sự hấp thụ calcium và phosphore ở ruột với hậu quả là xương và răng mềm và biến dạng. Trẻ em thiếu sinh tố D sẽ bị bệnh còi xương: xương ngực nhô về phía trước, xương sọ chậm khép kín, xương sống cong, răng sữa chậm mọc, răng khôn mỏng manh, men răng mau hư.

Ngoài ra, thiếu sinh tố D cũng đưa đến chứng co cứng và giựt các cơ (tetany), đặc biệt là cơ mặt, bàn tay, bàn chân.. Chứng này cũng xảy ra trong trường hợp calcium huyết xuống thấp.

Nhu cầu sinh tố D hàng ngày vào khoảng 5mcg.

Thực phẩm cung cấp rất ít sinh tố D, nhưng thiên nhiên đã giúp cơ thể tạo ra sinh tố D qua tác dụng của tia nắng mặt trời lên da. Mỗi ngày ta chỉ cần phơi nắng khoảng mười phút, hai ba lần mỗi tuần là có đủ số sinh tố D cần thiết.

Sinh tố D có nhiều trong các loại cá béo như cá trích, cá thu, cá hồi, cá ngừ... Gan, lòng đỏ trứng, bơ, sữa có một ít sinh tố D. Rau và trái cây hầu như không có sinh tố này.

3- Sinh tố E

Dấu hiệu do thiếu sinh tố E ít khi thấy ở con người, vì sinh tố này có trong mọi loại thực phẩm. Ngoài ra, sinh tố được tồn trữ trong một thời gian khá lâu trong tất cả các mô bào.

Sinh tố E giúp duy trì sự vẹn toàn của tế bào máu, bảo vệ tế bào phổi với ô nhiễm và giúp các tế bào này hô hấp hiệu quả hơn. Trái với sự tin tưởng của nhiều người, sinh tố E không tăng cường khả năng tình dục của nam giới.

Trẻ sơ sinh, nhất là khi sinh thiếu tháng, không có đủ sinh tố E sẽ có một số dấu hiệu như phú nề, vết thương trên da, tế bào máu bất bình thường..

Mỗi ngày cơ thể cần khoảng 8mg sinh tố E.

Sinh tố E có nhiều trong rau salad và các loại dầu thực vật ngoại trừ dầu dừa, mầm lúa mì, bắp, các loại hạt có vỏ cứng như hạt dưa, hạt bí, trong măng tây và các loại rau có lá màu lục...

Thực phẩm động vật có rất ít sinh tố E.

4- Sinh tố K

Sinh tố K giúp cơ thể chống chảy máu khi bị thương tích trên da thịt hoặc xuất huyết tại các cơ quan nội tạng. Sinh tố này cũng giúp gan tổng hợp các yếu tố đông máu, mà khi thiếu, máu sẽ ở trong tình trạng liên tục loãng.

Khi thiếu sinh tố K, máu sẽ không đông, vết thương chảy máu liên tục.

Các vi khuẩn trong ruột tạo ra 80% số lượng sinh tố K cần thiết, phần còn lại do thực phẩm cung cấp. Sinh tố này có nhiều trong trà xanh, củ cải, đậu nành, dầu thực vật, gan, lòng đỏ trứng...

5- Sinh tố B1

Thiếu sinh tố B1, con người trở nên dễ mệt mỏi, kém tập trung, ăn không ngon, đau bụng, buồn nôn, đầu ngón tay tê dại, nhịp tim nhanh, mất cảm giác vì viêm dây thần kinh ngoại vi, sưng phù cơ thể...

Sinh tố B1 (hoặc thiamine) có nhiều trong mầm lúa mì, mầm đậu nành, hạt hướng dương, gạo lức, lòng đỏ trứng, gan động vật, thịt nạc, cá...

Nhu cầu hàng ngày của cơ thể với sinh tố B1 là từ 1-3mg.

6- Sinh tố B2

Các dấu hiệu do thiếu sinh tố B2 gồm có: cơ thể mệt mỏi, vết thương chậm lành, thủy tinh thể đục, mắt cay không chịu được ánh sáng mạnh, lưỡi đau, môi nứt nẻ, da khô, tóc dễ gãy, móng tay chân giòn...

B2 có nhiều trong sữa, pho mát, thịt nạc, tim gan thận động vật, trứng, hạt ngũ cốc, rau có lá màu lục...

Mỗi ngày cơ thể cần 1,5mg B2.

7- Sinh tố B3

Khi thiếu sinh tố B3 hoặc Niacin, các triệu chứng sau đây có thể xảy ra: giảm sinh lực, mất ngủ, hay quên, tâm thần căng thẳng, lo âu, tính tình gắt gỏng; nhức đầu, sưng và chảy máu ở nướu răng, viêm ngứa trên da... Thiếu trầm trọng có thể đưa tới bệnh Pellagra với viêm da, rối loạn thần kinh, rối loạn tiêu hóa, mất ngủ, giảm cân, giảm trí nhớ...

Sinh tố này có nhiều trong các thực phẩm giàu chất đạm như gan, thận, thịt nạc, cá, nấm, các loại hạt, sữa, ngũ cốc, rau, trứng...

Nhu cầu hàng ngày từ 5 tới 17mg sinh tố B3.

8- Sinh tố B6

Thiếu sinh tố B6 (Pyridoxine) có những biểu hiện như giảm sinh lực, ăn mất ngon, mất ký, ngủ mê, buồn rầu, tinh thần dễ bị kích động, cơ co rút và yếu, tê đầu ngón tay, da khô, thiếu hồng cầu, da xung quanh mắt, mũi, miệng trở nên nhờn và đóng vảy... Trẻ em thiếu sinh tố này thường hay lên cơn động kinh, bần tính...

B6 có nhiều trong cám gạo và lúa mì, hạt hướng dương, có ít hơn trong trái chuối, trái bơ, cá, thận, gan, thịt gà, đậu nành...

Nhu cầu sinh tố B6 khoảng 2mg/ngày.

9- Sinh tố B12

Mỗi ngày, nhu cầu sinh tố B12 là từ 2 đến 4mcg. Nếu ăn 100gram thịt bò là đã có đủ số lượng B12 này.

Thiếu sinh tố B12 thường thấy ở người chỉ ăn rau trái cây hoặc những người không sản xuất được yếu tố nội tại tạo sinh tố B12, vì bị cắt bỏ bao tử, thiếu máu ác tính, nhiễm ký sinh trùng ...

Dấu hiệu thiếu sinh tố B12 gồm có: lưỡi viêm đỏ, cơ thể yếu đuối, ăn không ngon, da vàng nhợt, khó thở, giảm cân, đi đứng không vững, rối loạn thần kinh, tính tình cáu kỉnh, buồn rầu...

Gan là cơ quan chứa nhiều sinh tố B12 nhất rồi đến thận, tim, thịt bò, cá, lòng đỏ trứng, sữa, sữa chua, pho mát, sò, cua... Thực phẩm thực vật không có sinh tố B12.

10- Sinh tố C

Hiện nay, tình trạng thiếu sinh tố C trong cơ thể ít khi xảy ra, vì có rất nhiều thực phẩm cũng như nước uống chứa sinh tố này. Tuy nhiên, khi thiếu, các dấu hiệu sau đây sẽ xuất hiện: giảm cân, mệt mỏi, kém tập trung, đau nhức khớp và cơ, khó thở, sưng và chảy máu nướu, chảy máu dưới da, vết thương lâu lành. Thiếu trầm trọng sinh tố C sẽ đưa tới bệnh scurvy với rụng răng, mềm xương, mạch máu dễ vỡ, chảy máu, thiếu máu, suy tim, tử vong...

Sinh tố C có nhiều trong các loại trái chua như chanh, cam, dâu, cà chua ... hoặc trong súp-lơ, khoai lang, khoai tây...Thịt cá chứa rất ít sinh tố C.

Mỗi ngày nên tiêu thụ khoảng 60mg sinh tố C.

Kết luận

Trên đây là dấu hiệu khi cơ thể thiếu sinh tố trầm trọng. Sự thiếu trầm trọng này thường hay xảy ra khi con người 'nhất bên trọng, nhất bên khinh', chỉ thích ăn thực phẩm này mà bỏ rơi thực phẩm kia. Hoặc tiêu thụ thực phẩm không có chất dinh dưỡng.

Cho nên, để tránh nguy cơ bệnh tật gây ra do thiếu sinh tố, cần ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau. Vì mỗi thực phẩm có thành phần chất dinh dưỡng riêng.

Ngoài ra, mỗi ngày có thể uống thêm một viên đa sinh tố, để trong lòng đỡ thắc mắc, lo ngại thiếu vitamin. Đặc biệt là đối với quý vị tuổi cao, 'ăn cho xong bữa', cốt sao no bụng thì thôi...

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức Texas-Hoa Kỳ

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc "Trợ lực Giáo sĩ" bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những "Linh mục" không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Được chọn giữa loài người và cho loài người;
